

Số: 45/2018/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 19 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-

BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 176/TTr-STC ngày 11 tháng 12 năm 2018 và ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 343/HĐND-TT ngày 18 tháng 12 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Cà Mau để áp dụng tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong các trường hợp:

a) Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng đang sử dụng đất thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất được quy định tại Điều 1 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

b) Nhà nước cho thuê đất, gồm đất trên bề mặt, đất có mặt nước và phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất, cho thuê đất để xây dựng công trình trong lòng đất có mục đích kinh doanh mà công trình này không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất, công nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp thuê đất, gia hạn thời gian thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng cho các đối tượng tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong các trường hợp:

a) Nhà nước giao đất:

Xác định tiền sử dụng đất áp dụng cho các trường hợp được quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất mà diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng được quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

b) Nhà nước cho thuê đất:

Xác định tiền thuê đất được áp dụng các trường hợp được quy định tại điểm a, b và c, d khoản 5, Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê trong trường hợp đấu giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ và trường hợp đấu giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ đối với trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng.

Điều 2. Trình tự xác định giá đất

1. Xác định giá đất đối với từng thửa đất hoặc khu đất cụ thể:

Áp dụng Hệ số điều chỉnh giá đất cho từng tuyến đường, loại đất để tính giá trị quyền sử dụng đất cho từng thửa đất hoặc khu đất cụ thể nằm trên tuyến đường và loại đất đó, phải tuân thủ các bước sau:

Bước 1: Phải áp dụng đồng thời Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 với Bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo nguyên tắc phải trùng khớp tên đường (khu vực, đoạn đường) để xác định giá đất tại tuyến đường, loại đất và hệ số áp dụng tính giá đất cho từng tuyến đường, loại đất đó.

Bước 2: Xác định giá đất của tuyến đường, loại đất

Giá đất của từng tuyến đường, loại đất bằng (=) Giá đất cùng tuyến đường được quy định tại Bảng giá đất năm 2015 nhân (x) với Hệ số điều chỉnh giá đất của tuyến đường đó.

Bước 3: Xác định giá đất cho từng thửa đất hoặc khu đất cụ thể

Giá đất của từng tuyến đường, loại đất được xác định tại Bước 2 làm cơ sở tính giá đất của từng thửa đất hoặc khu đất được quy định tại Quy định áp dụng Bảng giá các loại đất 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

2. Xác định giá đất đối với đất hẻm:

Bước 1: Sau khi xác định được giá đất của từng tuyến đường tại Bước 2, khoản 1 nêu trên là xác định được giá đất của đường chính có hẻm cần xác định giá.

Bước 2: Xác định giá đất của thửa đất hoặc khu đất cụ thể thuộc hẻm:

Chọn giá đất của tuyến đường chính đã được xác định tại Bước 1 làm cơ sở áp dụng cách tính được quy định tại Bảng giá các loại đất năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau để xác định giá đất từng thửa đất hoặc khu đất cụ thể có vị trí trong các hẻm thuộc tuyến đường chính đó.

Riêng trường hợp tuyến đường có mức giá đất ở từ 14.000.000 đồng/m² trở lên tính theo Bảng giá các loại đất năm 2015 thì giá đất của đất hẻm được tính bằng (=) giá đất hẻm (Bảng giá đất ở hẻm quy định tại Bảng giá các loại đất năm 2015) nhân (x) với Hệ số điều chỉnh giá đất của tuyến đường đó.

Điều 3. Quy định Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

1. Phụ lục I: Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị.
2. Phụ lục II: Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn.
3. Phụ lục III: Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp.

(Chi tiết các Phụ lục I, II, III được ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 4. Xử lý chuyển tiếp

Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh hoặc bổ sung giá đất vào Bảng giá các loại đất được ban hành tại Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 và Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 thì Hệ số điều chỉnh giá đất của các tuyến, đoạn đường được điều chỉnh, bổ sung áp dụng mức hệ số K=1,0.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- LĐVP UBND tỉnh (vic);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Báo Cà Mau;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng NN-TN (Nguyên, 13/12);
- Lưu: VT, M.A185/12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU



HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Cà Mau)

Tháng 12 năm 2018



HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Cà Mau)

PHỤ LỤC I: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

1. THÀNH PHỐ CÀ MAU

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Ngô Quyền	Công trường Bạch Đằng	Lý Bôn	1,8
2	nt	Lý Bôn	Nguyễn Trãi	1,8
3	nt	Nguyễn Trãi	Đình Tiên Hoàng	1,6
4	nt	Đình Tiên Hoàng	Cổng Công viên Văn hóa	1,5
5	nt	Cổng Công viên Văn hóa	Tạ Uyên	1,8
6	nt	Tạ Uyên	Lương Thế Vinh	1,8
7	nt	Lương Thế Vinh	Võ Văn Tần	1,8
8	nt	Võ Văn Tần	Hết ranh phường 1	1,8
9	nt	Hết ranh phường 1	Vòng xoay đường Ngô Quyền	1,9
10	Đường đi UBND xã Hồ Thị Kỳ	Vòng xoay đường Ngô Quyền	Cầu Bạch Ngưu	1,8
11	Lý Thái Tôn	Lê Lợi	Phan Ngọc Hiển	1,4
12	nt	Phan Ngọc Hiển	Phạm Hồng Thám	1,6

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13	Phạm Hồng Thám	Lý Thái Tôn	Lý Bôn	1,8
14	nt	Lý Bôn	Lâm Thành Mậu	1,6
15	Lâm Thành Mậu	Cầu Phụng Hiệp	Phạm Hồng Thám	1,5
16	nt	Phạm Hồng Thám	Hết ranh lò giết mổ	1,5
17	nt	Hết ranh lò giết mổ	Hết ranh phường 4	1,5
18	nt	Hết ranh phường 4	Hết ranh phường Tân Xuyên	1,4
19	Phan Ngọc Hiền	Lý Thường Kiệt	Mố cầu Phụng Hiệp	1,6
20	nt	Mố cầu Phụng Hiệp	Quang Trung: bên trái	1,6
21	nt		Quang Trung: bên phải	1,5
22	nt	Phạm Văn Ký	Lý Bôn (2 bên cầu)	1,5
23	nt	Lý Bôn	Phan Đình Phùng	1,8
24	nt	Phan Đình Phùng	Lý Thái Tôn	1,8
25	nt	Lý Thái Tôn	Nguyễn Trãi	1,8
26	nt	Nguyễn Trãi	Đình Tiên Hoàng	1,8
27	Phạm Văn Ký	Phan Ngọc Hiền	Nguyễn Hữu Lễ	1,8
28	nt	Nguyễn Hữu Lễ	Phan Chu Trinh	1,8
29	nt	Phan Chu Trinh	Trung Trắc	1,8
30	Lý Bôn	Lê Lợi	Hoàng Diệu	1,8
31	nt	Hoàng Diệu	Nguyễn Hữu Lễ	1,8
32	nt	Nguyễn Hữu Lễ	Phan Ngọc Hiền	1,8
33	nt	Phan Ngọc Hiền	Bùi Thị Xuân	1,8
34	nt	Bùi Thị Xuân	Phạm Hồng Thám	1,8

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
35	Lý Bôn	Phạm Hồng Thám	Nguyễn Thiện Năng	1,8
36	Phan Đình Phùng	Lê Lợi	Hoàng Diệu	1,8
37	nt	Hoàng Diệu	Ngô Quyền	1,9
38	nt	Ngô Quyền	Bùi Thị Xuân	1,8
39	Hoàng Diệu	Công trường Bạch Đằng	Lý Bôn	1,8
40	nt	Lý Bôn	Phan Đình Phùng	1,8
41	nt	Phan Đình Phùng	Lý Thái Tôn	1,8
42	Nguyễn Hữu Lễ	Lý Thái Tôn	Lý Bôn	1,8
43	nt	Lý Bôn	Phạm Văn Ký	1,8
44	Lê Lợi	Trung Nhị	Lê Lai	1,8
45	nt	Lê Lai	Nguyễn Trãi	1,8
46	Lý Văn Lâm	Nguyễn Trãi	Cống bến Tàu A (cũ)	1,6
47	nt	Cống bến Tàu A (cũ)	Cổng Công viên Văn hóa	1,6
48	nt	Cổng Công viên Văn hóa	Hết ranh trường Tiểu học phường 1, khu A	1,6
49	nt	Hết ranh trường Tiểu học phường 1, khu A	Lương Thế Vinh	1,6
50	nt	Lương Thế Vinh	Võ Văn Tần	1,8
51	nt	Võ Văn Tần	Ranh Phường 1	1,7
52	nt	Ranh Phường 1	Cầu Giồng Kè	1,7
53	Nguyễn Trãi	Lê Lợi	Phan Ngọc Hiển	1,8
54	nt	Phan Ngọc Hiển	Nguyễn Thiện Năng	1,8
55	nt	Nguyễn Thiện Năng	Tạ Uyên	1,8
56	nt	Tạ Uyên	Hết ranh khách sạn Best	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
57	Nguyễn Trãi	Hết ranh khách sạn Best	Công Kênh Mới	1,3
58	Quốc lộ 63	Công Kênh Mới	Đường vào UBND phường Tân Xuyên	1,5
59	nt	Đường vào UBND phường Tân Xuyên	Cầu số 2	1,4
60	Đường Kênh Cui	Nguyễn Trãi	Hết ranh Trường tiểu học phường 9 (Khu C)	1,2
61	nt	Đoạn còn lại		1,3
62	Kênh Mới	Quốc lộ 63	Cầu Thanh Niên	1,2
63	Đề Thám	Toàn tuyến		1,8
64	Phan Chu Trinh	Toàn tuyến		1,8
65	Trung Trắc	Toàn tuyến		1,8
66	Trung Nhị	Toàn tuyến		1,8
67	Lê Lai	Toàn tuyến		1,8
68	Vưu Văn Tý	Phan Chu Trinh	Nguyễn Hữu Lễ	1,8
69	Nguyễn Thiện Năng	Lâm Thành Mậu	Nguyễn Trãi	1,7
70	Bùi Thị Xuân	Lý Bôn	Lý Thái Tôn	1,8
71	Đường vào Thành đội Cà Mau	Nguyễn Trãi	Hết ranh đất của Thành đội	1,2
72	Phan Bội Châu	Quang Trung	Hết ranh Sở Thủy sản cũ	1,8
73	nt	Hết ranh Sở Thủy sản cũ	Cầu Gành Hào	1,8
74	nt	Cầu Gành Hào	Hèm 159	1,6
75	nt	Hèm 159	Hèm Bệnh viện sản - nhi	1,5
76	Quang Trung	Phan Bội Châu	Cầu Cà Mau	1,8
77	nt	Cầu Cà Mau	Cầu Phụng Hiệp	2,1

STT	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
78	Quang Trung	Cầu Phụng Hiệp	Bùi Thị Trường	1,5
79	nt	Bùi Thị Trường	Cầu Bùng Bình	1,5
80	nt	Cầu Bùng Bình	Đường 3/2	1,5
81	nt	Đường 3/2	Cống Cà Mau	1,5
82	Kênh Xáng Phụng Hiệp	Cống Cà Mau	Hết Bến tàu liên tỉnh	1,3
83	nt	Hết Bến tàu liên tỉnh	Vàm Cái Nhúc	1,3
84	nt	Vàm Cái Nhúc	Hết ranh phường Tân Thành	1,4
85	Đường Kênh xáng Cái Nhúc	Vàm Cái Nhúc đi UBND phường Tân Thành	Hết ranh Phường Tân Thành	1,2
86	Bùi Thị Trường	Quang Trung	Hùng Vương	1,7
87	nt	Hùng Vương	Nguyễn Ngọc Sanh	1,8
88	Trần Văn Thời	Nguyễn Ngọc Sanh	Đường 3/2	1,8
89	Lý Thường Kiệt	Ranh phường 6	Đầu lộ Tân Thành	1,4
90	nt	Đầu lộ Tân Thành	Cột mốc KM số 4	1,4
91	nt	Cột mốc KM số 4	Đường vào sân bay	1,4
92	nt	Đường vào sân bay	Cách bến xe liên tỉnh: 100m	1,8
93	nt	Riêng khu vực bến xe liên tỉnh	Cách 2 bên: 100m	1,8
94	nt	Cách bến xe liên tỉnh: 100m	Hèm đối diện nhà thờ Bảo Lộc	1,9
95	nt	Hèm đối diện nhà thờ Bảo Lộc	Tượng đài	1,8
96	nt	Tượng đài	Mố cầu Cà Mau	1,8
97	nt	Mố cầu Cà Mau	Quang Trung (2 bên cầu)	1,8
98	An Dương Vương	Lý Thường Kiệt	Hùng Vương	1,8

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
99	An Dương Vương	Hùng Vương	Hồ Trung Thành	1,8
100	nt	Hồ Trung Thành	Đường 6A, 6B	2,1
101	Hùng Vương	Huỳnh Ngọc Diệp	Bông Văn Dĩa	1,6
102	nt	Bông Văn Dĩa	Bùi Thị Trường	1,5
103	nt	Bùi Thị Trường	Phan Ngọc Hiển	1,8
104	nt	Phan Ngọc Hiển	Lý Thường Kiệt	1,5
105	nt	Lý Thường Kiệt	Mố cầu Gành Hào	1,2
106	nt	Mố cầu Gành Hào	Phan Bội Châu: Bên phải	1,4
107	nt		Phan Bội Châu: Bên trái	1,4
108	Lưu Tấn Tài	Phan Ngọc Hiển	Lý Thường Kiệt	1,8
109	Trần Hưng Đạo	Phan Bội Châu	Mố cầu Huỳnh Thúc Kháng (2 bên)	1,8
110	nt	Mố cầu Huỳnh Thúc Kháng	Lý Thường Kiệt	1,5
111	nt	Lý Thường Kiệt	Phan Ngọc Hiển	1,5
112	nt	Phan Ngọc Hiển	Bùi Thị Trường	1,8
113	nt	Bùi Thị Trường	Nguyễn Du	1,8
114	nt	Nguyễn Du	Đường 3/2	1,8
115	nt	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	1,9
116	nt	Hết ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	Hết ranh phường 5	2,1
117	nt	Hết ranh phường 5	Cầu Cái Nhúc	2,1
118	Quản lộ Phụng Hiệp	Cầu Cái Nhúc	Ranh phường Tân Thành	2,1
119	Lê Đại Hành	Phan Ngọc Hiển	Lý Thường Kiệt	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
120	Trần Văn Bình	Nguyễn Ngọc Sanh	Trần Hưng Đạo	1,6
121	nt	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	1,6
122	Châu Văn Đặng	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Ngọc Sanh	1,6
123	Nguyễn Ngọc Sanh	Phan Ngọc Hiền	Đường 30/4	1,6
124	Đường 30/4	Bông Văn Dĩa	Trần Hưng Đạo	1,6
125	nt	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Ngọc Sanh	1,6
126	Đường 30/4	Nguyễn Ngọc Sanh	Trần Văn Thời	1,6
127	Đường 1/5	Trần Hưng Đạo	Đường 30/4	1,8
128	Đường số 1, 2, 3 (Giới hạn giữa đường 30/4 và đường 1/5)	Đường 30/4	Đường 1/5	1,5
129	Đường số 1	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	1,5
130	Đường 3/2	Lý Thường Kiệt	Trần Văn Thời	1,8
131	nt	Trần Văn Thời	Tôn Đức Thắng	1,5
132	nt	Tôn Đức Thắng	Trần Hưng Đạo	1,4
133	nt	Trần Hưng Đạo	Quang Trung	1,5
134	Tôn Đức Thắng	Trần Quang Khải	Trần Hưng Đạo	1,6
135	nt	Trần Hưng Đạo	Đường 3/2	1,8
136	nt	Đường 3/2	Hết đường nhựa hiện hữu	1,8
137	Nguyễn Du	Đường 3/2	Trần Hưng Đạo	1,5
138	nt	Trần Hưng Đạo	Quang Trung	1,5
139	Lê Công Nhân	Nguyễn Du	Đường 3/2	1,5
140	Phạm Ngũ Lão	Nguyễn Du	Tôn Đức Thắng	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
141	Phạm Ngũ Lão	Tôn Đức Thắng	Tô Hiến Thành	1,5
142	nt	Tô Hiến Thành	Đường 3/2	1,5
143	Lê Hoàng Thá	Tô Hiến Thành	Đường 3/2	1,5
144	nt	Đường 3/2	Hết đường hiện hữu	1,5
145	Mạc Đĩnh Chi	Tô Hiến Thành	Đường 3/2	1,5
146	nt	Đường 3/2	Hết đường nhựa hiện hữu	1,5
147	Nguyễn Đình Thi	Đường 3/2	Tô Hiến Thành	1,5
148	Ngô Gia Tự	Huỳnh Ngọc Diệp	Đường 3/2	1,6
149	nt	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	1,5
150	Nguyễn Việt Khái	Toàn tuyến		1,5
151	Huỳnh Ngọc Diệp	Kênh xáng Phụng Hiệp	Hùng Vương	1,5
152	nt	Hùng Vương	Nguyễn Du	1,5
153	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Việt Khái	Trần Hưng Đạo	1,5
154	Tô Hiến Thành	Mạc Đĩnh Chi	Trần Hưng Đạo	1,5
155	nt	Trần Hưng Đạo	Đường 3/2	1,5
156	Trần Quang Khải	Nguyễn Du	Đường 3/2	1,5
157	nt	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	1,8
158	Trần Bình Trọng	Nguyễn Du	Đường 3/2	1,5
159	nt	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	1,5
160	Tôn Thất Tùng	Ngô Gia Tự	Quang Trung	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
161	Lê Khắc Xương	Lý Thường Kiệt	Trần Văn Thời	1,5
162	Nguyễn Tất Thành	Trương Phùng Xuân (Bên trái - Phía Sở GTVT)	Cao Thắng	1,5
163	nt	Trương Phùng Xuân (Bên phải - Phía trường TH Kinh tế - Kỹ thuật)	Hết ranh trường Lương Thế Vinh	1,5
164	nt	Cao Thắng	Nguyễn Công Trứ	1,8
165	nt	Nguyễn Công Trứ	Cổng Hội đồng Nguyên	1,8
166	Đường 19/5	Nguyễn Tất Thành	Kênh Rạch Rập	1,5
167	Đường lộ mới (Lộ kinh Tám Dân)	Nguyễn Tất Thành	Kênh Rạch Rập	1,5
168	Lộ Kinh Tinh đội (2 bên)	Nguyễn Công Trứ	Đường 19/5	1,8
169	Trương Phùng Xuân	Đường số 3	Đường số 1 (Dự án của Công ty DV-TM)	1,5
170	nt	Đường số 1 (Dự án của Công ty DV-TM)	Cầu Gành Hào	1,5
171	nt	Cầu Gành Hào	Kênh Rạch Rập	1,5
172	nt	Kênh Rạch Rập	Cổng Bà Cai	1,5
173	nt	Cổng Bà Cai	Giáp ranh xã Lợi An	1,5
174	Đường kênh Rạch Rập (Phía Đông)	Trương Phùng Xuân	Đường 19/5	1,5
175	nt	Đường 19/5	Hết ranh phường 8	1,5
176	Đường kênh Rạch Rập (Phía Tây)	Trương Phùng Xuân	Đối diện đường 19/5	1,5
177	nt	Đối diện đường 19/5	Hết ranh phường 8	1,8
178	Nguyễn Công Trứ	Cảng cá Cà Mau	Lê Hồng Phong	1,3
179	nt	Lê Hồng Phong	Nguyễn Tất Thành	1,5
180	nt	Nguyễn Tất Thành	Kênh Rạch Rập	2,1
181	Kênh 26/3	Kênh Rạch Rập	Kênh Bà Cai	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
182	Cao Thắng	Nguyễn Tất Thành	Lê Hồng Phong	1,5
183	Lê Hồng Phong	Cao Thắng	Nguyễn Công Trứ	1,5
184	nt	Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Đình Chiểu	1,5
185	nt	Nguyễn Đình Chiểu	Hết ranh Phường 8	1,5
186	Lưu Hữu Phước	Toàn tuyến		1,5
187	Nguyễn Bình Khiêm	Toàn tuyến		1,5
188	Nguyễn Đình Chiểu	Lê Hồng Phong	Nguyễn Tất Thành	1,5
189	nt	Nguyễn Tất Thành	Hết đường nhựa hiện hữu	1,8
190	Đường số 5	Nguyễn Đình Chiểu	Giáp ranh xã Lý Văn Lâm	1,5
191	Đường số 12	Nguyễn Công Trứ	Đường 19/5	1,5
192	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Ngã ba sông Gành Hào	Cổng Đôi, Phường 6	1,6
193	nt	Cổng Đôi, Phường 6	Giáp ranh giới xã Định Bình	1,5
194	Huỳnh Thúc Kháng	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Mố cầu Huỳnh Thúc Kháng (2 bên)	1,6
195	nt	Mố cầu Huỳnh Thúc Kháng	Hết ranh Trường tiểu học Lạc Long Quân 2	1,2
196	nt	Hết ranh Trường tiểu học Lạc Long Quân 2	Hết ranh nhà thờ Ao Kho	1,2
197	nt	Hết ranh nhà thờ Ao Kho	Hết ranh phường 7	1,2
Khu dự án của Công ty Dịch vụ - Thương mại, phường 8				
198	Đường số 1	Cao Thắng	Trương Phùng Xuân	1,6
199	Đường số 2	Đường số 1	Đường số 3 (Giáp Nhị tỳ)	1,5
200	Đường số 6, 7 (Số 2, số 4 mới)	Đường số 1	Đường số 3 (Giáp Nhị tỳ)	1,5
201	Đường số 3 (Giáp Nhị tỳ)	Cao Thắng	Trương Phùng Xuân	1,6

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Khu phường 8				
202	Lê Anh Xuân	Quách Văn Phẩm	Lê Vĩnh Hòa	1,5
203	nt	Lê Vĩnh Hòa	Nguyễn Bình Khiêm	1,5
204	Nguyễn Mai	Toàn tuyến		1,5
205	Nguyễn Ngọc Cung	Toàn tuyến đường hiện hữu		1,8
206	Lê Vĩnh Hòa	Lê Hồng Phong	Lưu Hữu Phước	1,5
207	nt	Đoạn còn lại		1,5
208	Khu D - Phường 8			1,5
209	Quách Văn Phẩm	Lê Hồng Phong	Hết đường hiện hữu	1,6
210	Trần Văn Ôn	Quách Văn Phẩm	Hết đường hiện hữu	1,5
211	Đại Đức Hữu Nhem	Lý Văn Lâm	Vào 50m	1,5
212	nt	> 50m - 100m		1,3
213	nt	Đoạn còn lại		1,3
214	Đường vào UBND phường 1	Lý Văn Lâm	Hết ranh trường Mẫu giáo Họa Mi	1,5
215	Các đường nhánh xung quanh UBND phường 1			1,5
216	Các đường nhánh thuộc khu Tân Lộc - Phường 9			1,5
217	Nguyễn Văn Trỗi	Trần Hưng Đạo	Hết đường nhựa hiện hữu	1,5
218	nt	Đoạn song song với đường Trần Hưng Đạo		1,5
219	nt	Trần Hưng Đạo	Hết đường hiện hữu (Đường vào chợ phường 5)	1,5
220	Bông Văn Dĩa	Toàn tuyến		1,5
221	Hải Thượng Lãn Ông	Huỳnh Thúc Kháng	Hết ranh Bệnh viện đa khoa Cà Mau	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
222	Hải Thượng Lãn Ông	Hết ranh Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Kênh Cống Đôi	1,8
223	nt	Kênh Cống Đôi	Cống Cầu Nhum	1,8
224	Đường bờ sông Gành Hào phường 7	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Hết ranh nhà thờ Ao Kho	1,5
225	Đường vào trụ sở Công ty CaMiMex	Lê Hồng Phong	Hết ranh trụ sở Công ty CaMiMex	1,5
226	Đình Tiên Hoàng	Phan Ngọc Hiến	Ngô Quyền	1,6
227	nt	Ngô Quyền	Hết đường hiện hữu (Hướng về phường 1)	1,5
228	Hoa Lư	Toàn tuyến		1,5
Khu Trung tâm Thương mại Phường 7				
229	Hồ Trung Thành	Đường số 12	Đường số 8	1,6
230	Đường số 16	Đoạn quanh Siêu thị (Gồm các đường: Sư Vạn Hạnh và La Văn Cầu)		1,6
231	Đường số 17	Đường số 11	UBND phường 7	1,6
232	Đường số 6A	Cuối đường An Dương Vương	Phan Bội Châu	1,6
233	Đường số 6B	Cuối An Dương Vương	Quang Trung	1,6
234	Hèm 43 (tên cũ Đường số 4)	Toàn tuyến		1,6
235	Hèm 27 (tên cũ Đường số 5)	Toàn tuyến		1,7
236	Đường số 10	Toàn tuyến		1,6
237	Đường số 13	Đường số 10	Hồ Trung Thành	1,6
238	Đường số 11	Hùng Vương	Hồ Trung Thành	1,6
239	nt	Hồ Trung Thành	Đường số 12	1,7
240	Đường số 12	Toàn tuyến		1,6
241	Đường số 8	Hồ Trung Thành	Đường số 3	1,6
242	Các đường xuống Bến tàu B	Cao Thắng	Trương Phùng Xuân	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
243	Đường vào UBND phường Tân Thành	Lý Thường Kiệt	Hết ranh phường 6	1,4
244	nt	Hết ranh phường 6	Kênh xáng Cái Nhúc (Trụ sở UBND phường Tân Thành)	1,4
245	Tuyến Ông Tơ	Kênh Xáng Cái Nhúc	Kênh Xáng Phụng Hiệp	1,2
246	Đường vào khu tập thể Sở Tài chính			1,5
247	Kênh Cống Đôi (2 bờ kênh)			1,3
248	Khu dự án sau hậu đường Nguyễn Đình Chiểu			1,4
249	Khu dự án Công ty Cổ phần xây dựng Thủy Lợi			1,5
250	Khu đất phía sau Co.opMart (Khu Đại đội Thông tin phường 5 cũ)			1,5
251	Đường nội bộ Chợ nông sản thực phẩm phường 7			1,5
252	Đường vào Đài không lưu, phường 6	Các lô từ 7A	Đến 21A	1,3
253	nt	Các lô từ 22A	Đến 36A	1,3
254	Trần Văn Phú	Trần Văn Thời	Đường 30/4	1,5
255	Võ Văn Tần	Ngô Quyền	Lý Văn Lâm	1,5
256	Lương Thế Vinh	Ngô Quyền	Lý Văn Lâm	1,5
257	Mậu Thân	Nguyễn Trãi	Trần Quang Diệu	1,5
258	Mậu Thân	Trần Quang Diệu	Vòng xoay đường Ngô Quyền	1,5
259	Võ Văn Kiệt	Vòng xoay đường Ngô Quyền	Kênh xáng Bạch Ngru	1,3
260	Tạ Uyên	Nguyễn Trãi	Ngô Quyền (Tên cũ: Hết ranh trường Tiểu học Phường 1)	1,4
261	Trần Quang Diệu	Tạ Uyên	Hết tranh trường trung cấp nghề	1,4
262	Đoàn Giỏi	Trần Quang Diệu	Đường số 16	1,4
263	Ngô Thời Nhiệm	Mậu Thân	Hết ranh Trường tiểu học Phường 9	1,4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
264	Nguyễn Hữu Nghĩa	Mậu Thân	Hết ranh Trường tiểu học Phường 9	1,4
265	Trương Định	Mậu Thân	Hết ranh Trường tiểu học Phường 9	1,4
266	Tuyến cù lao sông Cái Nhúc (Lộ bê tông 2,5m)	Cầu Vàm Cái Nhúc	Cầu Cái Nhúc	1,4
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,4
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,4
Các tuyến đường được bổ sung vào Bảng giá đất theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh				
267	Đường số 2	Đường 3/2	đường N10 (thuộc Dự án Công ty Hoàng Tâm)	1,2
268	Đường Nguyễn Bính	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	1,3
269	Đường Bà Triệu	Đường 3/2	Đường Nguyễn Bính	1,2
270	Đường số 2 (Khu hành chính và công trình công cộng cửa ngõ Đông Bắc thành phố Cà Mau (Khu A))	Đường Trần Hưng Đạo	Đường số 1 (Khu hành chính và công trình công cộng cửa ngõ Đông Bắc thành phố Cà Mau (Khu A))	1,5
271	Đường Ngô Gia Tự nối dài (tên cũ: Đường số 3)	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng cửa ngõ Đông Bắc	Hết ranh phường 5	1,6
272	Đường Lạc Long Quân (Khu Công Nông 2, phường 7, TP. Cà Mau)	Đường An Dương Vương	Đoàn Thị Điểm	1,5
273	Đường vào Công ty Thành Đoàn	Đường Xí nghiệp Gổ	Hết đường hiện hữu	1,4
274	Đường vào Xí nghiệp Gổ	Đường Lê Hồng Phong	Hết đường láng nhựa hiện hữu	1,4
275	nt	Hết đường láng nhựa hiện hữu	Sông Gành Hào	1,4
276	Kênh Bà Cai	Đường Trương Phùng Xuân	Giáp ranh xã Lý Văn Lâm	1,3

2. HUYỆN THỚI BÌNH

(1)	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
1	Đường 3 tháng 2	Ngã ba bưu điện huyện	Ngã tư Quĩ tín dụng	1,0
2	nt	Ngã tư Quĩ tín dụng	Hết ranh đất ông Phạm Chí Thành	1,0
3	Đường 30 tháng 4	Hết ranh đất ông Phạm Chí Thành (Hai bên)	Hết ranh đất ông Quới (Hai bên)	1,2
4	Các tuyến khác	Ngã tư Quĩ tín dụng	Hết ranh đất ông Hai Khuê (Hai bên lộ)	1,2
5	Đường Hồ Thị Kỳ	Hết ranh đất ông Quới (Hai bên)	Ngã ba bưu điện huyện	1,0
6	Khu Trung tâm chợ	Ngã ba bưu điện huyện	Cầu Bà Đặng	1,2
7	nt	Nhà bia ghi danh Liệt sỹ	Giáp ngã tư Tiệm thuốc tây Thịnh Phát	1,0
8	Đường Hồ Thị Kỳ	Hết ranh đất ông Quới	Đầu kênh Láng Trâm	1,0
9	nt	Đầu kênh xáng Láng Trâm (Theo bờ Sông Trẹm)	Hết ranh bến tàu Thới Bình	1,0
10	nt	Hết ranh bến tàu Thới Bình	Rạch Bà Hội	1,0
11	Đường 3 tháng 2	Ranh đất ông Chín (hai bên lộ)	Cống kênh Tám Thước	1,4
12	Kênh Láng Trâm – Cầu Bà Hội (Đoạn giáp tuyến lộ Thới Bình - U Minh)	Kênh Láng Trâm	Cầu Bà Hội	1,0
13	Các tuyến khác	Sông Trẹm (Theo bờ Bắc kênh Láng Trâm)	Lộ Thới Bình - Tân Lộc (Giao lộ nhà ông Trí)	1,2
14	Đường 30 tháng 4	Giao lộ 30/4 - 3/2 (Tên cũ: Ranh đất ông Thăng (Hai bên lộ))	Cầu bà Đặng Trọng (Tên cũ: Hết ranh đất ông Triều Tân (Hai bên lộ))	1,7
15	Các tuyến thuộc khu dân cư khóm 8, thị trấn	Rạch Bà Năm	Kênh Tám Thước	1,4
16	Đường 30 tháng 4	Rạch Bà Đặng (Ranh đất ông Năm Dân), hai bên lộ	Lộ UBND xã Thới Bình đi Bà Đặng	1,6
17	Các tuyến thuộc khu dân cư Bệnh viện đa khoa Thới Bình			1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
18	Các tuyến thuộc khu dân cư nhóm 1, thị trấn			1,9
19	Đường 19 tháng 5	Đình Thần	Giáp ranh Phòng Nông nghiệp	1,2
20	Đường 1 tháng 5	Giáp lộ Đình Thần đến Phòng Nông nghiệp	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng (Đường Hành lang ven biển phía Nam cũ)	1,2
21	Lộ bê tông Trung tâm Văn hóa TDTT và khu vực liền kề	Giáp ranh Phòng Nông nghiệp	Ngã 3 sông Trẹm	1,0
22	nt	Giáp ranh Phòng Nông nghiệp	Trung tâm Thể dục thể thao	1,2
23	nt	Hết ranh Trung tâm Thể dục thể thao	Hết ranh Trung tâm giáo dục thường xuyên	1,0
24	Đường Mậu Thân	Cầu bà Đặng (Bờ Nam)	Đường 30 tháng 4	1,0
25	Lộ Rạch Bà Đặng	Cầu bà Đặng (Bờ Bắc)	Đường 30 tháng 4	1,2
26	Đường Mậu Thân	Đường 30 tháng 4 (Ranh đất ông Bảy Nguyễn)	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân)	1,0
27	Lộ Rạch Bà Đặng	Đường 30 tháng 4 (Ranh đất ông Thắng)	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân, Tư Mười)	1,0
28	Đường Mậu Thân	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân) bờ Nam	Giáp ranh xã Thới Bình	1,0
29	Lộ Rạch Bà Đặng	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân, Tư Mười) bờ Bắc	Giáp ranh xã Thới Bình	1,0
30	Lộ thị trấn Thới Bình - Tân Lộc	Cống kênh Tám Thước	Cách cầu Bà Hội: 500m	1,2
31	nt	Cách cầu Bà Hội: 500m	Cầu Bà Hội + 100m	1,0
32	Bờ Tây Sông Trẹm	Kênh Zê rô (Ranh đất ông Thế)	Rạch Giồng Nhỏ	1,2
33	nt	Rạch Giồng Nhỏ	Giáp ranh xã Thới Bình	1,0
34	nt	Kênh Zê rô (Bờ Tây sông Trẹm)	Đầu kênh xáng (Đối diện Đình Thần)	1,0
35	nt	Đầu kênh Zê rô (Giáp sông Trẹm)	Đi U Minh (Hết ranh đất ông Bảy Càn)	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
36	★ Thị trấn - Biển Bạch (Bờ Đông Sông Trẹm)	Ngã ba sông Trẹm Trẹm	Đình Thần	1,0
37	nt	Đình Thần	Rạch Ông	1,0
38	nt	Rạch Ông	Kênh Ba Chùa	1,0
39	Lộ bê tông qua đất ông Sáu Đạt	Giáp lộ bê tông Thới Bình - Biển Bạch	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	1,0
40	Bờ Tây sông Trẹm	Đầu kênh xáng (Đối diện Đình Thần)	Kênh số 1	1,0
41	nt	Đầu kênh số 1	Bờ bao (Tiểu khu 14)	1,0
42	Lộ Rạch Ông	Giáp lộ bê tông Thới Bình - Biển Bạch	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	1,0
43	nt	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	Kênh Dân Quân (Xã Thới Bình)	1,0
44	Đường Lê Hoàng Thá	Trụ sở Công an huyện (Giáp kênh Chắc Bàng)	Rạch Ông	1,8
45	nt	Rạch Ông	Kênh Ba Chùa	1,0
46	Tuyến lộ thị trấn Thới Bình - Trí Phải	Cầu Bà Đặng	Phòng Giáo dục (Giáp ranh xã Thới Bình)	1,0
47	Kinh Chắc Bàng (Bờ Tây)	Sau Công an huyện	Giáp xã Thới Bình	1,6
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
Các tuyến đường được bổ sung vào Bảng giá đất theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh				
48	Đường Hành lang ven biển phía Nam, thị trấn Thới Bình	Cầu Bà Hội	Cầu Láng Trâm	1,4
49	nt	Cầu Láng Trâm	Cầu Bà Đặng	1,0
50	nt	Cầu Bà Đặng	Giáp ranh xã Thới Bình	1,0
51	nt	Giáp ranh xã Thới Bình	Kênh Ba Chùa	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
52	Đường Thới Bình - U Minh, thị trấn Thới Bình	Giáp đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu treo qua Sông Trẹm	1,3
53	nt	Cầu treo qua Sông Trẹm	Giáp ranh xã Thới Bình	1,2

3. HUYỆN U MINH

(1)	Đường, tuyên lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
1	Nguyễn Phích	Bờ Bắc rạch Cây Khô	Bờ Nam rạch Làng	1,9
2	nt	Bờ Bắc rạch Làng	Bờ Nam rạch Chùa	1,8
3	nt	Bờ Bắc rạch Chùa	Bờ Nam rạch Cỏ	1,7
4	Đỗ Thừa Luông	Bờ Bắc rạch Cỏ	Bờ Nam Kênh 12	1,6
5	nt	Bờ Bắc kênh 12	Hết ranh đất ông Huỳnh Châu	1,6
6	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Châu	Giáp ranh xã Khánh Thuận	1,9
7	Rạch Làng	Bờ Nam (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1,7
8	nt	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1,8
9	Rạch chùa	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1,6
10	nt	Bờ Nam (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1,8
11	Rạch Cỏ	Rạch Cỏ (Hai bờ Nam, Bắc)	Cuối rạch	1,6
12	Kênh 12	Đầu kênh 12 (Hai bờ Nam, Bắc)	Hết ranh đất ông Bảy Lập (Kênh Giữa)	1,7
13	nt	Hết ranh đất ông Bảy Lập (Bờ Nam)	Kênh Tư (LT2)	1,9
14	Kênh Tư	Bờ bao kênh 12	Bờ bao Kênh 15 (Kênh 16 cũ)	1,4
15	Kênh Giữa	Kênh Giữa (Hai bờ Đông, Tây)	Kênh 15	1,7
16	Phía Tây sông Cái Tàu	Ranh Nguyễn Phích	Kênh Hai Chu	1,7
17	Đường 30 tháng 4	Kênh Hai Chu	Hết đất ông Sáu Thuận (Cầu sông Cái Tàu)	1,6
18	nt	Hết ranh đất ông Sáu Thuận	Ngã 3 Chi Cục Thué	1,6
19	Phía Tây sông Cái Tàu	Bờ Bắc kênh Tràm Soái	Kênh Sáu Nhiễu (Giáp Khánh Thuận)	1,7
20	Kênh Hai Chu	Bờ Nam (Đầu kênh)	Giáp lộ U Minh - Cà Mau	1,7

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
21	Kênh Hai Chu	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Giáp lộ U Minh - Cà Mau	1,5
22	Kênh Biện Nhị	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Hết ranh đất ông An	1,7
23	nt	Hết ranh đất ông An	Kênh 30/4 (Giáp Khánh Lâm)	1,6
24	nt	Bờ Nam (Đầu kênh Công Nông)	Kênh Cây Bàng (Bờ Đông)	1,7
25	nt	Ngã ba Biện Nhị (Bờ Nam)	Cầu Công Nông	1,6
26	Huỳnh Quảng	Bên phải bến xe U Minh, khóm 3, thị trấn U Minh	Phía Tây liên cơ quan, khóm 3, thị trấn U Minh	1,7
27	Lộ xe U Minh - Cà Mau	Ngã 3 Bru điện	Cầu Hai Chu (Bờ Bắc) (Tên cũ: Cầu Hai Chu (Bờ Nam))	1,8
28	nt	Cầu Hai Chu (Bờ Nam)	Giáp ranh xã Nguyễn Phích	1,2
29	nt	Bờ Tây cầu Công Nông (Kênh Xáng)	Cầu B4	1,6
30	Lộ xe U Minh - Khánh Hội (Hai bờ Nam, Bắc)	Cầu kênh Công Nông	Cống Cây Bàng	1,8
31	Tuyến lộ bao khóm 1, khóm 3	Cầu B4	Đông Cây Bàng (Giáp Khánh Lâm)	1,8
32	Hai bên Lộ Mới (Đường dẫn cầu Sông Cái Tàu)	Lộ xe U Minh - Cà Mau	Rạch Làng	1,9
33	Hai bên Lộ Mới (Đường dẫn cầu kênh Biện Nhị)	Giáp Cầu kênh Biện Nhị	Giáp ranh Bệnh viện Đa khoa U Minh	1,7
34	Khu dân cư khóm 3	Đường dẫn Cầu Biện Nhị	Bờ Nam Kênh Tràm Soái	1,5
35	Khu hành chính dân cư bờ Tây sông Cái Tàu (Hai bên đường số 1)	Ranh đất ông Khởi	Hết ranh đất ông Hồng Phương	1,6
36	Khu hành chính dân cư bờ Tây sông Cái Tàu (Hai bên đường số 2)	Ranh đất ông Tài	Hết ranh đất ông Hồng Phương	1,6
37	Kinh Chệt Buối (Bờ Bắc)	Đầu kinh Chệt Buối	Kênh 30/4 (Giáp xã Khánh Lâm)	1,7
38	Đỗ Thừa Tự	Ngã 3 Toà án	Ngã 3 liên cơ quan	1,4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,7
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,7
Các tuyến đường được bổ sung vào Bảng giá đất theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh				
39	Tuyến lộ Nội ô, thị trấn U Minh	Bờ Bắc Kênh 12 (Bờ bắc)	Hết ranh trường Mầm non Hương Tràm	1,4


4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

(1)	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
1. Thị trấn Trần Văn Thời				
1	Tuyến lộ dọc sông Ông Đốc	Vàm Trảng Cò	Giáp ranh cơ quan Huyện Đội	1,4
2	nt	Giáp ranh cơ quan Huyện Đội	Hết ranh đất ông Trần Minh Chiến	1,3
3	nt	Hết ranh đất ông Trần Minh Chiến	Cống Rạch Ráng	1,5
4	nt	Cống Rạch Ráng	Hết ranh Bến tàu Rạch Ráng	1,3
5	nt	Hết ranh Bến tàu Rạch Ráng	Hết ranh Hăng nước đá Toàn Phát	1,4
6	nt	Hết ranh Hăng nước đá Toàn Phát	Ranh đất ông Võ Minh Hòa	1,5
7	nt	Ranh đất ông Võ Minh Hòa	Nhà ông Năm Phó (Tên cũ: Vàm ông Bích Nhỏ)	1,2
8	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc	Giáp ranh xã Khánh Bình Đông	Bảng Nội ô thị trấn Trần Văn Thời (Tên cũ: Cách ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời 1000m)	1,4
9	nt	Bảng Nội ô thị trấn Trần Văn Thời (Tên cũ: Cách ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời 1000m)	Cách ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời 500m	1,6
10	nt	Cách ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời 500m	Hết ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời (Bờ Bắc)	1,3
11	nt	Cầu Rạch Ráng	Rạch Dừa (Hai bên lộ giao thông)	1,5
12	nt	Rạch Dừa (Hai bên lộ giao thông)	Cầu Trảng Cò	1,2
13	nt	Cầu Trảng Cò (Trong đê)	Hết ranh TT. Trần Văn Thời	1,2
14	nt	Cầu Trảng Cò (Ngoài đê)	Hết ranh TT. Trần Văn Thời	1,2
15	Bờ Nam Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc	Giáp ranh xã Khánh Bình Đông	Cống Ông Bích Nhỏ	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16	Bờ Nam Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc	Cổng Ông Bích Nhỏ	Hết ranh đất ông Sáu Minh	1,2
17	nt	Hết ranh đất ông Sáu Minh	Đường số 4	1,2
18	nt	Đường số 4	Giáp lộ nhựa Nội ô thị trấn Trần Văn Thời (Tên cũ: Hết ranh đất Công an huyện)	1,4
19	Lộ Ô tô về xã Trần Hợi	Cầu treo dân sinh (Tên cũ: Cổng Rạch Ráng)	Cầu Rạch Ráng	1,0
20	nt	Cầu Rạch Ráng	Đập kéo ngăn mặn (Bờ Tây)	1,0
21	nt	Đập kéo ngăn mặn (Bờ Tây)	Ngã ba Đồn Còi (Cầu EC)	1,2
22	nt	Ngã ba Đồn Còi (Cầu EC)	Hết ranh Thị trấn Trần Văn Thời (Bờ Tây)	1,2
23	Lộ Ô tô về Ngã ba Đồn Còi	Cổng Rạch Ráng	Hết ranh trường PTTH Trần Văn Thời (2 bên)	1,3
24	nt	Hết ranh Trường PTTH Trần Văn Thời	Đập kéo ngăn mặn	1,2
25	nt	Đập kéo ngăn mặn (Bờ đông)	Hết ranh đất ông Trịnh Bình Thuận	1,2
26	nt	Hết ranh đất ông Trịnh Bình Thuận	Cầu Trung Ương Đoàn	1,2
27	Các tuyến lộ trong nội ô thị trấn	Cầu Dân Sinh	Ngã tư Bưu Điện	1,2
28	Đường số 14 (Tên cũ: Các tuyến lộ trong nội ô thị trấn)	Đài Truyền Thanh huyện (Hướng Tây) (Tên cũ: Đài Truyền Thanh huyện)	Hết ranh trường cấp II (Tên cũ: Hết ranh trường cấp II (Hướng Tây))	1,4
29	Các đoạn tuyến lộ trong khu dân cư hành chính	Đường số 1 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Hết đường số 1	1,3
30	nt	Đường số 2 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Hết đường số 2	1,2
31	nt	Đường số 3 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Hết đường số 3	1,2
32	nt	Đường số 5 (Cầu xi măng phòng Kinh tế cũ)	Kênh đê lộ quy hoạch	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
33	Các đoạn tuyến lộ trong khu dân cư hành chính	Đường số 6 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Hết đường số 6	1,0
34	nt	Đường số 7 (Ranh đất ông Hoàng)	Hết ranh đất ông Tuấn (Giáp kênh đê 2 bên)	1,2
35	nt	Đường số 8 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Tiếp giáp đường số 1	1,2
36	Các tuyến lộ trong nội ô thị trấn	Đường số 4 (2 bên) (Tên cũ: Đường số 4)	Đầu đường số 6 (Nhà bà bảy Hoa) (Tên cũ: Hết đường số 4 (Nhà bà bảy Hoa))	1,5
37	nt	Đầu đường số 6 (Nhà bà bảy Hoa) (Tên cũ: Hết đường số 4 (Nhà bà bảy Hoa))	Hết đường số 6 (Nhà ông tư Tia) (Tên cũ: Cầu Xi Măng ông Năm Bảo)	1,8
38	nt	Đường số 1 (Nhà ông Chính bán tạp hoá) (Tên cũ: Đường số 1)	Đường số 2	1,2
39	nt	Đường số 2	Hết ranh đất ông Mười Dũng (Hướng Đông)	1,0
40	nt	Hết ranh đất ông Mười Dũng	Hướng Đông 500m	1,2
41	nt	Mốc 500m (Hướng Đông)	Rạch ông Bích nhỏ	1,2
42	nt	Đường số 3 (2 bên) nhà ông Huân (Tên cũ: Đường số 3 [2])	Tiếp giáp đường số 1 (Tên cũ: Tiếp giáp đường số 1 [2])	1,0
43	nt	Đường số 02 (Vòng quanh)	Đường bến tàu Rạch Ráng (Ranh đất ông Mười Dũng)	1,0
44	nt	Khu dân cư (Cô Ba Dân) thuộc dự án khu thương nghiệp (Chưa có cơ sở hạ tầng)		1,2
45	nt	Các tuyến đường khu dân cư hành chính mở rộng (Chưa có cơ sở hạ tầng)		1,2
46	nt	Tuyến lộ Công an huyện giáp Viện Kiểm Sát (Tên cũ: Tuyến lộ giáp Công an huyện nhà ông Tư Quỳnh)	Ranh đất nhà ông Trần Quốc (Tên cũ: Hết ranh đất ông Phan Quốc Hội)	1,2
47	nt	Ranh đất ông Xuyên (2 bên)	Giáp hàng rào Huyện ủy	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
48	Các tuyến lộ trong nội ô thị trấn	Ranh đất bà Bảy Hoa	Giáp hàng rào Huyện ủy	1,2
49	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,0 -1,5m			1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
2. Thị trấn Sông Đốc				
50	Bờ Bắc Sông Đốc	Trạm kiểm soát Biên Phòng 692 nhóm 1	Hết ranh đất Xí nghiệp sửa chữa tàu nhóm 1	1,2
51	nt	Đất Khu xăng dầu Năm Châu nhóm 1	Hết ranh đất bà Phạm Thị Nhân nhóm 1	1,2
52	nt	Đất Hăng nước đá Đồn biên phòng 692 nhóm 1	Hết ranh đất Trường Tiểu học 4 nhóm	1,2
53	nt	Đất Chi nhánh Bảo hiểm nhóm 1	Hết ranh đất Chùa Bà K1	1,2
54	nt	Ranh đất bà Trần Thị Thùy nhóm 1	Hết ranh đất ông Nguyễn Quang Tiệp nhóm 1	1,2
55	nt	Ranh đất bà Tạ Thị Liễu nhóm 2	Hết ranh đất ông Đoàn Thanh Quang nhóm 2	1,2
56	nt	Ranh đất ông Huỳnh Văn Hồng nhóm 2	Đầu Voi Rạch Bạng Ky	1,2
57	Bờ Tây dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất ông Chu Anh Thiện nhóm 1	Hết ranh Trường Mẫu giáo 19/5 nhóm 1	1,2
58	nt	Hèm chùa Bà Thiên Hậu nhóm 1	Hết ranh đất ông Lê Bá Trường nhóm 1	1,2
59	nt	Ao cá Hội nông dân nhóm 1	Hết ranh đất ông Lê Văn Bắc nhóm 1	1,2
60	nt	Hèm nhà ông Phan Công Nghĩa nhóm 1	Hết ranh đất ông Lê Văn Trước nhóm 1	1,2
61	nt	Hèm nhà bà Lê Thanh Xuân nhóm 1	Hèm nhà ông Trần Văn Thơ nhóm 1	1,2
62	nt	Ranh đất ông Liêu Văn An nhóm 1	Hết ranh đất ông Võ Văn Thăng nhóm 1	1,2

STT	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
63	Bờ Đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất bà Đỗ Thị Lan khóm 2	Lăng Ông Nam Hải khóm 2	1,2
64	nt	Ranh đất bà Lê Minh Nguyệt khóm 2	Hết ranh dây Kiốt ông Huỳnh Thanh Bình khóm 2	1,2
65	nt	Đất Trường THCS Sông Đốc II	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Liêm khóm 2	1,2
66	nt	Hẻm nhà ông Cao Thanh Xuyên khóm 2	Hẻm nhà ông Tống Hoàng Ân khóm 2	1,2
67	nt	Hẻm nhà ông Nguyễn Minh Hoàng khóm 2	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Hùng khóm 2	1,2
68	nt	Hẻm nhà ông Huỳnh Thanh Bình khóm 2	Hẻm nhà ông Võ Văn Việt khóm 2	1,2
69	nt	Hẻm nhà ông Đỗ Văn Vĩnh khóm 2	Hết ranh đất ông Phạm Việt Hùng khóm 2	1,2
70	nt	Hẻm nhà ông Từ Hữu Dũng khóm 2	Hết ranh đất ông Huỳnh Thành khóm 2	1,2
71	nt	Hẻm nhà ông Nguyễn Hữu Trí khóm 2	Hẻm nhà ông Trần Minh Quân khóm 2	1,2
72	nt	Hẻm nhà ông Trần Văn Khôi khóm 2	Hẻm nhà ông Huỳnh Ngọc Bình khóm 2	1,2
73	nt	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tình khóm 2	Hẻm nhà bà Dương Thị Xa khóm 2	1,2
74	nt	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Hiền khóm 2	Hết ranh đất bà Lê Thị Thơ khóm 2	1,2
75	nt	Hẻm nhà ông Lê Văn Thắng khóm 2	Hết ranh đất bà Thắm khóm 2	1,2
76	nt	Ranh đất ông Phạm Thanh Hùng khóm 2	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Lượm khóm 2	1,2
77	nt	Hẻm nhà bà Lê Thị Phi khóm 2	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thống khóm 2	1,2
78	nt	Cầu bê tông kênh Kiềm Lâm khóm 1	Hết ranh đất ông Lê Thanh Tùng khóm 3	1,2
79	nt	Cống rạch Băng Ky khóm 3	Ranh đất trụ sở UBND thị trấn Sông Đốc	1,2
80	nt	Hẻm nhà ông Trần Văn Nhị khóm 3	Hết ranh đất bà Dương Tuyết Phượng khóm 3	1,2
81	nt	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tân khóm 3	Hết ranh đất ông Dương Văn Thế khóm 3	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
82	Bờ Đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Hẻm nhà ông Phạm Văn Thùy khóm 3 (2 bên)	Hết ranh đất ông Lê Văn Khánh khóm 3	1,2
83	nt	Hẻm nhà ông Lê Hữu Năm khóm 3	Hết ranh đất Chi nhánh cấp nước khóm 8	1,2
84	nt	Trụ sở UBND thị trấn Sông Đốc	Hết ranh đất bà Võ Thị Hà khóm 7	1,2
85	nt	Ranh đất ông Lê Việt Hùng khóm 7 (2 bên)	Hết ranh đất ông Phạm Hoàng Dũng khóm 7	1,2
86	nt	Ranh đất ông Lữ Thanh Vũ khóm 7	Hết ranh đất ông Trần Văn Giàu khóm 7	1,2
87	nt	Hẻm nhà ông Phạm Thạnh Bình khóm 7	Hết ranh đất ông Trần Quốc Việt khóm 7	1,2
88	nt	Ranh đất ông Đặng Văn Đang khóm 7	Hết ranh đất ông Trần Minh Hoàng khóm 7	1,2
89	nt	Hãng nước đá Quốc Dũng khóm 7	Hết ranh đất cây xăng dầu Khánh Duy khóm 7	1,2
90	nt	Hết ranh đất cây xăng dầu Khánh Duy khóm 7	Hết ranh Hải Đội 2 khóm 7	1,2
91	nt	Ranh đất ông Cao Văn Bình khóm 7	Hết ranh đất ông Phạm Minh Quang khóm 7	1,2
92	nt	Ranh đất ông Phù Văn Chính khóm 7	Hết ranh đất ông Lữ Thanh Vũ khóm 7	1,2
93	nt	Ranh đất bà Nguyễn Thị Ái khóm 7	Kênh xáng Nông trường khóm 7	1,2
94	nt	Ranh đất Xí nghiệp CBTS Sông Đốc	Phạm Thanh Diệu (khóm 7) (tên cũ: Kênh xáng Nông trường khóm 7)	1,2
95	nt	Hẻm nhà bà Trần Hồng Lạc khóm 8	Hết ranh đất bà Trần Thị Lan khóm 8	1,2
96	nt	Hẻm nhà ông Trần Văn Thương khóm 8	Hết ranh đất bà Lê Ánh Xuân khóm 8	1,2
97	nt	Ranh đất ông Huỳnh Văn Bỏ khóm 8	Hết ranh đất ông Lâm Chí Lâm khóm 8	1,2
98	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng khóm 8 (2 bên)	Hết ranh đất ông Phùng Thanh Vân khóm 8	1,2

	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
99	Bờ Đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến khóm 8	Hết ranh đất ông Hiên Khóm 8	1,2
100	nt	Kênh ông Trần Ngọc Lan, Khóm 8.	Về hướng Bắc: 250m	1,2
101	nt	Kênh xáng Nông Trường bờ Nam (Ranh đất ông Phạm Văn Nam)	Hết ranh đất Bà Phạm Thị Lê	1,6
102	nt	Kênh xáng Nông Trường bờ Bắc (Ranh đất ông Trần Văn Dũng) (Tên cũ: Kênh xáng Nông Trường bờ Bắc (Ranh đất ông Trần Văn Dũng))	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thành (khóm 8) (Tên cũ: Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trọng)	1,2
103	nt	Ranh đất ông Việt	Về hướng Bắc: 250 m	1,2
104	nt	Ranh đất ông Trần Văn Thao khóm 8	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,2
105	nt	Hẻm nhà bà Lã Mai Thùy khóm 8 (2 bên)	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,2
106	nt	Hẻm nhà ông Huỳnh Thanh Tuấn khóm 8 (2 bên)	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,2
107	nt	Hẻm nhà ông Trần Hương Giang khóm 8 (2 bên)	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,2
108	nt	Hẻm nhà ông Đặng Văn Vinh khóm 8	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1,2
109	nt	Kênh Cầu Dừa khóm 8	Về hướng Bắc 250m	1,2
110	nt	Ranh đất ông Kiều Minh Thành khóm 10	Lộ Trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	1,2
111	nt	Ranh đất ông Trần Văn Khấp khóm 10	Hết đất ông Phạm Văn Uyên khóm 10 (Tên cũ: Hết ranh đất ông Hùng khóm 10)	1,2
112	nt	Đất ông Trần Ngọc Minh, khóm 10 (hai bên bờ kênh xáng nông trường) (Tên cũ: Ranh đất ông Trần Ngọc Minh khóm 10 (2 bên))	Giáp kênh Phù Lý (khóm 12) (Tên cũ: Kênh Cựa Gà, khóm 12)	1,6
113	nt	Hẻm nhà Ông Trần Văn Việt khóm 10 (2 bên)	Lộ trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
114	Bờ Đông dọc theo kênh Xẻo Đồi (2 bên)	Ranh đất bà Vũ Thị Huyền khóm 10	Hết ranh đất Phan Thị Giáp khóm 10	1,2
115	nt	Kênh xã Thuận khóm 10	Về hướng Bắc: 250m	1,2
116	nt	Kênh Nhiều Đáo khóm 11	Về hướng Bắc: 250m	1,2
117	nt	Kênh Phú Lý khóm 12	Về hướng Bắc: 250m	1,2
118	nt	Kênh Cựa Gà khóm 12	Về hướng Bắc: 250m	1,2
119	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc (2 Bên)	Bến đò kênh Rạch Ruộng khóm 10.	Cống Xã Thuận	1,3
120	nt	Cống Xã Thuận	Kênh Nhiều Đáo	1,2
121	nt	Kênh Nhiều Đáo	Kênh Phú Lý	1,4
122	nt	Kênh Phú Lý khóm 12 (Tên cũ: Kênh Phú Lý)	Kênh ranh xã Khánh Hải	1,4
123	Bờ Nam Sông ông Đốc (Tên cũ: Bờ Nam Sông Đốc)	Kênh Bảy Thanh khóm 5	Hãng nước đá Hiệp Thành khóm 5	1,2
124	nt	Đất ông Trần Thanh Liêm khóm 5	Kênh Rạch Vinh khóm 5	1,4
125	nt	Hãng nước đá Hiệp Thành khóm 5	Kênh Rạch Vinh khóm 5	1,2
126	nt	Công ty KTDV Sông Đốc khóm 4	Đầu vàm kênh Thầy Tư khóm 4	1,2
127	nt	Kênh Xáng Cùng khóm 6	Đê Trung Ương biển Tây khóm 6	1,2
128	nt	Kênh Rạch Vinh khóm 4	Cầu kênh Thầy Tư khóm 4	1,2
129	nt	Cầu kênh Thầy Tư khóm 4 (Tuyến lộ)	Kênh Xáng cùng khóm 4	1,2
130	nt	Kênh Rạch Vinh bờ Đông (Ranh đất ông Đặng Văn Đông)	Đê Tả khóm 5	1,2
131	nt	Miếu (Bờ Tây kênh Rạch Vinh)	Đê Tả khóm 4	1,2
132	nt	Cầu kênh Thầy Tư (Bờ Tây) khóm 4	Đê Tả khóm 4	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
133	Bờ Nam Sông ông Đốc (Tên cũ: Bờ Nam Sông Đốc)	Cầu kênh Thầy Tư (Bờ Đông) khóm 4	Đê Tả khóm 4	1,2
134	nt	Cầu kênh Xáng cùng khóm 6 (2 bờ Đông, Tây)	Đê Tả khóm 6	1,2
135	nt	Kênh xáng Mới, ranh đất bà Lý Kim Tiên (Bờ Đông)	Đê Tả khóm 6	1,2
136	nt	Kênh Xáng Mới, ranh đất ông Trần Văn Lên (Bờ Tây)	Đê Tả khóm 6	1,2
137	nt	Cầu kênh Xẻo Quao khóm 6 (2 bờ Đông, Tây)	Đê Tả khóm 6	1,2
138	nt	Ranh đất bà Lê Thị Tươi khóm 6	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Phước	1,2
139	nt	Ranh đất bà Trần Ánh Nguyệt khóm 6	Hết ranh đất bà Phạm Thị Thủy khóm 6	1,2
140	nt	Ranh đất ông Quách Hải Sơn (Thửa 65, tờ 36) khóm 6	Hết ranh đất ông Hà Việt Hoa	1,2
141	nt	Ranh đất ông Trịnh Thị Trang khóm 6	Hết ranh đất ông Lại Văn Giàu (2 bên) khóm 6	1,2
142	nt	Ranh đất ông Nguyễn Thanh Hùng, Khóm 6	Hết ranh đất bà Lê Ánh Xuân (2 bên) khóm 6	1,2
143	nt	Hẻm nhà ông Châu Ngọc Sỹ khóm 6	Hết ranh đất ông Hải	1,2
144	nt	Ranh đất ông Phan Văn Hùng khóm 6	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Máy khóm 6	1,2
145	nt	Ranh đất ông Nguyễn Thanh Dũng khóm 6	Hết ranh đất ông Hồ Văn Vàng khóm 6	1,2
146	nt	Khu dân cư Xẻo Quao khóm 6 (Khu A)		1,2
147	nt	Ranh đất ông Lê Chí Nguyễn khóm 7	Hết ranh đất bà Phạm Thị Lắm	1,2
148	Các tuyến lộ Bê tông trong thị trấn từ 1m - 1,5m			1,2
149	Hẻm	Ranh đất ông Huỳnh Ngọc Phương	Hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Sinh	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
150	Tuyến đường cầu Rạch Ruộng nhỏ	Trụ sở UBND thị trấn (khóm 7)	Lộ nhựa Rạch Ráng - Sông Đốc (khóm 10)	1,2
151	Hẻm	Ranh đất nhà bà Lê Chúc Mừng khóm 7	Hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Lang khóm 7	1,2
152	nt	Ranh đất nhà bà Lê Thị Kiều khóm 7	Hết ranh đất nhà ông Lê Văn Chờ khóm 7	1,2
153	nt	Ranh đất nhà ông Nguyễn Ngọc Chơn khóm 8	Hết ranh đất Nguyễn Thị Hoa khóm 8	1,2
154	nt	Ranh đất nhà Vũ Ngọc Anh khóm 8	Hết ranh đất Mai Thị Hiền khóm 8	1,2
155	nt	Ranh đất nhà Phạm Thị Phương khóm 8	Hết ranh đất Hoàng Thị Rộng khóm 8	1,2
156	nt	Ranh đất nhà Phạm Văn Thái khóm 8	Hết ranh đất Phạm Văn Toại khóm 8	1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
Các tuyến đường được bổ sung vào Bảng giá đất theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh				
157	Tuyến đường số 2, thị trấn Trần Văn Thời	Ranh đất ông Nguyễn Đức Thịnh	Giáp đường số 4	1,0
158	Tuyến đường số 5, thị trấn Trần Văn Thời	Đường số 2	Đường số 3	1,0
159	Tuyến đường số 9, thị trấn Trần Văn Thời	Đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giáp đường số 4A	1,0
160	Tuyến đường số 3, thị trấn Trần Văn Thời	Đường số 9	Giáp đường số 10	1,0
161	Tuyến đường số 10, thị trấn Trần Văn Thời	Đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giáp đường số 3	1,0




Đường, tuyến lộ, khu vực		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường 19 - 5	Nghĩa trang (Mé sông Lộ Xe cũ)	Giáp ranh Bệnh viện	1,1
2	nt	Giáp ranh Bệnh viện	Hết ranh Ban Chi huy Quân sự huyện (Tên cũ: Hết ranh Huyện Đội)	1,2
3	nt	Hết ranh Ban Chi huy Quân sự huyện (Tên cũ: Hết ranh Huyện Đội)	Đầu lộ Phú Mỹ	1,0
4	Đổi diện đường 19 - 5 (Tên cũ: Đường 19 - 5)	Đổi diện hết ranh Nghĩa trang	Cầu Tài chính (Tên cũ: Cầu lộ Goòn)	1,1
5	Đường Hồ Thị Kỳ (Tên cũ: Đường 19 - 5)	Cầu Tài chính (Tên cũ: Cầu lộ Goòn)	Đoi Văn hóa (Bia tưởng niệm)	1,0
6	Khu Kiốt	Khu Kiốt (Dãy nhà ông Hội)	Hết khu Kiốt	1,0
7	nt	Khu Kiốt (Chưa xây, sau nhà lồng chợ)	Hết khu Kiốt	1,0
8	Đường 30 - 4	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lô 2A, 2B, 2C, 2D (Nhà ông Ba Liên))	Hẻm số 2 (Tên cũ: Hẻm số 2 (Hết ranh đất nhà ông Trần Văn Mực))	1,2
9	nt	Hẻm số 2 (Tên cũ: Lô 7A (Hẻm số 2 Bình Minh))	Cầu Văn hóa	1,1
10	nt	Cầu Văn Hoá (Tên cũ: Từ Lô 7C (Cầu Văn Hóa))	Cầu Cây Hương (Tên cũ: Cầu Cây Hương Mới)	1,0
11	Đường 3 - 2	Đường 1-5 (Tên cũ: Lô 3A (Dãy Quản lý thị trường))	Đường 2-9 (Tên cũ: Hết lộ)	1,1
12	nt	Đường 2-9 (Tên cũ: Lô 4D, 4E (Dãy nhà ông Hùng, ông Thuấn))	Đường 30-4 (Tên cũ: Hết 2 lộ)	1,1
13	Đường 2 - 9	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lô 6C, 6D, 6E, 6I (Nhà ông Tạng, ông Hiền))	Hẻm số 2 (Tên cũ: Hết 4 lộ)	1,4
14	nt	Hẻm số 2 (Tên cũ: Lô 7B2 (nhà Ông Lùng))	Nhà ông Út Anh (Tên cũ: Cầu Cây Hương Mới)	1,1

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Đường 2 - 9	Nhà ông Chiến (Tên cũ: Lô 7A1, 7A2 (Nhà Ông 10 Quang))	Đường 30-4 (Tên cũ: Hết 2 lô (Hết nhà ông Chiến))	1,0
16	Đường 2-9 (nối dài) (Tên cũ: Đường 2-9)	Nhà ông Chiến (Tên cũ: Cầu Cây Hương Mới)	Cầu Cây Hương (Tên cũ: Từ lô 7B3 (Nhà Ông Sang))	1,0
17	Đường 1 - 5	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lô 6F, 6G (Dãy nhà ông Minh, đối diện))	Đường 3-2 (Tên cũ: Hết 2 lô)	1,1
18	nt	Đường 3-2 (Tên cũ: Lô 3B (Dãy nhà Út Em))	Đường 2-9 (Tên cũ: Hết lô)	1,1
19	nt	Đường 2-9 (Tên cũ: Lô 4F, 4G (Dãy nhà bà Ánh, 6 Luôn))	Đường 30-4 (Tên cũ: Hết 2 lô)	1,1
20	Đường Phan Ngọc Hiền (Tên cũ: Phan Ngọc Hiền)	Hết đất ông 10 Ôn (Tên cũ: Lô 1A, 1B, 1D)	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Hết 3 lô)	1,0
21	nt	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Khối Vạn)	Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị (Tên cũ: Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị (Trường Đảng cũ))	1,0
22	nt	Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị (Tên cũ: Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị (Trường Đảng cũ))	Hết ranh đất ông Phan Văn chiến (Tên cũ: Đối diện đầu lộ Phú Mỹ)	1,0
23	Hèm số 1	Đường 30-4 (Tên cũ: Lô 6B)	Đường 2-9 (Tên cũ: Hết lô)	1,2
24	Hèm số 1	Đường 2-9 (Tên cũ: Lô 4B, 4C)	Đường 1-5 (Tên cũ: Hết 2 lô)	1,2
25	Hèm số 2	Đường 30-4	Đường 2-9	1,0
26	Hèm số 3	Đường 1-5 (Tên cũ: Lô 7C1 (Tính cả hai bên sau hậu bển tàu))	Cuối Hèm số 3 (Tên cũ: Hết lô)	1,0
27	nt	Cuối hèm số 3 (Vòng qua đất ông Út Ấu) (Tên cũ: Cuối hèm (Vòng qua đất Út Ấu))	Cầu Cây Hương (Tên cũ: Cầu Cây Hương Mới)	1,0
28	nt	Cuối Hèm số 3	Đường 2-9	1,0

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(7)	(2)	(3)	(4)	(5)
29	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	Quốc lộ 1A	Đường 19-5	1,2
30	nt	Đường 30-4 (Tên cũ Lô 4A (Giáp nhà 3 Liên))	Đường 2/9	1,3
31	nt	Đường 2-9 (Tên cũ Lô 6A (Đường 2/9))	Đường 1/5	1,1
32	nt	Đường 1-5 (Tên cũ Lô 6H (Đường 1/5))	Đập Cây Hương	1,0
33	nt	Đập Cây Hương	Đường Vành Đai	1,0
34	nt	Đường Vành Đai	Đập Ông Phụng	1,0
35	Khu đất tiếp giáp lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	Lộ Tân Duyệt (đất ông Trần Nam) (Tên cũ: Lô: 1A', 1B', 1C)	Đường 3-2 (đất ông Ngô Văn Tuyền) (Tên cũ: Hết 3 lô)	1,2
36	Đổi diện lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Đổi diện lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	Đường Phan Ngọc Hiên (Tên cũ: Cầu Lương Thực)	Đường 2-9	1,3
37	nt	Đường 2/9	Đường 1/5	1,1
38	nt	Đường 1/5	Đập Cây Hương	1,1
39	nt	Đập Cây Hương	Đường Vành Đai	1,0
40	nt	Đường Vành Đai	Đập Ông Phụng	1,0
41	Lộ Gòòn	Đầu kinh Láng Tượng	Quốc lộ 1A	1,1
42	Đường Cách Mạng tháng 8	Quốc Lộ 1A (Phía Nam: Tòa án)	Đường 19/5	1,2
43	nt	Quốc Lộ 1A (Phía Bắc: Bệnh viện)	Đường 19/5	1,2
44	Đường Vành Đai	Cầu Tải chính (Tên cũ: Cầu Lộ Gòòn)	Cầu Vành Đai	1,0
45	nt	Cầu Vành Đai	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	1,0
46	Đổi diện đường Vành Đai	Cầu Tải chính (Tên cũ: Cầu Lộ Gòòn)	Cầu Lộ Hãn (Tên cũ: Cầu Vành Đai)	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
47	Đổi diện đường Vành Đai	Cầu Vành Đai	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	1,0
48	Hai bên bờ sông Cái Nước	Hai bên bờ sông từ Đền thờ Bác (Tên cũ: Hai bên bờ sông từ Phủ thờ Bác)	Đầu kênh Sư Thông	1,0
49	nt	Đầu kênh Sư Thông	Đầu kênh Láng Tượng	1,0
50	Khu dân cư Cây Hương	Khu dân cư Cây Hương	Hết khu dân cư Cây Hương	1,0
51	Khu dân cư Lương Thực (Tên cũ: Khu Lương Thực cũ)	Khu dân cư Lương Thực (Tên cũ: Lô 8C4, 8C5, 8C6 (Ranh đất ông Huỳnh, ông Cách))	Hết ranh khu dân cư Lương Thực (Tên cũ: Hết 3 lô)	1,0
52	Đường Võ Thị Sáu (Tên cũ: Khu Văn hóa)	Tượng đài Khu văn hóa (Bia Tưởng niệm)	Hết ranh Trường Nguyễn Mai	1,0
53	nt	Hết ranh Trường Nguyễn Mai	Hết ranh lò giết mổ	1,0
54	nt	Hết ranh lò giết mổ	Cầu Vành Đai	1,0
55	Lộ Cái Nước -Phú Tân	Quốc lộ 1A	Đầu kênh Sư Thông	1,0
56	nt	Đầu kênh Sư Thông	Đập Cây Dương	1,0
57	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau đi Năm Căn	Ranh Nghĩa trang	Ranh Nhà hàng Cẩm Tiên	1,3
58	nt	Ranh Nhà hàng Cẩm Tiên	Hết ranh cây xăng Kim Minh	1,2
59	nt	Hết ranh cây xăng Kim Minh	Hết ranh xí nghiệp gạch cũ	1,3
60	nt	Hết ranh xí nghiệp gạch cũ	Giáp ranh xã Trần Thới	1,1
61	Khu tập thể bệnh viện (tiếp giáp Đường 1-5, đoạn số 01) (Tên cũ: Khu tập thể bệnh viện)			1,0
62	Khu dân cư Tân Duyệt (Tiếp giáp lộ Tân Duyệt, đoạn số 34)			1,0
63	Lộ bê tông (Tên cũ: Lộ bê tông (Thị trấn Cái Nước))	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Giáp ranh trạm y tế)	Giáp ranh khu dân cư Cây Hương	1,0
64	nt	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Hạng nước đá 6 Bình)	Cầu 5 Bương	1,0



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
65	Thị trấn Cái Nước	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,0
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,0
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,0
Các tuyến đường được bổ sung vào Bảng giá đất theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh				
66	Hèm số 4 (sau kho Thương nghiệp cũ), thị trấn Cái Nước	Đường 2 tháng 9	Hèm số 2	1,0



(1)	Đường, tuyên lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
1	Nguyễn Việt Khái	Đầu cầu Kiểm Lâm cũ	Hết trường tiểu học Cái Đôi Vàm I	1,9
2	nt	Hết trường tiểu học Cái Đôi Vàm I	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tấn	1,8
3	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tấn	Hết ranh đất ông Võ Thanh Dũng	1,9
4	nt	Hết ranh đất ông Võ Thanh Dũng	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung	1,8
5	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hờ	1,7
6	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hờ	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Nam	1,8
7	nt	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Nam	Cách mạng tháng 8	1,8
8	nt	Cách mạng tháng 8	Cầu kênh Làng Cá	1,6
9	nt	Cầu kênh Làng Cá	Hết ranh hăng nước đá Tấn Đạt	2,0
10	nt	Hết ranh hăng nước đá Tấn Đạt	Hết đất Đồn Biên Phòng Cái Đôi Vàm	1,8
11	nt	Giáp đất Đồn Biên Phòng Cái Đôi Vàm	Cầu Cơi 5	1,8
12	nt	Cầu Cơi 5	Hạt Kiểm Lâm	1,7
13	nt	Ranh đất hạt Kiểm Lâm	Rạch Cái Đôi Nhỏ	1,8
14	Hèm Nhà Lồng Chợ	Ranh đất ông Luân Giúp	Hết ranh đất Hứa Thị Kim Yến	1,8
15	Hèm	Hèm trường Tiểu học I (Ranh đất ông Thành)	Giáp tuyên lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	1,8
16	Hèm	Ranh đất ông Nguyễn Văn Liêm	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Xê	1,9
17	Tuyên lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	Cách đầu cầu Kiểm lâm cũ phía Tây: 30m	Cách đầu cầu Kiểm lâm mới: 30m	1,8
18	Lộ Công an	Hèm Đông y (Lộ Công an)	Trường Mẫu giáo phía sau	1,8
19	nt	Trường mẫu giáo phía sau (2 bên)	Lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	1,9
20	nt	Hèm Đông y (Lộ Công an)	Trụ sở Viện Kiểm Sát cũ	1,8
21	Khu Hành chính tạm (Khóm 1)			1,8

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
22	Kèm Khu chữ U	Ranh đất ông Đô Lil	Cầu Cơi 5	1,8
23	Hẻm vào trường Lê Hồng Phong	Trụ sở Văn hóa khóm 4 (2 bên)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Minh	1,6
24	Cầu Làng Cá - Đồn Biên phòng Cái Đôi Vàm	Cầu dự án (Kênh Làng Cá) (2 bên)	Đồn Biên phòng Cái Đôi vàm (Phía sau)	1,9
25	Khu tiểu thủ công nghiệp			1,8
26	Trần Văn Thời	Đầu kênh Bảy Sứ	Đầu Kênh Lô 2	1,8
27	Đầu kênh Bảy Sứ - Cây ăng teng (Đê Tây)	Đầu kênh Bảy Sứ	Cây ăng teng (Đê Tây)	1,8
28	Cây ăng teng (Đê Tây) - Đầu kênh Lô 2	Cây ăng teng (Đê Tây)	Cầu dự án lô 2	1,8
29	Hẻm	Lộ hẻm Khóm 5	Cầu đê Tây	1,8
30	Trần Văn Thời	Đầu Kênh Lô 2	Đầu Kênh Lô 1	1,9
31	Lộ dọc sông Cái Đôi Vàm	Đầu Kênh Lô 1	Hết đất ông Huỳnh Phước Thiện	1,9
32	Dọc sông Cái Đôi Vàm	Ranh đất ông Huỳnh Phước Thiện	Hết ranh đất ông Trịnh Minh Hiện	1,9
33	Kênh Lô 1	Đầu Kênh Lô 1 (Phía Tây)	Hết đất ông Tám Biểu	2,0
34	Kênh Lô 2	Đầu lộ Lô 2 (Phía Đông) (Đầu Kênh Lô 2)	Kênh Tập đoàn 34	2,1
35	Kênh lô 2	Kênh Tập đoàn 34	Cầu dự án lô 2	1,8
36	nt	Cầu dự án lô 2	Hết ranh đất ông Ba Nửa	2,1
37	Cách Mạng tháng Tám	Ranh đất ông Ứng A Chiến (Phía sau)	Đường Phan Ngọc Hiền	1,9
38	Phan Ngọc Hiền	Cầu dự án	Hết ranh nhà hàng Hồng Nhiên	2,0
39	nt	Hết ranh nhà hàng Hồng Nhiên	Đầu cầu Kiểm Lâm mới	1,9
40	nt	Đầu cầu Kiểm Lâm mới	Kênh Năm Nhung	1,8
41	nt	Kênh Năm Nhung	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh	1,8
42	nt	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh	Đầu cầu Kênh 90	1,8

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
43	Tuyến kênh Kiêm Lâm	Đầu cầu Kiêm lâm cũ (Phía Đông)	Đầu cầu Kiêm Lâm mới (Phía Đông)	1,8
44	Lộ dọc sông Cái Đôi vàm	Cầu Kiêm Lâm cũ	Hết ranh đất ông Hồng Văn Nghi	1,8
45	nt	Hết ranh đất ông Hồng Văn Nghi	Đầu Kênh 90	2,0
46	Kênh Năm Nhung	Giáp sông Cái Đôi Vàm	Phan Ngọc Hiền	1,9
47	Tuyến kênh Kiêm lâm (Phía Tây)	Cách đường Phan Ngọc Hiền 30m	Rạch Cái Đôi Nhỏ	1,9
48	Khu Công ty Cadovimex	Tiệm chụp hình Dũng	Trụ sở khóm II	1,8
49	nt	Cầu Dự án (Phía Đông)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1,9
50	nt	Tuyến sau Công ty CaDovimex	Kênh Làng Cá	1,7
51	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thu Nguyệt	1,9
52	nt	Ranh đất ông Danh Hồng Vĩnh (2 bên)	Cầu cống sau Công ty CaDovimex	1,8
53	nt	Cầu Dự án (Phía Tây)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1,6
54	Hèm	Cầu Làng Cá	Cầu Dự án	1,9
55	Khu hành chính huyện mới	Khu hành chính thuộc ấp Cái Đôi Vàm		1,6
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,3
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,3
Các tuyến đường được bổ sung vào Bảng giá đất theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh				
56	Khu Công ty Cadovimex, thị trấn Cái Đôi Vàm	Cầu Dự án (phía tây)	Hết ranh đất ông Trương Thành Tri (Giáp kênh Đôn)	1,4

7. HUYỆN ĐÁM DỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Dương Thị Cẩm Vân	Cầu Cây Dương	Ngô Bình An	1,2
2	nt	Ngô Bình An	Hết ranh trường THCS Thị trấn	1,2
3	nt	Ranh trường THCS Thị trấn (Tên cũ: Hết ranh trường THCS Thị trấn)	Đường 19/5 (Tên cũ: Nguyễn Mai)	1,2
4	nt	Đường 19/5 (Tên cũ: Nguyễn Mai)	Cầu Dương Thị Cẩm Vân	1,6
5	nt	Cầu Dương Thị Cẩm Vân	Hết ranh đất Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên	1,2
6	nt	Hết ranh đất Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên	Đập Tư Tính (Giáp ranh xã Tân Duyệt)	1,2
7	Đường 30/4	Cổng ngã tư Xóm Ruộng	Giáp ranh Chi nhánh điện	1,4
8	nt	Chi nhánh điện	Đường 19/5	1,5
9	nt	Đường 19/5	Cầu Rạch Sao	1,3
10	nt	Cầu Rạch Sao	Trần Phán	1,5
11	nt	Trần Phán	Về hướng Cầu thầy Chương: 500 mét	1,6
12	nt	Trần Phán + 500 m	Cầu thầy Chương	1,5
13	Đường 19/5	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1,4
14	nt	Phạm Minh Hoài	Đường 30/4	1,4
15	Phía sau trường cấp II, III	Đường 19/5	Ranh trường cấp II	1,4
16	Phạm Minh Hoài	Trần Văn Phú	Đường 19/5	1,4
17	Trần Văn Phú	Ngã tư Sông Đầm	Dương Thị Cẩm Vân	1,2
18	nt	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1,2
19	nt	Lưu Tấn Thành	Đường 30/4	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
20	Lưu Tấn Thành	Trần Văn Phú	Nguyễn Mai	1,3
21	Nguyễn Mai	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1,3
22	nt	Lưu Tấn Thành	Phạm Minh Hoài	1,3
23	Trần Kim Yên	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1,2
24	nt	Lưu Tấn Thành	Phạm Minh Hoài	1,2
25	Huỳnh Kim Tấn	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1,2
26	nt	Lưu Tấn Thành	Nguyễn Tạo	1,3
27	Tô Văn Mười	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1,2
28	Trần Văn Bảy	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1,2
29	Nguyễn Tạo	Trần Văn Phú	Đường 19/5	1,2
30	Huỳnh Ngọc Điệp	Trần Văn Phú	Chợ nhà lồng mới	1,2
31	Nguyễn Văn Tiến	Trần Văn Phú	Chợ nhà lồng mới	1,2
32	Phạm Học Oanh	Đầu chợ nhà lồng cũ	Nguyễn Mai (Bến tàu liên huyện)	1,2
33	nt	Nguyễn Mai (Bến tàu liên huyện)	Hết ranh đất Xí nghiệp chế biến thủy sản (Mé sông)	1,2
34	Thái Thanh Hòa	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,4
35	Trần Phán	Đường 30/4	Cầu Chín Dư	1,3
36	Trần Văn Hy	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,2
37	Quách Văn Phẩm	Huỳnh Kim Tấn	Đường 19/5	1,2
38	Các tuyến lộ khác	Cầu Cây Dương	Hết ranh Vườn thuốc Nam Hội Đông y	1,2
39	nt	Hết ranh Vườn thuốc Nam Hội Đông y	Ngã tư Xóm Ruộng	1,2
40	nt	Đường 30/4	150m về hướng Đập Chóp Mao	1,2

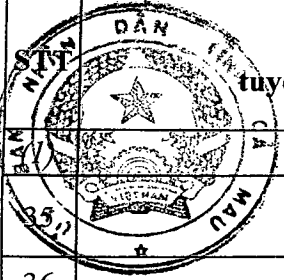
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
		(3)	(4)	
41	Các tuyến lộ khác	Đường 30/4 + 151 m	Đập Chóp Mao	1,2
42	nt	Đập Chóp Mao	Ngã tư Xóm Ruộng (Theo sông Rạch Sao)	1,2
43	nt	Đường 30/4	Cầu Rạch Sao I	1,2
44	nt	Cầu Rạch Sao I	Cầu Rạch Sao II	1,2
45	nt	Cầu Rạch Sao II	Cầu thầy Chương	1,2
46	Tô Thị Tề	Phan Ngọc Hiền (Cầu Huyện Đội)	Tạ An Khương (Nhà Út Oanh)	1,2
47	nt	Tạ An Khương	Hết ranh đất ông Kiệt (Cầu Lung Lắm 2)	1,4
48	nt	Hết ranh đất ông Kiệt (Cầu Lung Lắm 2)	Cầu Cà Bát	1,5
49	Phan Ngọc Hiền	Tô Thị Tề	Hết ranh đất Trung tâm dạy nghề	1,2
50	nt	Hết ranh đất Trung tâm dạy nghề	Nhà bà Trần Thị Cót	1,2
51	nt	Tô Thị Tề (Chạy theo sông Lung Lắm)	Tạ An Khương	1,2
52	Tạ An Khương	Cầu Sông Đầm	Ngã tư Tô Thị Tề	1,2
53	nt	Ngã tư Tô Thị Tề	Cầu Tô Thị Tề (Lung Lắm)	1,2
54	nt	Lê Khắc Xương (Cầu Tô Thị Tề)	Đầu Lộ dân sinh vào bệnh viện	1,6
55	nt	Đầu Lộ dân sinh vào bệnh viện	Hết ranh Trường Thái Thanh Hòa	1,6
56	nt	Hết ranh Trường Thái Thanh Hòa	Cầu Lô 17	1,4
57	Lê Khắc Xương	Trương Phùng Xuân	Cầu Giáp Nước	1,2
58	Trương Phùng Xuân	Lê Khắc Xương	Hết ranh đất Trường THPT Thái Thanh Hòa	1,2
59	nt	Hết ranh đất Trường THPT Thái Thanh Hòa	Cầu lô 18	1,2
60	Trương Phùng Xuân	Cầu lô 18 (Khóm 5)	Ngã ba lô 18 (Giáp ranh xã Tạ An Khương Nam)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
61	nt	Cầu Cây Dương	Giáp ranh xã Tạ An Khương Nam	1,2
62	nt	Cầu Cây Dương	Ngã tư xóm Ruộng (Giáp ranh xã Tạ An Khương)	1,2
63	Cầu Cây Dương đầu nối 30/4	Cầu Cây Dương	Lộ 30/4 đi Cà Mau	1,3
64	Ngô Bình An	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,2
65	Tuyến khác	Cầu Lung Lắm	Hết ranh đất Nhà ông Trần Bá Phước (Giáp xã Tạ An Khương Nam)	1,4
66	Đường vào trường tiểu học	Phan Ngọc Hiển	Hết ranh trường tiểu học	1,2
67	Đường phía sau trường THPT Đầm Dơi	Đường 19/5	Đường Ngô Bình An	1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
Các tuyến đường được bổ sung vào Bảng giá đất theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh				
68	Đường Nguyễn Tạo nối dài	Đường 19/5	Đường Ngô Bình An	1,0
69	Đường Nguyễn Tạo nối dài	Đường Ngô Bình An	Đường Cầu Cây Dương	1,0
70	Đường Tô Văn Mười nối dài	Đường Phạm Minh Hoài	Đường Nguyễn Tạo	1,0
71	Đường vào trường tiểu học Phan Ngọc Hiển	Đường Tô Thị Tề	Hết ranh trường tiểu học	1,0
72	Đường sau khu hành chính huyện	Đường Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1,0
73	Đường Quách Văn Phẩm	Đường Huỳnh Kim Tấn	Đường Tô Văn Mười	1,0
Khu chỉnh trang Dân cư nhóm 2				
74	Đường số 1	Đường số 2	Đường Tô Thị Tề	1,0
75	Đường số 3	Đường số 1	Đường Phan Ngọc Hiển	1,0
76	Đường Phan Ngọc Hiển	Đường Tô Thị Tề	Tạ An Khương	1,0

8. HUYỆN NĂM CĂN

	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Ông Tinh	Giáp ranh đất Nghĩa trang liệt sỹ huyện (2 bên)	1,4
2	nt	Giáp ranh đất Nghĩa trang liệt sỹ huyện (2 bên)	- Hướng Đông đến đường Châu Văn Đặng - Hướng Tây đến hết quán Lá	1,7
3	Khóm 9	Đầu Vàm kênh xáng Quốc phòng (tên cũ: Ranh đất ông Lý Quang)	Hết ranh đất ông Tô Văn Xén	1,2
4	nt	Ranh đất ông Sáu Dũng	Cầu Ngọn Phi Xăng (tên cũ Hết ranh đất ông Nguyễn Hoàng Na)	1,2
5	Đường Chu Văn An	Toàn tuyến (Tên cũ: Giáp đường Nguyễn Tất Thành - Hết ranh Trường THCS TT. Năm Căn)		1,2
6	Đường Châu Văn Đặng	Toàn tuyến (Tên cũ: Đường Nguyễn Tất Thành - Đê ngăn triều cường)		1,4
7	Đường Nguyễn Tất Thành	Hạt Kiểm Lâm	Hết ranh đất Trại xường Thanh Điều 2	1,4
8	Khóm 8	Lộ mé sông Hạt Kiểm Lâm	Cầu Công an	1,2
9	nt	Cầu Công an	Hết ranh đất Trường Mầm Non	1,2
10	nt	Cầu Công an (Tên cũ: Ranh đất ông Sơn)	Hết ranh đất ông Nguyễn Trường Sơn (Tên cũ: Hết ranh đất ông Chánh)	1,4
11	nt	Đường xuống cầu Bệnh viện		1,2
12	Đường Nguyễn Tất Thành	Hạt Kiểm Lâm	Đường xuống cầu Bệnh viện	1,4
13	nt	Đường xuống cầu Bệnh viện	Hết ranh đất trường Mầm Non thị trấn	1,4
14	nt	Hết ranh đất trường Mầm Non thị trấn	Đường Lý Nam Đế	1,4
15	Khóm 2	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất trường Mầm Non Sao Mai	1,4
16	nt	Hết ranh đất trường Mầm Non Sao Mai	Đầu đường Lý Nam Đế (Tên cũ: Hết ranh đất nhà may Hào)	1,2

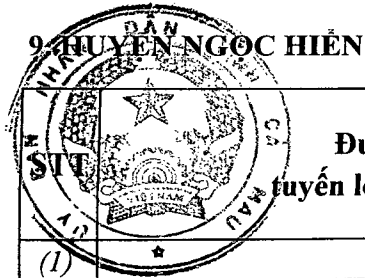
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
17	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất nhà may Hào	Đường Nguyễn Tất Thành	1,2
18	Khóm 2	Đường Lý Nam Đế	Cầu kênh Tắc	1,2
19	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Nam Đế	Ngã tư (Bưu điện) hướng Tây	1,4
20	Đường Hùng Vương	Ngã Tư (Bưu điện)	Cầu Kênh Tắc (Một bên hướng Bắc)	1,4
21	nt	Ngã tư bưu điện	Cầu Kênh Tắc (Một bên hướng Nam)	1,2
22	Đường An Dương Vương	Toàn tuyến		1,2
23	Đường Âu Cơ	Toàn tuyến		1,2
24	Đường Lạc Long Quân	Toàn tuyến		1,2
25	Khóm 2	Hẻm phía sau khách sạn Cẩm Hà (Tên cũ: Hẻm phía sau khách sạn Cẩm Hà - Hết ranh đất ông Vũ Thuộc Bắc)		1,2
26	nt	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất ông Trần Văn Lâm (Hẻm nhà ông Ba Châu)	1,2
27	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Châu Văn Đặng	Giáp ranh đất Bệnh viện	1,4
28	nt	Giáp ranh đất Bệnh viện	Hết ranh đất trường tiểu học I - thị trấn Năm Căn	1,4
29	nt	Hết ranh đất trường tiểu học I - thị trấn Năm Căn	Ngã Tư Bưu điện (Hướng Đông)	1,4
30	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Tất Thành (ngã tư bưu điện)	Cầu kênh Xáng	1,4
31	Khóm 4	Nhà ông Phan Bá Đường (Tên cũ: Ranh đất ông Đường (Bưu điện))	Đê ngăn triều cường (Tên cũ: Cầu nhà bà Hải)	1,3
32	Đường Lý Nam Đế	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất ông Trung (2 bên)	1,2
33	nt	Ngã ba nhà ông Trung	Ranh đất ông Tiến (Thuốc nam)	1,0
34	Đường Lê Văn Tám	Đường Lý Nam Đế	Đường Hùng Vương	1,2

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
		(2)	(3)	
	Khóm 6	Cầu Kênh Xáng	Đường Châu Văn Đặng (Tên cũ: Hết ranh đất ông Trần Nam Dân (Kiệt))	1,2
36	nt	Khu tái định cư kênh xáng Nhà Đền		1,5
37	Khóm 4	Đường Nguyễn Tất Thành	Đê ngăn triều cường (Tên cũ: Giáp với cống thoát nước kênh xáng Nhà Đền)	1,3
38	nt	Ngã ba khu tập thể giáo viên trường THCS Phan Ngọc Hiến (Tên cũ: Ngã ba khu tập thể giáo viên)	Đường Lý Nam Đế (Tên cũ: Cống thoát nước kênh xáng (Đập))	1,1
39	nt	Đường Hùng Vương	Khu nhà tình nghĩa (Cặp UBND thị trấn Năm Căn)	1,3
40	Khóm 6	Đường Nguyễn Tất Thành	Đê ngăn triều cường	1,3
41	Khóm 4	Các tuyến còn lại trong nhóm 4, Thị trấn		1,4
42	nt	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất ông Nguyễn Minh Hoàng (Tên cũ: Hết ranh đất Bà Cúc)	1,3
43	nt	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất ông Lê Chí Khắc (Tên cũ: Hết ranh đất ông Khắc)	1,3
44	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư bưu điện	Bến phà sông Cửa Lớn (Tên cũ: Bến tàu sông Cửa Lớn (2 bên))	1,2
45	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		1,2
46	Đường Kim Đồng	Toàn tuyến (Tên cũ: Đường Hùng Vương - Đường Võ Thị Sáu)		1,2
47	Khóm 7	Đường Nguyễn Tất Thành (Bến phá sông Cửa Lớn) (Tên cũ: Đường Nguyễn Tất Thành (Hết ranh đất ông Toàn))	Hết ranh đất ông Tô Hoàng Cương	1,2
48	nt	Đường Hùng Vương	Đường Võ Thị Sáu	1,2
49	nt	Đường Nguyễn Tất Thành	(Hết ranh đất ông Trần Văn Trọng (Tên cũ: Hết ranh đất ông Hứa Việt Thành)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
50	Khóm 1	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Tuyên	1,0
51	Khóm 7 (Tên cũ: Khóm 1)	Đường Võ Thị Sáu (Tên cũ: Ranh đất ông Bùi Văn Chương)	Hết ranh đất Thái Hồng Lam (Tên cũ: Hết ranh đất ông Kiệt)	1,2
52	Đường 13/12	Toàn tuyến (Tên cũ: Đầu lộ Tượng đài - Giáp đường Hùng Vương)		1,2
53	Khóm 1	Đường 13/12	Đường Nguyễn Tất Thành (Tên cũ: Cống Lâm Sạn cũ)	1,2
54	Khóm 7	Hết ranh đất ông Trần Văn Dẹp (Tên cũ: Ranh đất ông Tám Mừng)	Giáp trại giống ông Nguyễn Tương Phùng (Tên cũ: Hết ranh đất ông Hận)	1,3
55	Khóm 1	Hết khu vực I khóm 1 (Sau khu hành chính huyện)		1,3
56	Khóm Hàng Vịnh	Cầu Kênh Xáng	Cầu ông Do (Tên cũ: Rạch ông Do (2 bên))	1,2
57	nt	Cầu Ông Do	Vàm Ông Do	1,3
58	nt	Ranh đất bà Lê Thị Hoa	Hết ranh đất ông Lê Văn Phước	1,3
59	nt	Ranh đất ông Trịnh Hoàng Chiến	Hết ranh đất ông Diệp Văn Khênh	1,2
60	nt	Ranh đất Phan Hồng Phúc	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngạn	1,0
61	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Tý	Hết ranh đất ông Cao Thanh Bình	1,0
62	Đường Hùng Vương	Cầu Kênh Tắc	Ngã tư khu tập thể Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	1,4
63	nt	Ngã 3 khu tập thể CTXNKTS Năm Căn (Tên cũ: Ranh đất ông Phạm Đình Tráng)	Hết ranh đất Khóm 3 (Tên cũ: Hết khóm 3 (Lộ xi măng))	1,4
64	Khóm 3	Đường Hùng Vương	Huyện đội	1,2
65	Đường Hùng Vương	Ngã tư khu tập thể Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	Hết ranh đất ông Phạm Đình Tráng	1,4
66	Khóm 3	Đường Hùng Vương	Đến trụ sở khóm 3 (Tên cũ: Hết ranh đất ông Sữa)	1,2

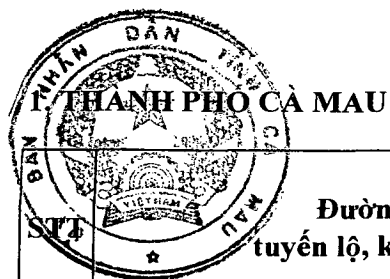
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
67	Khóm 3	Cầu Kênh Tắc cặp theo sông Cái Nai (Tên cũ: Cầu sắt cặp theo sông Cái Nai)	Ranh đất công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn (Tên cũ: Hết ranh đất ông Lê Hồng Lâm)	1,2
68	Đường Hùng Vương	Ranh đất khóm 3	Cầu Xẻo Nạn	1,8
69	Khóm 3	Cầu Kênh Tắc cặp theo sông Cái Nai (Tên cũ: Ranh đất bà Tùng Diêm)	Trụ sở sinh hoạt Văn hóa khóm 3 (Tên cũ: Hết ranh đất ông Ba Tuấn)	1,2
70	nt	Hết khu vực dây 19 căn		1,3
71	Khóm Sa Phô	Giáp khóm 5	Hết ranh đất ông Nguyễn Hồng Khanh	1,3
72	nt	Ranh đất ông Lê Anh Kiệt	Hết ranh đất ông Huỳnh Đen	1,0
73	nt	Ranh đất ông Trần Hớn Lén	Hết ranh đất ông Nguyễn Việt Trì	1,0
74	nt	Ranh đất ông Trương Hoàng Việt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Minh	1,0
75	nt	Ranh đất ông Đinh Văn Thơ	Hết ranh đất ông Trần Văn Đẩu	1,0
76	nt	Vàm Xẻo Nạn	Vàm Xẻo Cặp (Ngoài đất Lâm Trường)	1,2
77	Khóm 5	Cầu Xẻo Thùng	Cầu Kênh Cùg	1,1
78	nt	Cầu Kênh Cùg	Hết ranh đất ông Trịnh Hên	1,2
79	nt	Đầu lộ Trạm y tế	Trụ sở SaLaTen (Tên cũ: Đầu lộ xóm Dân tộc Khome)	1,3
80	nt	Đầu lộ xóm Dân Tộc Khome	Hết ranh đất ông Châu Phén	1,3
81	nt	Đầu lộ xóm Dân Tộc Khome	Giáp sông Xẻo Nạn	1,3
82	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quốc	Hết ranh đất ông Trần Minh Phụng	1,2
83	Khóm Tắc Năm Căn	Ranh đất ông Nguyễn Bé Bảy	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Có	1,2
84	nt	Ranh đất ông Hoàng Anh Đức	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang	1,2
85	Khóm Cái Nai	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Ông Tình 2	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
Các tuyến đường được bổ sung vào Bảng giá đất theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh				
86	Khóm 6	Đường Nguyễn Việt Khái	Hết ranh đất ông Đặng Hoàng Tiến	1,2
87	nt	Ranh đất ông Trần Văn Út	Hết ranh đất ông Trần Hậu Sơn (Đầu nổi ra hẻm Bắc sỹ Sơn)	1,2
88	nt	Các tuyến lộ bê tông còn lại thuộc khóm 6 có chiều rộng 1,5 mét		1,2
89	Khóm 5	Các tuyến còn lại trong khóm 5		1,2
90	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Xẻo Nạn	Hết ranh đất thị trấn Năm Căn	1,2
91	Khóm Sa Phô	Trại giống 202	Cầu Xẻo Nạn	1,2
92	Khóm Cái Nai	Cầu Ông Tinh	Hết ranh đất ông Đinh Văn Thế	1,2



(1)	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
1	Lộ bê tông	Cầu kênh Ba	Cầu ông Tư Lang	1,0
2	nt	Cầu ông Tư Lang	Hết ranh đất Đồn Biên Phòng 676	1,0
3	nt	Cầu kênh Ba	Cầu kênh Ngang	1,2
4	nt	Cầu kênh Ngang	Cầu Tà Hậu	1,0
5	nt	Cầu kênh Ba	Kênh Cả Tháp	1,2
6	nt	Cầu kênh Ba	Kênh Ông Nam	1,2
7	nt	Kênh Ông Nam	Kênh Huế	1,2
8	nt	Kênh Huế	Đầu lộ Trung tâm huyện	1,3
9	nt	Cầu Tà Hậu	Kênh Nước Lộn	1,2
10	nt	Cầu kênh Ngang	Hết ranh đất ông Tư Đậm	1,3
11	nt	Tuyến đường số 14, 15, 16 theo quy hoạch (Từ đầu lộ Bưu điện đến nhà Lòng chợ)		1,2
12	nt	Cầu Kênh Ngang	Kênh Kiều	1,3
13	Lộ bê tông dọc theo sông Rạch Gốc	Cầu Kênh Ba (cầu dân sinh) (Tên cũ: Cầu Kênh Ba)	Kênh ông Nam	1,2
14	nt	Kênh ông Nam	Kênh Huế	1,2
15	Lộ bê tông dọc theo sông Rạch Gốc	Kênh Huế	Đầu lộ Trung tâm huyện	1,2
16	Lộ cấp VI đồng bằng	Trung tâm dạy nghề	Cầu ông Định (Sáu Hà)	1,2
17	nt	Cầu Kênh ba mới	Bến phà sông Đường kéo	1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2

PHỤ LỤC II: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN



STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Lộ Công Cà Mau - Ô Rô - Cầu số 3	Quốc Lộ 63	Ranh phường Tân Xuyên	1,2
2	Quốc lộ 63	Cầu số 2	Cách cầu số 3: 300m	1,4
3	nt	Cách cầu số 3: 300m	Cầu số 3	1,4
4	Lộ GTNT (xã An Xuyên)	Cầu số 3	Vàm Cái Giữa (Giáp ranh phường Tân Xuyên)	1,2
5	nt	Cống số 2	Đập Xóm Làng (Kênh xáng Phụng Hiệp)	1,2
6	Kênh xáng Phụng Hiệp	Ranh phường Tân Thành	Ranh tỉnh Bạc Liêu	1,2
7	Kênh xáng Cái Nhúc	Ranh Phường Tân Thành	Tắc Vân (Đi qua ấp Bình Định)	1,2
8	Quốc lộ 1A	Ranh tỉnh Bạc Liêu	Hết ranh chùa Hưng Vân Tự	1,0
9	nt	Hết ranh chùa Hưng Vân Tự	Phía Đông nhà thờ Tin Lành	1,4
10	nt	Phía Đông nhà thờ Tin Lành	Hết ranh cổng Phân Viện	1,4
11	nt	Hết ranh cổng Phân Viện	Hết ranh Xưởng X 195 Quân đội	1,4
12	nt	Hết ranh Xưởng X 195 Quân đội	Ranh xã Định Bình	1,4
13	nt	Ranh xã Định Bình	Hết ranh kho xăng Công ty cổ phần Du lịch - Dịch vụ Minh Hải	1,5
14	nt	Hết ranh kho xăng Công ty cổ phần Du lịch - Dịch vụ Minh Hải	Hết Nhà máy Nhiệt điện	1,5
15	nt	Hết Nhà máy Nhiệt điện	Ranh phường 6	1,4
16	Quản lộ Phụng Hiệp	Ranh phường Tân Thành	Ranh tỉnh Bạc Liêu	1,4
17	Nguyễn Tất Thành	Cổng Hội đồng Nguyên	Đường vào UBND xã Lý Văn Lâm	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
18	Nguyễn Tất Thành	Đường vào UBND xã Lý Văn Lâm	Đường vào Đình Thạnh Phú	1,4
19	nt	Đường vào Đình Thạnh Phú	Cổng Bà Điều	1,4
20	nt	Cổng Bà Điều	Cầu Lương Thế Trân	1,2
21	Đường vào UBND xã Lý Văn Lâm	Nguyễn Tất Thành	Kênh Rạch Rập	1,2
22	Đường kênh Rạch Rập (Phía Đông)	Ranh xã Lý Văn Lâm	Kênh xáng Lương Thế Trân	1,2
23	Đường kênh Rạch Rập (Phía Tây)	Ranh xã Lý Văn Lâm	Kênh xáng Lương Thế Trân	1,2
24	Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường 8	Sông Gành Hào	1,2
25	Đường Cà Mau - Hòa Thành	Ranh phường 7	Ngã ba nối với đường Cà Mau - Hòa Thành	1,2
26	nt	Ngã ba nối với đường Cà Mau - Hòa Thành	Hết ranh UBND xã Hòa Thành	1,4
27	nt	Hết ranh UBND xã Hòa Tân (Cầu Hòa Tân - Hòa Thành)	Ngã tư Trạm Y Tế xã Hòa Tân	1,2
28	Tuyến ô tô về trung tâm xã Định Bình	Ngã tư Trạm Y Tế xã Hòa Tân	Ranh xã Định Bình	1,2
29	nt	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Ngã tư UBND xã Định Bình	1,2
30	nt	Ngã tư UBND xã Định Bình	Cầu liên xã (Hòa Tân - Định Bình)	1,2
31	Tuyến Cầu Lá Danh	Trạm y tế	Cầu Lá Danh	1,2
32	Lộ nhựa (Xã Hòa Tân)	Ngã tư Trạm Y tế xã Hòa Tân	Cầu Liên Xã (Hòa Tân - Định Bình)	1,2
33	Tuyến Cầu Liên Xã (Hòa Tân - Định Bình)	Cầu Liên Xã (Hòa Tân - Định Bình)	Trường Tiểu học Hòa Tân 1(Khu B)	1,2
34	Lộ GTNT (Xã Hòa Tân)	Cổng Giồng Nổi	Kênh Cái Su	1,2
35	nt	UBND xã Hòa Tân	Cổng Xã Đạt	1,2
36	nt	Kênh Cái Tắc	Kênh Trâm Bàu	1,2
37	nt	Sông Trại Sập	Kênh Cái Tắc	1,2

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
38	Đường lộ tè đi vào xóm Gò Muồng thuộc ấp 3, xã Tắc Vân (Cạnh Tổng kho xăng dầu, hiện trạng lộ trắng xi măng rộng 2m), đoạn Quốc lộ 1A - Cầu Trắng, có độ dài 500m			1,3
39	Đường Cà Mau - Hòa Thành (Mới)	Cổng Hòa Thành	Bến phà đi Đầm Dơi	1,2
40	nt	Bến phà đi Đầm Dơi	Cầu Cái Su	1,2
41	Lộ GTNT (Xã Hòa Thành)	Cầu Giồng Nổi	Kênh Cây Tu	1,2
42	nt	UBND xã Hòa Thành (Giáp đường Cà Mau - Hòa Thành)	Công Xã Đạt	1,2
43	nt	Trường THCS Hòa Thành	Cầu Rồng (Cầu Hòa Tân A)	1,2
44	Kênh cầu Nhum	Toàn Tuyến (Xã Hòa Thành)		1,2
45	Rạch Cái Ngang (Hòa Thành) (Tên cũ: Rạch Cái Ngang)	Toàn Tuyến (Xã Hòa Thành)		1,2
46	Lộ Cây Dương	Cầu Cái Su (Đi qua ấp Bình Thành, xã Định Bình)	Ấp 4, xã Tắc Vân	1,2
47	Các tuyến lộ bê tông từ 2m - 2,5 m (Xã Định Bình)			1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
Các tuyến đường được bổ sung vào Bảng giá đất theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh				
48	Các tuyến lộ bê tông từ 2,0 - 2,5m (Xã Tân Thành và xã Tắc Vân)			1,1
49	Các tuyến lộ bê tông từ 2,5 - 3m (Xã Tân Thành và xã Tắc Vân)			1,1
50	Các tuyến lộ bê tông > 3m (Xã Tân Thành và xã Tắc Vân)			1,1
51	Các tuyến lộ bê tông từ 2,0 - 2,5m (Xã Hòa Tân)			1,2
52	Các tuyến lộ bê tông từ 2,5 - 3m (Xã Hòa Tân)			1,2
53	Các tuyến lộ bê tông từ > 3m (Xã Hòa Tân)			1,2

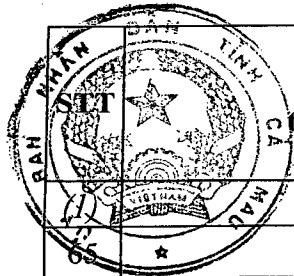
2. HUYỆN THỚI BÌNH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Biển Bạch				
1	Bờ Đông sông Trẹm	Giáp ranh xã Tân Bằng	Kênh 12 + 500m	1,2
2	nt	Kênh 12 + 500m	Kênh 13 + 500m	1,1
3	nt	Kênh 13 + 500m	Rạch Ngã Bát	1,1
4	Lộ Thới Bình - Tân Bằng nối dài (Lộ đất)	Giáp ranh xã Tân Bằng	Rạch Ngã Bát	1,2
2. Xã Tân Bằng				
5	Bờ Đông sông Trẹm	Giáp ranh xã Biển Bạch Đông	Kênh Năm	1,0
6	nt	Kênh Năm	Kênh Sáu	1,0
7	nt	Kênh Sáu	Kênh Bảy	1,0
8	nt	Kênh Bảy	Kênh Chín	1,0
9	nt	Kênh Chín	Giáp ranh xã Biển Bạch	1,0
10	Lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	Kênh Ba+120m (Hết ranh xã Biển Bạch Đông)	Kênh Bảy Tân Bằng	1,1
11	Khu tiêu thụ công nghiệp thuộc bờ Tây Sông Trẹm	Kênh 11	Hết ranh Chùa Hưng Hạnh Tự	1,2
12	Lộ Thới Bình - Tân Bằng nối dài (Lộ đất)	Kênh Bảy Tân Bằng	Giáp ranh xã Biển Bạch	1,2
13	Lộ Kênh 6 – Rạch Giữa	Cầu treo	Giáp lộ Hành Lang ven biển phía Nam	1,2
14	Lộ Vàm Thiệt (bờ Bắc)	Sông Trẹm	Giáp lộ Hành Lang ven biển phía Nam	1,0
3. Xã Biển Bạch Đông				
15	Bờ Đông sông Trẹm	Kênh Ba Chùa	Cách trụ sở UBND xã Biển Bạch Đông: 300m	1,1

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16	Bờ Đông sông Trẹm	Cách trụ sở UBND xã Biển Bạch Đông: 300m (Về hướng thị trấn Thới Bình)	Hết ranh UBND xã Biển Bạch Đông	1,2
17	nt	Hết ranh UBND xã Biển Bạch Đông	Cách UBND xã Biển Bạch Đông: 300m (Về hướng xã Tân Bằng)	1,0
18	nt	Cách UBND xã Biển Bạch Đông: 300m (Về hướng xã Tân Bằng)	Giáp ranh xã Tân Bằng	1,0
19	Lộ nhựa dọc theo Kênh Sáu La Cua (Bờ Bắc)	Giáp lộ bê tông Thới Bình - Biển Bạch	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	1,3
20	Lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	Kênh Ba Chùa	Kênh Ba +120m (Hết ranh xã Biển Bạch Đông)	1,0
21	Lộ nhựa dọc theo kênh Sáu La Cua bờ Bắc	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	Kênh 9 (Giáp xã Trí Lực) (Tên cũ: Kênh 7 (Giáp xã Trí Lực))	1,2
4. Xã Trí Lực				
22	Tuyến kênh 30	Kênh 8 (Bờ Đông), ấp Phú Thờ	Kênh 7	1,0
23	nt	Phú Thờ Bắc (Bờ Đông)	Hết ranh Trường trung học cơ sở Trí Lực	1,1
24	nt	Kênh 7, ấp 9 (Bờ Bắc)	Kênh 8 (Bờ Bắc)	1,2
25	Tuyến kênh 7	Chợ xã ấp Phú Thờ (Bờ Đông)	Hết ranh đất Cây xăng Thanh Hiền	1,2
26	nt	Hết ranh đất Cây xăng Thanh Hiền	Kênh Đầu Ngàn (Giáp ranh xã Trí Phải)	1,0
27	Kênh 7	Giáp kênh 30, ấp 9 (Bờ Đông)	Hết ranh Trạm y tế xã Trí Lực	1,2
28	Lộ nhựa Trí Lực đi Biển Bạch Đông	Đầu cầu bờ Tây kênh 30	Kênh 9 giáp ranh Biển Bạch Đông	1,2
5. Xã Trí Phải				
29	Tuyến lộ thị trấn Thới Bình - Trí Phải	Giáp ranh xã Thới Bình	Kênh Lầu	1,1
30	nt	Kênh Lầu	Hết Ranh nhà máy đường cũ	1,1
31	nt	Hết Ranh nhà máy đường cũ	Quốc lộ 63 (Bao gồm cả khu chợ)	1,1

STT	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
32	Quốc lộ 63	Ranh Hạng (Giáp tỉnh Kiên Giang)	Cổng Nam Đông	1,1
33	nt	Cổng Nam Đông	Cầu Trí Phải + 500m	1,0
34	nt	Cầu Trí Phải + 500m	Cầu Trí Phải	1,1
35	nt	Cầu Trí Phải	Cầu Trí Phải + 500m (Hướng về Tân Phú)	1,0
36	nt	Cầu Trí Phải + 500m (Hướng về Tân Phú)	Hết Trường cấp 3 xã Trí Phải + 100m	1,0
37	nt	Hết Trường cấp 3 xã Trí Phải +100m	Cổng Cây Gừa (Giáp ranh Tân Phú)	1,0
38	Cầu Trí Phải (Kênh xáng Chợ Hội, bờ Bắc)	Cầu Trí Phải	Cầu Trí Phải + 300m	1,0
39	Kênh xáng Chắc Băng, bờ Bắc	Kênh Kiểm	Kênh Kiểm + 400m (Về hướng Thị Trấn Thới Bình)	1,0
40	nt	Kênh Kiểm + 400m (Về hướng Thị Trấn Thới Bình)	Ngang Kênh Lâu	1,0
6. Xã Thới Bình				
41	Lộ Rạch Bà Đặng	Hết ranh Thị trấn Thới Bình (Bờ Nam)	Kênh Tân Phong (Ngã tư Ngọn Cại)	1,0
42	Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc	Cầu Bà Hội +100m	Cổng Thới Hòa	1,0
43	nt	Cổng Thới Hòa	Giáp ranh xã Tân Lộc	1,0
44	Tuyên lộ thị trấn Thới Bình - Trí Phải	Giáp ranh Thị trấn Thới Bình	Cổng xã Thới Bình	1,0
45	nt	Cổng xã Thới Bình	Giáp ranh xã Trí Phải	1,0
46	Tuyên Kênh Hai Ngó	Đầu kênh Hai Ngó	Ngã tư Đồng Sậy	1,0
47	Bờ Tây Sông Trẹm	Giáp ranh Thị trấn Thới Bình	Rạch ông Bường	1,0
48	Lộ tránh thị trấn Thới Bình (Phía sau huyện đội)	Giáp ranh Thị trấn Thới Bình	Nút giao với đường hành lang ven biển phía Nam (Tên cũ: Hết ranh đất ông Giang Từ Trục)	1,5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
49	Bờ Nam Kênh Công An	Cổng xã Thới Bình	Rạch Bà Đặng	1,0
7. Xã Tân Phú				
50	Quốc lộ 63	Cổng Cây Gừa (Ranh xã Trí Phải)	Cách cầu Chợ Hội 1000m	1,0
51	nt	Cách cầu Chợ Hội 1000m	Cầu Chợ Hội + 500m	1,0
52	nt	Cầu Chợ Hội + 500m	Cổng Ban Lì (Giáp ranh Tân Lộc Bắc)	1,1
53	Các lộ nội bộ trung tâm xã Tân Phú	Bạch Ngưu + 100m (Về hướng Tràm Thè)	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Phú	1,1
54	nt	Lộ bê tông từ ranh UBND xã Tân Phú	UBND xã Tân Phú + 300 m (Về hướng Chủ Trì)	1,0
55	nt	Cách cầu Chợ Hội: 50 m (Dọc 2 bờ kênh xáng Bạch Ngưu)	Kênh xáng Huyện Sừ - Chợ Hội	1,0
56	nt	Ngã tư Chợ Hội (Về hướng Tràm Thè)	Ngã tư Chợ Hội + 500m	1,1
57	Cầu Chợ Hội - Ranh Hạt - Tràm Thè	Cầu Chợ Hội - Ranh Hạt	Lộ Tràm Thè	1,0
8. Xã Tân Lộc Đông				
58	Lộ Tân Phong	Kênh C4 (Giáp ranh xã Tân Lộc)	Cách Kinh xáng Phụng Hiệp: 500m	1,3
59	nt	Cách Kinh xáng Phụng Hiệp: 500m	Kinh xáng Phụng Hiệp	1,2
60	nt	Cầu Đầu Xấu	Bến phà Đầu Xấu (Giáp kinh xáng Phụng Hiệp)	1,5
61	Tuyến lộ dọc Kinh xáng Phụng Hiệp	Kênh Nhà Thờ (Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu)	Kênh Nhà Thờ +200 m hướng về UBND xã Tân Lộc Đông	1,3
62	nt	Kênh Nhà Thờ +200 m hướng về UBND xã Tân Lộc Đông	Hết ranh UBND xã Tân Lộc Đông	1,1
63	nt	Hết ranh UBND xã Tân Lộc Đông	UBND xã +1000m (Về hướng Cà Mau)	1,2
64	nt	UBND xã + 1000m (Về hướng Cà Mau)	Cách Vàm Bướm: 500m	1,4



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
	nt	Cách Vàm Bướm: 500m	Vàm Bướm	1,3
66	Tuyến Vàm Bướm - kênh Láng Trâm	Vàm Bướm	Vàm Bướm + 200m (Về hướng cầu số 4)	1,0
67	nt	Vàm Bướm + 200m (Về hướng cầu số 4)	Giáp ranh Tân Lộc - Tân Lộc Đông	1,2
9. Xã Tân Lộc Bắc				
68	Quốc lộ 63	Cổng Ban Li (Giáp ranh xã Tân Phú)	Cách cầu Tân Bình 500m	1,1
69	nt	Cách cầu Tân Bình 500m	Cầu Tân Bình	1,0
70	nt	Cầu Tân Bình	Cầu Tân Bình + 500m (Về hướng Tân Lộc)	1,0
71	nt	Cầu Tân Bình + 500m (Về hướng Tân Lộc)	Giáp ranh xã Tân Lộc	1,0
72	Lộ Tân Phong	Cầu Tân Bình	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc	1,0
73	nt	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc	Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc + 500m	1,0
74	nt	Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc + 500m	Cổng Đường Giữa (Giáp ranh xã Tân Lộc)	1,0
75	Lộ phía sau UBND xã Tân Lộc Bắc	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc	Giáp Quốc lộ 63	1,0
76	nt	Giáp ranh xã Tân Phú	Giáp ranh xã Tân Lộc	1,0
77	Tây Bạch Ngưu	Giáp Tân Lộc	Ranh ấp 6	1,0
78	nt	Giáp ấp 9	Cầu Kênh Miếu	1,0
79	nt	Kênh Miếu giáp ấp 6	Cầu Bào Chà	1,0
10. Xã Tân Lộc				
80	Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc	Giáp ranh xã Thới Bình	Cầu Rạch Giáng	1,0
81	nt	Cầu Rạch Giáng	Hết ranh đất ông Tám Sỹ	1,0
82	nt	Hết ranh đất ông Tám Sỹ	Cầu Bạch Ngưu	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
83	nt	Cầu Bạch Ngưu	Quốc lộ 63	1,0
84	Quốc Lộ 63	Giáp ranh xã Tân Lộc Bắc	Cầu số 5	1,0
85	nt	Cầu số 5	Cách cầu số 4: 500m (Ranh đất nhà ông Kết - ông Thắng)	1,0
86	nt	Cách cầu số 4: 500m (Ranh đất nhà ông Kết - ông Thắng)	Cầu số 4	1,0
87	nt	Cầu số 4	Ranh kho X (Tên cũ: Ranh Kho đạn)	1,0
88	nt	Ranh kho X (Tên cũ: Ranh Kho đạn)	Cầu số 3	1,0
89	Lộ bê tông Chợ Tân Lộc	Tiệm vàng Đức Thiệu	Hết ranh đất ông Đơ	1,0
90	nt	Hết ranh nhà ông Đơ	Hết ranh Trường mầm non Tân Lộc	1,0
91	Các tuyến lộ thuộc xã Tân Lộc	Cầu số 4	Chùa Phước Linh (Phía Nam, ấp 2)	1,0
92	Tuyến Tân Lộc - Vàm Bướm	Cầu số 4 (Bờ Bắc, ấp 3)	Hết ranh đất ông Ba Nhuận (Ấp 3)	1,0
93	nt	Hết ranh đất ông Ba Nhuận (Bờ Bắc, ấp 3)	Giáp ranh xã Tân Lộc Đông	1,0
94	nt	Cầu số 4 (Bờ Nam)	Ngang nhà ông Ba Nhuận	1,0
95	Lộ Tân Phong	Cống Đường Giữa (Giáp ranh xã Tân Lộc Bắc)	Kênh C4 (Giáp ranh xã Tân Lộc Đông)	1,0
11. Xã Hồ Thị Kỳ				
96	Bờ Tây Sông Trẹm	Rạch Ông Bường	Rạch Cai Phú (Tên cũ: Rạch Cái Phú)	1,0
97	Đường về UBND xã Hồ Thị Kỳ	Cầu Bạch Ngưu	Cầu Bạch Ngưu + 250m (Về hướng Tắc Thủ)	1,0
98	nt	Cầu Bạch Ngưu + 250m	Cầu Tắc Thủ (Phía Nam)	1,0
99	nt	Cầu Bạch Ngưu + 250m	Cầu Tắc Thủ (Phía Bắc)	1,0
100	Tuyến lộ Bạch Ngưu	Vàm Bạch Ngưu	Kênh bà Mười Bánh Cam	1,0

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
	nt	Kênh bà Mười Bánh Cam	Vàm Rạch Giồng	1,0
102	Tuyến lộ ven sông Tắc Thủ	Bạch Ngưu	Hết ranh đất bà Lén	1,0
103	nt	Hết ranh nhà bà Lén	Cầu Tắc Thủ (Khu chợ)	1,0
104	Tuyến lộ Đường Xuông	Cầu Chữ Y	Cầu Rạch Bần Nhỏ	1,0
105	nt	Cầu Rạch Bần Nhỏ	Cống Đường Xuông	1,0
106	Lộ nhựa đi Bào Nhân	Cầu Khánh An	Cầu Bến Gỗ	1,0
107	nt	Cầu Bến Gỗ	Cầu kênh Thị Phụng (Trạm y tế xã)	1,0
108	nt	Cầu kênh Thị Phụng (Trạm y tế xã)	Kênh Rạch Giồng (Sông Bạch Ngưu)	1,0
109	Võ Văn Kiệt	Cầu Bạch Ngưu	Cầu Khánh An (Sông Ông Đốc)	1,0
110	Lộ ven sông Trẹm (Phía Đông)	Cầu kênh Thị Phụng	Rạch Ông Hương (Tên cũ: Rạch Bà Hội)	1,0
111	Tuyến lộ bê tông kênh Thị Phụng (Bờ Nam)	Sông Trẹm	Cầu trước nhà ông Quách Dũng	1,0
112	Lộ bê tông (Tắc Thủ - Khánh An)	Cầu Tắc Thủ	Cầu Khánh An	1,0
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,0
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,0
Các tuyến đường được bổ sung vào Bảng giá đất theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh				
1. Xã Biển Bạch				
113	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Giáp ranh xã Tân Bằng	Rạch Ngã Bát	1,0
114	Lộ Bờ Tây Sông Trẹm	Giáp ranh xã Tân Bằng	Kênh 25	1,0
115	Lộ Kênh 12	Sông Trẹm (Vàm Kênh 12)	Ranh Hạp (Kênh xáng cùng kênh 12)	1,0
2. Xã Tân Bằng				

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
116	Lộ Kênh Trường học	Đình thần Tân Bằng	Giáp đường Hành lang ven biển phía Nam	1,0
117	Lộ Kênh 11 lớn	Đầu kênh 11 lớn (Giáp Sông Trẹm)	Giáp ranh huyện U Minh	1,0
118	Lộ Bờ Tây Sông Trẹm	Giáp ranh xã Biển Bạch Đông	Kênh 11 lớn	1,0
119	nt	Hết ranh chùa Hưng Hạnh Tự	Giáp ranh xã Biển Bạch	1,0
120	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Kênh 3+120m (Hết ranh xã Biển Bạch Đông)	Kênh 5	1,0
121	nt	Kênh 5	Kênh 7	1,1
122	nt	Kênh 7	Giáp ranh xã Biển Bạch	1,0
3. Xã Biển Bạch Đông				
123	Lộ Bờ Tây sông Trẹm	Kênh số 6	Giáp ranh xã Tân Bằng	1,0
124	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Kênh Ba Chùa (Giáp ranh thị trấn Thới Bình)	Kênh Ba Hàng Mít (Giáp xã Tân Bằng)	1,0
4. Xã Trí Phải				
125	Lộ Trí Phải - TT. Thới Bình (Bờ Bắc Kênh Chắc Băng)	Kênh Kiểm	Kênh Kiểm + 400m (Về hướng thị trấn Thới Bình)	1,0
126	Lộ Trí Phải - TT. Thới Bình (Bờ Bắc Kênh Chắc Băng)	Kênh Kiểm + 400m (Về hướng thị trấn Thới Bình)	Ngang Kênh Lâu	1,0
5. Xã Thới Bình				
127	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Giáp ranh thị trấn Thới Bình (cầu Bà Hội)	Giáp ranh xã Hồ Thị kỳ (Cầu Ông Hương)	1,0
128	Đường Đê Tây sông Chắc Băng	Giáp ranh thị trấn Thới Bình	Giáp ranh xã Trí Phải	1,0
129	Đường Bờ Đông Sông Trẹm	Giáp ranh thị trấn Thới Bình (cầu Bà Hội)	Rạch Ông Hương	1,0
130	Lộ về Trung tâm xã Thới Bình	Giáp lộ Láng Trâm (Thới Bình - Tân Lộc)	Trụ sở UBND xã Thới Bình	1,0

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
131	Đường Thới Bình - U Minh	Giáp ranh thị trấn Thới Bình	Giáp ranh huyện U Minh	1,2
6. Xã Hộ Thị Kỳ				
132	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Giáp lộ Võ Văn Kiệt	Cầu Bến Gỗ	1,0
133	nt	Cầu Bến Gỗ	Cầu Thị Phụng	1,0
134	nt	Cầu Thị Phụng	Giáp ranh xã Thới Bình	1,0
7. Xã Tân Lộc Đông				
135	Tuyến Kênh C3	Lộ Tân Phong	Lộ Bê tông kênh xáng Láng Trâm	1,1
136	Tuyến Kênh xáng Tân Phong	Giáp Kênh xáng Phụng Hiệp	Cầu lung Trâm	1,1


3. HUYỆN U MINH

	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
1. Xã Khánh Thuận				
1	Tuyến sông Cái Tàu, bờ Đông	Giáp ranh giáp thị trấn U Minh	Bờ Nam Kênh 18	1,3
2	nt	Kênh 18, bờ Bắc	Giáp ranh tỉnh Kiên Giang	1,3
3	Kênh 5 đất Sét: Bờ nam	Đầu kênh	Giáp ranh tỉnh Kiên Giang	1,4
4	Kênh 11	Bờ Bắc (Giáp thị trấn U Minh)	Giáp ranh huyện Thới Bình	1,2
5	nt	Bờ Nam (Giáp thị trấn U Minh)	Giáp ranh huyện Thới Bình	1,2
6	Tuyến sông Cái Tàu, bờ Tây	Giáp ranh giáp thị trấn U Minh	Kênh Xã Thìn, bờ Nam	1,3
7	nt	Kênh Xã Thìn, bờ Bắc	Giáp ranh xã Khánh Hòa	1,4
8	Kênh xã Thìn	Đầu kênh Xã Thìn, bờ Bắc	Giáp ranh xã Khánh Hòa	1,3
9	nt	Đầu kênh Xã Thìn, bờ Nam	Giáp ranh xã Khánh Hòa	1,3
10	Rạch Nai	Đầu kênh Rạch Nai, bờ Nam	Giáp ranh xã Khánh Hòa	1,3
11	Bờ bao Ba Quý	Bờ Đông (Giáp lộ bắc kênh 11)	Kênh 21, bờ Nam	1,2
12	Kênh 18	Kênh 18, bờ Bắc (Giáp Thới Bình)	Lộ nhựa 7 Kênh	1,2
13	nt	Đầu kênh 18, bờ Nam	Bờ bao kênh Tư	1,3
14	Lộ nhựa 7 Kênh	Đầu lộ (Bờ Bắc kênh 11)	Giáp ranh tỉnh Kiên Giang	1,2
15	Kênh 3	Kênh 18	Kênh 21	1,2
16	Kênh 27 (Bờ Bắc)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
17	Kênh 27 (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
18	Kênh 28 (Bờ Bắc)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
19	Kênh 28 (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
20	Kênh 29 (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
21	Kênh 25 (Bờ Bắc)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
22	Kênh 25 rươi (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
23	Kênh 4	Giáp ranh thị trấn U Minh	Bờ Nam Kênh 18	1,3
24	Kênh 26 (Hai bờ)	Kênh 7-500	Kênh 14	1,2
2. Xã Khánh Hòa				
25	Tuyến sông Hương Mai (Bờ Nam)	Ngã ba Kim Đài	Giáp ranh xã Khánh Tiến	1,2
26	Tuyến sông Hương Mai (Bờ Bắc)	Ngã ba Đường Cuốc	Giáp ranh xã Khánh Tiến	1,3
27	Kênh Kim Đài - Khánh Lâm	Ngã ba Kim Đài, bờ Đông	Hết ranh đất trường THCS Khánh Hòa	1,2
28	nt	Hết ranh đất trường THCS Khánh Hòa	Giáp ranh xã Khánh Lâm	1,2
29	nt	Ngã ba Kim Đài, bờ Tây	Giáp ranh xã Khánh Lâm	1,4
30	Kênh Mũi Chùi (Bờ Bắc)	Đầu kênh Mũi Chùi (Kênh Công Nghiệp)	Giáp ranh xã Khánh Lâm	1,2
31	Kênh Mũi Chùi (Bờ Nam)	Đầu kênh Mũi Chùi	Giáp ranh xã Khánh Tiến	1,2
32	Kênh Khor Me lớn	Kênh Khor Me lớn, bờ Tây (Đầu cầu)	Hết ranh đất ông Danh Âm	1,2
33	Ngã ba Kim Đài - ngã ba Lung Vườn	Ngã ba Kim Đài, bờ Tây (UBND xã)	Ngã ba Lung Vườn	1,2
34	nt	Ngã ba Đường Cuốc, bờ Đông (Trạm y tế xã)	Ngã ba Lung Vườn	1,2
35	Ngã ba Lung Vườn - Kênh Sáu Nhiễu	Ngã ba Lung Vườn	Đầu kênh Sáu Nhiễu	1,3
36	Ngã ba Đường Cuốc - Xã Thìn	Ngã ba Đường Cuốc, bờ Nam	Xã Thìn (Giáp xã Khánh Thuận)	1,3
37	nt	Ngã ba Đường Cuốc, bờ Bắc	Xã Thìn (Giáp xã Khánh Thuận)	1,4
38	Kênh Lung Ngang	Đầu kênh Lung Ngang, bờ Tây	Ngã ba kênh xáng Đứng	1,3
39	Kênh Cùg	Kênh Cùg, bờ Bắc (Giáp kênh Đường Cuốc)	Kênh xáng Đứng	1,3
40	Kênh Khor Me Nhỏ (Bờ Tây)	Giáp kênh Công nghiệp	Giáp sông Hương Mai	1,3


	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K) (5)
		Từ	Đến	
		(3)	(4)	
41	Kênh Năm Đàng (Bờ Bắc)	Đầu kênh Kim Đài, bờ Bắc	Kênh Hai Huỳnh	1,3
42	Kênh 3 Chinh (Bờ Tây)	Giáp lộ Khánh Lâm	Ngã 3 ngọn Kim Đài	1,3
43	Kênh Sáng Đứng (Bờ Đông)	Đầu lộ Kênh Cùng	Trường Võ Văn Tần	1,2
44	Kênh 12 hộ (Bờ Tây)	Ngã 4 Lung Ngang	Ngã 4 chữ Đinh	1,2
45	Kênh Lung Vườn - Chánh Bảy (Bờ Bắc)	Ngã 4 Lung Vườn	Chánh Bảy	1,2
3. Xã Khánh Tiến				
46	Tuyến sông Hương Mai	Phía Nam lộ xe từ cống Hương Mai	Kênh Công Điền, bờ Tây	1,2
47	nt	Kênh Công Điền, bờ Đông	Giáp xã Khánh Hòa	1,2
48	nt	Phía Bắc từ cống Hương Mai	Kênh Chà Là, bờ Tây	1,3
49	nt	Kênh Chà Là, bờ Đông	Giáp xã Khánh Hòa	1,3
50	Kênh Chà Là (Thống Nhất) - cống Tiểu Dừa	Ngã ba kênh Chà Là, bờ Tây	Ngã tư Tiểu Dừa	1,2
51	nt	Ngã ba kênh Chà Là, bờ Đông	Ngã tư kênh Tiểu Dừa	1,2
52	nt	Ngã tư kênh Tiểu Dừa, bờ Nam	Cống Tiểu Dừa	1,3
53	UBND xã Khánh Tiến - Rạch Dinh	UBND xã Khánh Tiến, hướng Tây	Ngã tư rạch Choại	1,3
54	nt	UBND xã Khánh Tiến, hướng Đông	Ngã tư rạch Choại	1,3
55	nt	Ngã tư rạch Choại, bờ Tây	Ngã tư rạch Dinh	1,2
56	nt	Ngã tư rạch Choại, bờ Đông	Ngã tư rạch Dinh	1,3
57	nt	Ngã tư rạch Choại, bờ Bắc	Giáp xã Khánh Hòa	1,3
58	nt	Ngã tư rạch Choại, bờ Nam	Giáp xã Khánh Hòa	1,3
59	nt	Ngã tư rạch Choại, bờ Bắc	Đê Biển Tây	1,3
60	nt	Ngã tư rạch Choại, bờ Nam	Đê Biển Tây	1,3
61	Ngã tư rạch Dinh-Khánh Lâm, Khánh Hội	Ngã tư rạch Dinh, bờ Tây	Ngã ba Lung Ranh	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
62	Ngã tư rạch Dinh-Khánh Lâm, Khánh Hội	Ngã tư rạch Dinh, bờ Đông	Ngã ba Lung Ranh	1,3
63	nt	Ngã ba Lung Ranh, bờ Bắc	Cổng Lung Ranh	1,3
64	nt	Ngã tư rạch Dinh, bờ Bắc	Đê Biển Tây	1,3
65	nt	Ngã tư rạch Dinh, bờ Nam	Đê Biển Tây	1,2
66	nt	Ngã tư rạch Dinh, bờ Bắc	Giáp xã Khánh Lâm	1,3
67	nt	Ngã tư rạch Dinh, bờ Nam	Giáp xã Khánh Lâm	1,3
68	Kênh Mười Hậu	Đầu kênh Mười hậu, bờ Đông	Cuối kênh	1,3
69	nt	Đầu kênh Mười Hậu, bờ Tây	Cuối kênh	1,3
70	Kênh Cựa Gà	Đầu kênh Cựa Gà, bờ Nam	Ngọn Cựa Gà, bờ Tây	1,2
71	nt	Đầu kênh Cựa Gà, bờ Bắc	Ngọn Cựa Gà, bờ Đông	1,3
72	Kênh 6 Mấu (Bờ Bắc)	Kênh 3 Thước	Cuối kênh	1,2
73	Bờ Nam Rạch Dinh	Ngã ba Xóm Mới	Kinh Út Nhuận	1,2
4. Xã Nguyễn Phích				
74	Tuyến sông Cái Tàu (Bờ Đông)	Bờ Bắc Bày Hộ	Bờ Nam Ông Khẹn	1,2
75	nt	Bờ Bắc ông Khẹn	Bờ Nam Đội Tâm	1,3
76	nt	Bờ Bắc Đội Tâm	Bờ Nam Cây Khô (Giáp thị trấn)	1,2
77	Kênh Zero	Đầu kênh Zero, bờ Nam	Cầu Bình Minh	1,2
78	nt	Đầu kênh Zero, bờ Bắc	Giáp huyện Thới Bình	1,2
79	Kênh xáng Bình Minh	Kênh xáng Bình Minh, bờ Tây	Giáp xã Khánh An	1,2
80	Đông Nồng Ông Sâu	Bắc Kênh Zero (Bờ Đông)	Nam Ông Sâu	1,2
81	nt	Bắc Kênh Zero (Bờ Tây)	Nam Ông Sâu	1,2
82	Rạch Ông Sâu	Đầu rạch Ông Sâu, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1,2




	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
83	Rạch Ông Sáu	Đầu rạch Ông Sáu, bờ Nam	Giáp kênh Tu	1,2
84	Rạch Tênh	Đầu rạch Tênh, bờ Bắc	Giáp kênh Tu	1,2
85	nt	Đầu rạch Tênh, bờ Nam	Giáp kênh Tu	1,3
86	Rạch Sộp	Đầu rạch Sộp, bờ Bắc	Giáp kênh Tu	1,2
87	nt	Đầu rạch Sộp, bờ Nam	Giáp kênh Tu	1,2
88	Rạch Chệt	Đầu rạch Chệt, bờ Bắc	Giáp kênh Tu	1,2
89	nt	Đầu rạch Chệt, bờ Nam	Giáp kênh Tu	1,2
90	Bờ Tây sông Cái Tàu	Rạch Lung Diễm, bờ Bắc	Rạch Rọi, bờ Nam	1,3
91	nt	Rạch Rọi, bờ Bắc	Bờ Nam Bà Y	1,2
92	nt	Bờ Bắc bà Y	Giáp ranh thị trấn	1,3
93	Đọc theo tuyến lộ xe U Minh - Cà Mau	Rạch Ông Diễm, bờ Bắc	Giáp thị trấn	1,3
94	Kênh Khai Hoang	Bờ Nam Khai Hoang (Sông Cái Tàu)	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,2
95	nt	Bờ Bắc Khai Hoang (Sông Cái Tàu)	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,2
96	Kênh 29	Cầu Khai Hoang, bờ Bắc	Giáp xã Khánh Lâm	1,2
97	Kênh số 3 (Tên cũ: Ngọn rạch Tênh)	Kênh 4 (Bờ Nam kênh số 3)	Bờ bao ba Quý	1,2
98	nt	Kênh 4 (Bờ Bắc kênh số 3)	Bờ bao ba Quý (Có đường bê tông)	1,2
99	Rạch Tắc	Đầu rạch Tắc, bờ Nam	Giáp kênh Tu (Có đường bê tông)	1,2
100	nt	Đầu rạch Tắc, bờ Bắc	Giáp kênh Tu	1,2
101	Rạch Ông Diễm	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau, bờ Bắc	Sông Cái Tàu (Lộ nhựa)	1,2
102	Rạch Phó Nguyên	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau, bờ Bắc	Sông Cái Tàu	1,2
103	nt	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau, bờ Nam	Sông Cái Tàu	1,2
104	Kênh Đội Tâm	Đầu kênh Đội Tâm (Bờ Nam)	Giáp Kênh 4	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
105	nt	Đầu kênh Đội Tâm (Bờ Bắc)	Giáp Kênh 4	1,2
106	Kênh Ba Tây (Bờ Đông)	Đầu kênh Ba Tây	Rạch Tền	1,2
107	Kênh Ba Tinh (Bờ Nam)	Đầu kênh Ba Tinh	Kênh xáng Bình Minh	1,2
108	Rạch Nàng Chăng (Bờ Nam)	Đầu Rạch Nàng Chăng	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,2
109	Rạch Bà Án (Bờ Nam)	Đầu Rạch Bà Án	Kinh Hai Khện	1,2
110	Rạch Chuôi (Bờ Nam)	Đầu Rạch Chuôi	Kênh Tư	1,2
111	Rạch Hàng (Bờ Nam)	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1,2
112	Rạch Giồng Ông (Bờ Nam)	Sông Cái Tàu	Kênh Tư	1,3
113	Rạch Ngã Bắc (Bờ Tây)	Rạch Giồng Ông	Kênh Tư	1,2
114	Kênh 35 (Bờ Bắc)	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Giáp lộ kênh 96	1,2
115	Kênh 4 (Bờ Đông)	Ngon Rạch Tềnh	Kênh Zero (Bờ Đông)	1,2
116	Lộ U Minh - Thới Bình	Lộ U Minh - Cà Mau	Lộ kênh sáng Bình Minh	1,2
5. Xã Khánh Lâm				
117	Tuyến lộ xe U Minh - Khánh Hội (Bờ Bắc)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Miếu, bờ Đông	1,5
118	nt	Kênh Miếu, bờ Tây	Kênh Chệt Tùng, bờ Đông	1,4
119	Tuyến lộ xe U Minh - Khánh Hội (Bờ Nam)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Miếu, bờ Đông	1,4
120	nt	Kênh Miếu, bờ Tây	Kênh Chệt Tùng, bờ Đông	1,4
121	Kênh Chệt Tùng	Đầu kênh Chệt Tùng, bờ Đông	Đập Chín Thống	1,3
122	Bờ Đông kênh Sáu Tiến - Đội 1	Đầu lộ xe (Cống kênh Sáu Tiến)	Cầu kênh Dón Hàng Gòn (Đầu kênh)	1,3
123	nt	Đầu kênh Dón Hàng Gòn	Đội 1	1,2
124	Bờ Tây kênh Sáu Tiến - Đội 1	Đầu lộ xe (Cống kênh Sáu Tiến)	Cầu kênh Dón Hàng Gòn (Đầu kênh)	1,2
125	nt	Cầu kênh Dón Hàng Gòn (Đầu kênh)	Đội 1	1,2

	 Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K) (5)
		Từ	Đến	
		(3)	(4)	
126	Tuyến kênh 89	Bờ Tây (Đội 1 - đầu lộ nhựa)	Giáp tuyến kênh 29	1,2
127	nt	Bờ Đông (Đội 1 - đầu lộ đất)	Giáp tuyến kênh 29	1,2
128	Đọc theo lộ nhựa tuyến 29	Tuyến 93 (Giáp xã Nguyễn Phích)	Tuyến 89	1,2
129	nt	Tuyến 89	Tuyến 84 (Giáp xã Khánh Hội)	1,2
130	Bờ nam kênh 29	Tuyến 93 (Giáp xã Khánh An)	Tuyến 84 (Giáp xã Khánh Hội)	1,2
131	Kênh Dón Hàng Gòn - Kênh Đứng	Cầu 6 Kham, bờ Nam	Kênh Đứng, bờ Tây	1,2
132	nt	Cầu Dón Hàng Gòn, bờ Bắc	Kênh Đứng, bờ Tây	1,2
133	Kênh Mười Quân	Đầu kênh Mười Quân, bờ Tây	Giáp kênh Dón Hàng Gòn	1,2
134	Kênh Bà Mụ	Đầu kênh Bà Mụ, bờ Tây	Giáp kênh Dón Hàng Gòn	1,3
135	Tuyến kênh Nước Phèn - 10 Quân (Bờ Nam)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Mười Quân, bờ Đông	1,3
136	Tuyến kênh Nước Phèn - 10 Quân (Bờ Bắc)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Mười Quân, bờ Đông	1,2
137	Kênh Biện Nhị (Bờ Nam)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Chệt Tùng, bờ Đông	1,2
138	Kênh Biện Nhị (Bờ Bắc)	Kênh 30/4, bờ Tây	Kênh Chệt Lèm, bờ Đông	1,4
139	nt	Kênh Chệt Lèm, bờ Tây	Cầu ngang Khánh Lâm	1,2
140	nt	Cầu ngang Khánh Lâm	Cầu Ván, bờ Đông (Giáp xã Khánh Hội)	1,3
141	Kênh Kim Đài	Đầu kênh Kim Đài, bờ Tây	Giáp ranh xã Khánh Hòa	1,2
142	nt	Đầu kênh Kim Đài, bờ Đông	Giáp ranh xã Khánh Hòa	1,2
143	Kênh Ba Thước	Kênh Ba Thước (2 bên)	Giáp ranh xã Khánh Tiến	1,2
144	Kênh Cầu Ván	Đầu kênh Cầu Ván, bờ Đông	Giáp ranh xã Khánh Tiến	1,3
145	Kênh Lung Ranh	Từ bờ Đông Cầu Ván	Bờ Tây kênh 6 Thước	1,2
6. Xã Khánh Hội				
146	Tuyến lộ U Minh-Khánh Hội 2 bờ Nam, Bắc	Kênh Chệt Tùng	Đê Biên Tây	1,9

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
147	Tuyến sông kênh Hội	Đê Biển Tây (Kênh Hội, bờ Nam)	Kênh Chệt Tùng	1,6
148	nt	Đê Biển Tây (Kênh Hội, bờ Bắc)	Kênh Cầu Ván	1,2
149	Kênh Chệt Tùng	Đầu kênh Chệt Tùng, bờ Tây	Ngã ba cầu Tư Đại	1,2
150	nt	Ngã ba cầu Tư Đại	Đập ông Chín Thống	1,2
151	Kênh xáng Mới	Lộ xe U Minh Khánh Hội (Bờ Đông)	Giáp huyện Trần Văn Thời	1,4
152	nt	Lộ xe U Minh Khánh Hội (Bờ Tây)	Kênh 92	1,2
153	nt	Kênh 92, bờ Tây	Giáp huyện Trần Văn Thời	1,2
154	Đê Biển Tây, hướng Đông	Ranh đất ông Lâm Văn Thường	Giáp Trần Văn Thời (Kéo dài)	1,2
155	Kênh T29 (Bờ Bắc)	Đê Biển Tây	Tuyến 84 (Giáp xã Khánh Lâm)	1,2
156	Kênh đê Biển Tây, bờ Đông	Đồn Biên Phòng	Cống Lung Ranh	1,2
157	Kênh Cầu Ván, bờ Tây	Đầu kênh Cầu Ván	Vàm Mũi Đước	1,2
158	Kênh Cầu Ván, bờ Tây	Ngã ba Mũi Đước	Cống Lung Ranh	1,2
159	Tuyến Lung Lá - Mũi Đước	Đất nhà ông Năm Ân	Hết ranh đất nhà ông Tám Thống	1,2
160	Dón Dài (Bờ Bắc) - Kênh tập đoàn (Bờ Nam)	Đầu kênh Dón Dài	Hết kênh Dón Dài	1,4
7. Xã Khánh An				
161	Ngã ba Vàm Cái Tàu - Thới Bình	Bưu điện	Cống Hương Thành	1,2
162	nt	Cống Hương Thành	Trụ điện vượt sông	1,3
163	nt	Trụ điện vượt sông	Bờ Tây rạch Xéo Dài (Đầu rạch)	1,3
164	Ngã ba Vàm Cái Tàu - Thới Bình	Bờ Đông rạch Xéo Dài (Đầu rạch)	Bờ Nam rạch Cây Phú (Giáp Thới Bình)	1,2
165	Kênh Xéo Dài	Bờ Tây kênh Xéo Dài (Đầu vàm)	Hết ranh đất ông Kiệt	1,3
166	Ngã ba vàm Cái Tàu - Nguyễn Phích (Bờ Đông)	Ngã ba vàm Cái Tàu	Hết ranh hăng nước đá Sanh Phát 5	1,2



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
167	Ngã ba vàm Cái Tàu - Nguyễn Phích (Bờ Đông)	Hết ranh hăng nước đá Sanh Phát 5	Hết ranh đất ông Chín Yên	1,2
168	nt	Hết ranh đất ông Chín Yên	Bờ Nam Xèo Mác	1,2
169	nt	Bờ Bắc Xèo Mác	Bờ Nam Xèo Tre	1,2
170	nt	Bờ Bắc Xèo Tre	Giáp Nguyễn Phích	1,3
171	Kênh Xèo Tre (2 bờ)	Bờ Nam (Đầu kênh)	Hết lộ bê tông (Kênh Giữa)	1,3
172	nt	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Kênh xáng Bình Minh	1,3
173	Ngã ba vàm Cái Tàu - giáp ranh xã Nguyễn Phích (Bờ Tây)	Từ nhà máy điện 1	Bờ Nam kênh Đào Trà tuyến 21	1,2
174	nt	Bờ Bắc kênh Đào Trà tuyến 21	Kênh Nam Dương	1,2
175	nt	Bờ Bắc rạch Rô	Bờ Nam ông Diễm (Giáp Nguyễn Phích)	1,3
176	Kênh Nam Dương (2 bờ)	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Lộ xe Cà Mau - U Minh	1,3
177	nt	Bờ Nam (Đầu kênh)	Lộ xe Cà Mau - U Minh	1,2
178	Rạch Rô (2 bờ)	Rạch Rô (Đầu kênh)	Giáp ranh đất Trại giam Cái Tàu	1,3
179	Kênh Đào Trà tuyến 21 - giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Bờ Bắc kênh Đào Trà tuyến 21	Cầu kênh Thủy Lợi	1,3
180	nt	Cầu kênh Thủy Lợi	Hết ranh Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần	1,3
181	nt	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần (Bờ Bắc)	Hết ranh đất nhà ông Thu	1,3
182	nt	Hết ranh đất nhà ông Thu	Hết ranh đất ông Lai Chí Thống	1,2
183	nt	Hàng rào khu công nghiệp Khí - Điện - Đạm, bờ Nam	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	1,3
184	Lộ xe U Minh - Cà Mau (Đoạn từ giáp Nguyễn Phích đến cầu Tắc Thủ)	Ngọn rạch Ông Diễm	Tuyến 23	1,4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
185	Lộ xe U Minh – Cà Mau (Đoạn từ giáp Nguyễn Phích đến cầu Tắc Thủ)	Tuyến 23	Tuyến 21	1,3
186	nt	Tuyến 21	Giáp cống bờ bao lộ Minh Hà (Kéo dài thêm)	1,2
187	nt	Cống bờ bao lộ Minh Hà	Cầu Tắc Thủ	1,3
188	nt	Cống bờ bao lộ Minh Hà	Tuyến T19 (Giáp Trần Văn Thời)	1,2
189	nt	Trạm phân phối khí 2 bên (Theo ống dẫn khí)	Trục lộ xe Cà Mau – U Minh	1,3
190	Bờ Nam kênh xáng Minh Hà (Giáp Trần Văn Thời)	Đầu kênh xáng Minh Hà	Hết ranh đất ông Chín Bảo	1,3
191	nt	Hết ranh đất ông Chín Bảo	Ngọn Rạch Nhum	1,3
192	nt	Ngọn Rạch Nhum	Giáp Trần Văn Thời	1,4
193	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Giáp Trần Văn Thời)	Bờ Tây lộ nhựa (Đầu tuyến 21 cũ)	Đường Võ Văn Kiệt	1,3
194	nt	Đường Võ Văn Kiệt	Cầu kênh xáng Minh Hà	1,3
195	nt	Cầu kênh xáng Minh Hà	Kênh Ranh giáp Trần Văn Thời	1,3
196	nt	Bờ Đông lộ nhựa (Đầu tuyến T21 cũ)	Hết ranh đất ông Kỳ	1,2
197	nt	Từ ranh đất ông Chiên (Hướng Đông)	Kênh Ranh giáp Trần Văn Thời	1,3
198	nt	Ngã ba Vàm Cái Tàu (Lộ lá)	Cầu Tắc Thủ	1,3
199	nt	Cầu Tắc Thủ (Bờ sông Ông Đốc)	Kênh Ranh giáp Trần Văn Thời	1,2
200	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã 3 T21 khu Công nghiệp về phía Đông	Cống 9 Thái	1,2
201	nt	Ngã 3 T21 khu Công nghiệp về phía Tây	Cống 9 Thái	1,5
202	nt	Cống 9 Thái	Kênh Lũy	1,2
203	nt	Kênh Lũy	Giáp ranh đất ông Nguyễn Hồng Kỳ	1,2
204	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Hồng Kỳ	Cầu Khánh An	1,3

	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
205	Bờ Tây Lô 1	Lộ xe Minh Hà	Đường ống dẫn khí	1,4
206	Lô 2 (2 bờ)	Lộ kênh xáng Minh Hà	Trại giam Cái Tàu	1,3
207	Lô 3 (2 bờ)	Lộ kênh xáng Minh Hà + 500m	Trại giam Cái Tàu	1,3
208	Rạch Gián 2 bờ	Đầu Vàm	Hết lô 3	1,3
209	Rạch Nhum Bờ Nam (Tên cũ: Rạch Nhum 2 bờ)	Đầu Vàm	Giáp lộ Minh Hà	1,2
210	Tuyến kênh 29	Đông kênh 93	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	1,4
Khu Tái Định Cư				
211	Đường số 1	Từ đường số 2	Đường số 8	1,2
212	Đường số 1A	Từ đường số 4	Đường số 6	1,3
213	Đường số 2	Từ đường số 1	Đường số 11	1,2
214	Đường số 3	Từ đường số 2	Đường số 8	1,2
215	Đường số 4	Từ đường số 1	Đường số 11	1,2
216	Đường số 5	Từ đường số 2	Đường số 8	1,2
217	Đường số 6	Từ đường số 1	Đường số 11	1,3
218	Đường số 7	Từ đường số 2	Đường số 8	1,2
219	Đường số 8	Từ đường số 1	Đường số 11	1,3
220	Đường số 9	Từ đường số 2	Đường số 8	1,3
221	Đường số 11	Từ đường số 2	Đường số 8	1,2
222	Đường số 11A	Từ đường số 4	Đường số 6	1,2
223	Rạch Giếng (Bờ Nam)	Đầu Rạch	Hết lộ bê tông	1,3
224	Kinh Cây Phú (Bờ Nam)	Kinh xáng Lộ Xe	Hết lộ bê tông	1,3

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,4
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
Các tuyến đường được bổ sung vào Bảng giá đất theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh				
1. Xã Khánh Hòa				
225	Tuyến Lộ Khâu Bào	Ngã tư Kênh Lung Ngang	Giáp ấp 10, xã Khánh Tiến	1,2
226	Kênh Xáng Đứng	Kênh Tuổi Trẻ (bờ Đông)	Giáp kênh Lung Ngang	1,2
227	Tuyến 10 hộ Cái Nước	Kênh Tuổi Trẻ (bờ Đông)	Ngã ba kênh Chử Đình giáp hậu kênh xã Thìn	1,2
228	Kênh Tuổi Trẻ	Kênh Tuổi Trẻ (bờ Đông)	Giáp ranh đất ông Phạm Quốc Lil	1,2
2. Xã Khánh Tiến				
229	Tuyến Kênh Hội (phía Đông) kênh Hội nhỏ	Kênh Hương Mai	Kênh Tuổi trẻ	1,2
230	Kênh Tuổi Trẻ (phía Nam)	Kênh Thống Nhất	Kênh Xáng Ganh	1,2
231	Kênh tuyến II (phía Nam)	Kênh Thống Nhất	Kênh Xáng Ganh	1,2
232	Kênh tuyến III (phía Nam)	Kênh Thống Nhất	Kênh Xáng Ganh	1,3
233	Kênh Xáng Ganh (phía Tây)	Kênh Hương Mai	Kênh Lung Ngang	1,2
234	Đê Biển Tây	Cống Hương Mai	Cống Tiểu Dừa	1,2
3 Xã Khánh Hội				
235	Tuyến Lung Lá - Lung Ranh	Ranh đất nhà ông 8 Thống (Kênh 26/3 bờ Tây)	Đất bà Nguyễn Thị Hà	1,3
4. Xã Khánh An				
236	Tuyến lộ T23	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Vùng Đệm Vườn Quốc Gia	1,2

4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Khánh Bình Tây Bắc				
1	Tuyến bờ Đông kênh xáng Giữa	Ngã tư Ba Tinh (Đất ông Lê Văn Cang)	Đường ống dẫn khí PM3	1,2
2	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chót	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thắng	1,0
3	nt	Ranh đất bà Sử Thị Hòa	Hết ranh đất ông Trương Văn Oai	1,2
4	nt	Ranh đất ông Lương Minh Tuấn	Hết ranh đất ông Huỳnh Thanh Bình	1,2
5	nt	Ranh đất bà Nguyễn Thị Rót	Hết ranh đất ông Huỳnh Thượng Hải	1,2
6	Tuyến bờ Tây kênh xáng Giữa	UBND xã	Đường ống dẫn khí PM3	1,3
7	nt	Ranh đất bà Châu Thị Mận	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1,0
8	Tuyến bờ Bắc kênh Ba Tinh	Ranh đất ông Phan Viết Thanh	Hết ranh đất ông Võ Tấn Biết	1,2
9	nt	Ranh đất ông Huỳnh Tấn Phiêu	Hết ranh Trường Tiểu học 1	1,0
10	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quang	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Xiếu	1,2
11	Tuyến bờ Nam kênh Ba Tinh	Ranh đất ông Lê Văn Vinh	Đầu Kênh 16	1,2
12	nt	Đầu kênh 16	Đầu kênh Tạm Cấp	1,2
13	nt	Đầu kênh Tạm Cấp	Hết ranh đất ông Lê Văn Phát	1,2
14	nt	Ranh đất ông Đỗ Hữu Lộc	Hết ranh đất Trường THCS	1,2
15	Tuyến bờ Đông kênh Tạm Cấp	Đường ống PM3	Hết ranh đất ông Trương Văn Chính	1,2
16	Tuyến bờ Tây kênh Tạm Cấp	Đường ống PM3	Hết ranh đất ông Trương Văn Hùm	1,2
17	Tuyến bờ Đông kênh 30	Đường ống PM3	Hết ranh đất bà Nguyễn Thanh Ngân	1,2
18	Tuyến bờ Tây kênh 30	Đường ống PM3	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang	1,2
19	nt	Ranh đất ông Trần Văn Rờ (Nguyễn Thị Thủy)	Hết ranh đất ông Dương Văn Trục	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
20	Tuyến bờ Đông kênh 16	Ranh đất ông Trần Văn Tuấn	Hết ranh đất ông Bùi Văn Luông	1,2
21	nt	Hết ranh đất ông Bùi Văn Luông	Hết ranh đất ông Phạm Văn Minh	1,2
22	Tuyến bờ Tây kênh 16	Trạm Tiếp bờ PM3	Hết ranh đất ông Mai Văn Thắng	1,2
23	nt	Trạm Tiếp bờ PM3	Hết ranh đất ông Trần Văn Phước	1,2
24	nt	Hết ranh đất ông Trần Văn Phước	Hết ranh đất ông Bùi Văn Ri	1,2
25	Tuyến bờ Đông kênh Xóm Hué	Ranh đất ông Huỳnh Xuân Tới	Hết ranh đất ông Lý Văn Tuấn	1,2
26	Tuyến bờ Tây kênh Xóm Hué	Ranh đất bà Lê Thị Bút	Hết ranh đất ông Ngô Văn Đèo	1,2
27	Tuyến bờ Bắc kênh Sào Lưới	Ranh đất ông Nguyễn Quốc Tiến	Hết ranh đất ông Võ Văn Chiến	1,2
28	nt	Ranh đất ông Võ Văn Hoàng	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Học	1,2
29	Tuyến bờ Nam kênh Sào Lưới	Ranh đất Nguyễn Văn Hai	Hết ranh đất ông Hồng Đông Châu (Giáp đê Trung ương)	1,0
30	Tuyến bờ Tây kênh 84	Ngã ba tuyến 21- 84	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1,2
31	Tuyến bờ Tây kênh Dón	Ngã ba tuyến 21 - kênh Dón	Hết ranh đất bà Phạm Thị Lúa (Ngã 3 kênh Mười Lưom)	1,2
32	nt	Ranh đất ông Dương Thành Nguyên	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1,2
33	Tuyến bờ Đông kênh 88	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đém	Ranh đất Trường THCS Lâm Ngư Trường	1,2
34	nt	Trường THCS Lâm Ngư Trường	Ngã tư tuyến 88 - 21	1,2
35	Tuyến bờ Tây kênh 88	Đường ống PM3	Hết ranh đất bà Đỗ Thị Hiền	1,2
36	nt	Đường ống PM3	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Thịnh	1,2
37	nt	Ranh đất ông Cao Hoàng Giao	Ngã tư tuyến 88 - 25	1,2
38	Tuyến bờ Bắc kênh tuyến 21 (PM3)	Ranh đất ông Lê Văn Hiền	Trạm tiếp bờ PM3	1,2
39	Tuyến bờ Đông kênh bờ Bao (Phía trong Đê quốc phòng)	Ranh xã Khánh Bình Tây	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Nam	1,2

	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
40	Tuyến bờ Đông kênh bờ Bao (Phía trong Đê quốc phòng)	Ranh đất ông Nguyễn Thành Nam	Ranh xã Khánh Hội, huyện U Minh	1,2
41	Tuyến bờ Tây kênh 85	Ranh đất ông Phạm Công Uẩn	Hết ranh đất ông Lê Tấn Lợi	1,2
42	Tuyến Bờ Tây kênh 87	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bình	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Kiệt	1,2
43	Tuyến bờ Đông kênh Đào	Ranh đất ông Phạm Văn Cân	Hết ranh đất bà Lê Ngọc Biết	1,2
44	Tuyến bờ đông kênh Cùg	Ranh đất bà Trương Thị Út	Hết ranh đất ông Dương Văn Minh	1,2
45	Tuyến bờ tây kênh Cùg	Ranh đất bà Trương Thị Bé	Hết rang đất ông Nguyễn Thanh Tùng	1,2
46	Tuyến bờ Tây kênh Tạm Cấp	Ranh đất ông Tôn Văn Đe	Hết ranh đất ông Tạ Minh Quang	1,2
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				1,2
2. Xã Khánh Bình				
47	Lộ ô tô về Trung tâm xã Khánh Bình Đông (Bờ Đông)	Ranh đất ông Trần Văn Quang (Giáp xã Khánh Bình Đông)	Ngã ba Bảy Triệu (Hết ranh đất ông Châu Văn Nam)	1,2
48	nt	Ranh đất ông Châu Văn Nam	Vàm Rạch Cui (Ranh Trường tiểu học)	1,2
49	nt	Ngã ba Bảy Triệu	Vàm Rạch Cui (Hết ranh đất ông La Văn Sạn)	1,2
50	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Giáp huyện U Minh	Cống kênh Hội (Ranh đất ông Lê Tấn Lợi)	1,2
51	nt	Cống Kênh Hội	Cống Đường Ranh (Hết ranh đất ông Võ Thanh Hải)	1,2
52	nt	Cống Đường Ranh	Cống Chồn Gầm	1,2
53	nt	Cống Chồn Gầm	Tượng đài Liệt Sĩ	1,2
54	nt	Tượng đài Liệt Sĩ	Cống Rạch Bào (Hết ranh đất ông Nguyễn Quốc Việt)	1,2
55	nt	Cống Rạch Bào (Đất ông Nguyễn Văn Thám)	Vàm Ông Bích	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
56	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Vàm Ông Bích (Đất ông Nguyễn Văn Sơn)	Vàm Cả Giữa (Hết ranh đất Ký Văn Hoàng)	1,2
57	nt	Vàm Cả Giữa (Đất ông Dương Văn Chiến)	Vàm ông Kiệt (Ranh đất bà Lý Thị Hoa)	1,2
58	nt	Vàm ông Kiệt (Đất ông Nguyễn Văn Đức)	Kênh Giữa (Hết ranh đất bà Lê Thị Mãnh)	1,2
59	nt	Kênh Giữa (Hết ranh đất ông Hồ Văn Trọng)	Vàm Rạch Cui (Ranh đất ông La Văn Sạn)	1,2
60	nt	Vàm Rạch Cui (Đất Trường tiểu học)	Giáp xã Khánh Bình Đông (Hết ranh đất ông Trương Văn Vinh)	1,2
61	nt	Ranh đất ông Ký Văn Tâm (Đi vào kênh Cả Giữa)	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Út	1,2
62	nt	Ranh đất bà Ký Thị Huy (Hướng Đông)	Hết ranh đất ông Ký Văn Nhi	1,2
63	nt	Trường Tiểu học Vàm Ông Bích	Hết ranh đất ông Phạm Văn Túc	1,2
64	nt	Kênh Cựa Gà (Ông Bích)	Hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Rô	1,2
65	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hận (Vào Kênh Chồn Gầm)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hưng	1,2
66	nt	Ranh đất Lê Văn Phường (Vào kênh Chồn Gầm)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thông	1,2
67	nt	Ranh đất ông Dương Văn Hữu (Đường Ranh)	Hết ranh đất ông Du Văn Trung	1,2
68	nt	Ranh đất bà Võ Thị Thuởng (Đường Ranh)	Hết ranh đất ông Nguyễn Trung Tân	1,2
69	nt	Cống Kênh Hội (Bờ Nam, trở vào kênh Hội)	Hết ranh đất ông Nguyễn Hoàng Thao	1,2
70	nt	Cống Kênh Hội (Bờ Bắc, trở vào kênh Hội)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Tý	1,2
71	nt	Cống Kênh Ranh trở vào	Hết ranh đất ông Phạm Văn Át	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
72	Lộ Tác Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Giáp huyện U Minh	Cống Kênh Hội (Ngoài đê)	1,2
73	nt	Cống Kênh Hội (Ngoài đê)	Hết ranh đất ông Lý Văn Bánh	1,2
74	nt	Hết ranh đất ông Lý Văn Bánh	Cống Đường Ranh (Hết ranh đất ông Dur Văn Chiến)	1,2
75	nt	Cống Đường Ranh	Cống Chồn Gầm	1,2
76	nt	Đất Trường cấp II	Vàm Rạch Bào	1,2
77	nt	Vàm Rạch Bào	Vàm Ông Bích	1,2
78	nt	Vàm Ông Bích	Vàm Cả Giữa (Hết ranh đất Nguyễn Văn Sơn)	1,2
79	nt	Vàm Cả Giữa	Vàm ông Kiệt (Hết ranh đất bà Lý Thị Hoa)	1,2
80	nt	Vàm ông Kiệt	Vàm Rạch Cui (Hết ranh đất ông Trịnh Hoàng Na)	1,2
81	nt	Vàm Rạch Cui	Giáp xã Khánh Bình Đông (Hết ranh đất ông Võ Văn Đượ)	1,2
82	nt	Vàm Rạch Cui (Hướng Nam)	Sông Ông Đốc (2 bờ)	1,2
83	nt	Cống Cả Giữa (Hướng Nam) 2 bờ	Sông Ông Đốc	1,2
84	nt	Ranh đất bà Nguyễn Kim Loan (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Lý Văn Út	1,2
85	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hình (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Trần Văn Sự	1,2
86	nt	Cống Chồn Gầm	Sông Ông Đốc (02 bờ)	1,2
87	nt	Cống Đường Ranh (02 bờ)	Sông Ông Đốc	1,2
88	nt	Công Kênh Hội (02 bờ)	Sông Ông Đốc	1,2
89	nt	Cống Kênh Ranh	Sông Ông Đốc	1,2
90	Kênh Cựa Gà (Áp 19/5)	Ranh đất ông Lê Văn Tâm	Hết ranh đất bà Nguyễn Lệ Thủy	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
91	Kênh Chôm Gầm (Áp 19/5)	Ranh đất bà Lê Thị Cẩm	Hết ranh đất bà Dư Thị Mỹ Quyết	1,2
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				1,2
3. Xã Khánh Bình Đông				
92	Lộ Ô tô về trung tâm xã	Đất bà Lê Thị Liên (Giáp xã Khánh Bình)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sanh	1,2
93	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sanh	Ngã tư phố Rạch Cui (Hết ranh đất ông Lê Hoàng Thạch)	1,2
94	nt	Đất UBND xã	Hết ranh đất ông Lê Văn Cẩm	1,2
95	nt	Ranh đất ông Lê Văn Cẩm (Bờ Nam Kênh Dân Quân)	Hết ranh đất Dương Hoàng Nhân	1,2
96	nt	Ranh đất ông Dương Hoàng Nhân	Hết ranh đất ông Lý Văn Huệ (Bờ Nam)	1,2
97	Lộ Ô tô về Trung tâm xã (Bờ Đông - Bắc)	Hết ranh đất ông Đặng Trung Lưu (Giáp xã Khánh Bình)	Hết ranh đất ông Mai Văn Nga (Bờ Bắc)	1,2
98	nt	Hết ranh đất ông Mai Văn Nga (Bờ Bắc)	Ngã tư phố Rạch Cui (Hết ranh đất ông Lê Văn Diệp)	1,2
99	nt	Ngã tư phố Rạch Cui (Ranh đất ông Huỳnh Văn Nhỏ)	Hết ranh đất bà Lê Thị Quyên	1,2
100	Trung tâm xã	UBND xã về hướng kênh Tạm Cấp (Bờ Tây, ranh đất ông Huỳnh Văn Nhỏ)	Hết ranh đất bà Lê Hồng Sáu	1,2
101	nt	UBND xã về hướng kênh Tạm Cấp (Bờ Đông, ranh đất ông Trần Văn Tài)	Hết ranh đất ông Trần Văn Tấn	1,2
102	nt	Đầu kênh Xóm Nhà Ngói (Bờ Tây, Chùa Rạch Cui)	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Sáu	1,2
103	nt	Đầu kênh Xóm Nhà Ngói (Bờ Đông, ranh đất ông Lê Hoàng Thạch)	Hết ranh đất ông Lê Văn Ân	1,2
104	nt	UBND xã về hướng ngã ba Tám Chánh (Bờ Đông, Chùa Rạch Cui)	Hết ranh đất ông Đặng Tấn Phát	1,2

STT	Đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
105	Trung tâm xã	UBND xã về hướng ngã ba Tám Chánh (Bờ Tây, đất bà Đặng Thị Vàng)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thương	1,2
106	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Đất ông Trương Văn Khỏe (Giáp ranh xã Khánh Bình)	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Lắm (Vàm Tham Trơi)	1,2
107	nt	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Lắm	Giáp ranh thị trấn Trần Văn Thời (Trong đê)	1,2
108	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Đập Mương Cùi)	Ranh đất bà Lê Thị Bé và ông Trần Quốc Đảo	Hết ranh đất ông Đặng Văn Út và ông Mai Văn Kinh	1,2
109	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Đập Lung Bạ)	Ranh đất ông Ngô Khánh Lâm và Nhà văn hóa ấp Lung Bạ	Hết ranh đất ông Lai Văn Chiến và ông Nguyễn Văn Lý	1,2
110	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Đập Rạch Nhum)	Đất ông Nguyễn Hoàng Đò (Bờ Đông kênh Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Nguyễn Hoàng Thế	1,2
111	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Kênh Tham Trơi)	Ranh đất ông Nguyễn Sinh Cung (Bờ Tây kênh Tham Trơi)	Hết ranh đất bà Trần Thị Hà	1,2
112	nt	Hết ranh đất bà Trần Thị Hà	Hết ranh đất bà Hồ Thị Chon	1,2
113	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Kênh Tham Trơi, Bờ Đông)	Đất ông Lê Minh Dân (Bờ Đông kênh Tham Trơi)	Hết ranh đất bà Mạc Thị Góp	1,2
114	nt	Ranh đất ông Trần Thanh Phong	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thấy	1,2
115	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Kênh Gạch Nhum)	Ranh đất bà Nguyễn Thị Lờ (Bờ Đông kênh Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Nguyễn Hoàng Đò	1,2
116	nt	Đất Trụ sở văn hóa ấp Rạch Nhum	Hết ranh đất ông Trần Văn Tiên	1,2
117	nt	Đất ông Kiều Văn Phú (Bờ Tây Ngọn Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Trần Văn Giàu	1,2
118	nt	Ranh đất ông Trần Văn Giàu (Bờ Tây Ngọn Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Trần Văn So	1,2
119	nt	Đất ông Trần Văn Lén (Bờ Đông Ngọn Rạch Nhum)	Hết ranh đất ông Lê Văn Ân	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
120	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê, Kênh Gạch Nhum)	Ranh đất ông Kiều Văn Phú (Bờ Bắc kênh Bà Kẹo)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cung	1,2
121	nt	Đất ông Quách Văn Nhơn (Bờ Nam kênh Bà Kẹo)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Út	1,2
122	nt	Đầu kênh Bà Kẹo (Bờ Tây kênh Rạch Nhum)	Hết ranh đất Trụ sở văn hóa ấp Rạch Nhum (Đầu kênh Bến Mã)	1,2
123	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Ngoài đê)	Ranh đất ông Lê Văn Vui (Ngoài đê)	Hết ranh đất ông Huỳnh Trung Vũ	1,2
124	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Trung Vũ	Giáp ranh thị trấn Trần Văn Thời (Ngoài đê)	1,2
125	Ngã ba Tám Chánh	Đất ông Võ Duy Nghi (Bờ Đông kênh Tám Chánh)	Hết ranh đất bà Mạc Thị Góp	1,2
126	nt	Đất ông Võ Văn Luận, hướng về đường Cuốc (Bờ Tây kênh Tám Chánh)	Hết ranh đất ông Cao Văn Phàn	1,2
127	nt	Hết ranh đất ông Trần Văn Tân (Bờ Đông kênh Tám Chánh)	Hết ranh đất ông Trần Văn Hương	1,2
128	nt	Hết ranh đất ông Võ Duy Nghi (Bờ Tây kênh Đường Cuốc)	Hết ranh đất ông Thái Trung Kiên	1,2
129	nt	Đất ông Nguyễn Tấn Tài	Hết ranh đất ông Trần Văn Tân	1,2
130	nt	Đất ông Từ Văn Vĩnh (Bờ Tây kênh Tám Chánh)	Ranh đất ông Nguyễn Văn Thượng	1,2
131	nt	Đất ông Nguyễn Văn Ngươn	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trảng	1,2
132	nt	Trụ sở sinh hoạt văn hóa ấp 4 (Bờ Bắc)	Hết ranh đất ông Lê Văn Quý	1,2
133	nt	Đất ông Trần Văn Phên (Bờ Nam)	Hết ranh đất bà Đoàn Thị Thứ	1,2
134	nt	Đất Trường Tiểu học 3	Hết ranh đất ông Trần Văn Quân	1,2
135	Xã Khánh Tây cũ	Đất bà Trần Thị Định (Bờ Tây, về hướng kênh Sole)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Du (Giáp xã Trần Hợi)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
136	Xã Khánh Tây cũ	Đất Trường cấp I (Bờ Đông, về hướng kênh Sole)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Gạo	1,2
137	nt	Đất ông Tiêu Văn Phong (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Trần Văn Thôn	1,2
138	nt	Đất ông Trần Thành	Giáp ranh xã Khánh Bình	1,2
139	nt	Đất Nghĩa trang cũ (Về hướng ngã 3 Lò Đường)	Hết ranh đất ông Lê Văn Bé	1,2
140	nt	Ranh đất bà Trần Thị Định (Bờ Tây kênh Dân Quân)	Hết ranh đất ông Quách Kim (Đầu kênh Công nghiệp)	1,2
141	nt	Đất ông Trần Thanh Phong	Hết ranh đất ông Đặng Văn Tông	1,2
142	Ngã tư Sole	Ranh đất ông Trần Văn Út (về hướng Khánh Tây cũ)	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung	1,2
143	nt	Đất ông Trần Văn Út (Về hướng Tám Chánh)	Hết ranh đất ông Lê Văn Quý	1,2
144	Ngã ba Lò Đường	Ranh đất ông Bùi Văn Đục	Hết ranh đất Ủy ban nhân dân xã quản lý	1,2
145	Ngã Tư Sole	Ranh đất ông Nguyễn Văn Du (Bờ Đông kinh 1/5)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Quang (Giáp kênh xáng Vò Dơi)	1,2
146	nt	Trụ sở sinh hoạt ấp Minh Hà A (Bờ Tây Kinh 1/5)	Hết ranh đất ông Đinh Văn Mẫn (Giáp kênh xáng Vò Dơi)	1,2
147	Nông trường cũ	Nông trường cũ (Ngã ba Minh Hà)	Hết ranh đất Trường Tiểu học IV	1,2
148	Kênh Kiểm Lâm	Ranh đất ông Hồng Thanh Tâm	Hết ranh Nông Trường Bộ	1,2
149	Kênh Cơi Tư 14	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Khôn	Hết ranh đất ông Trịnh Thái Sơn (Mên)	1,2
150	Kênh Già Đông	Ranh đất trường tiểu học 3	Hết ranh đất bà Dương Hồng Uyển	1,2
151	Kênh Tăng Mốc (Bờ Đông)	Ranh đất ông Trần Tứ	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nguyễn	1,2
152	Kênh Tăng Mốc (Bờ Tây)	Ranh đất ông Lê Minh Lý	Hết ranh đất bà Danh Thị Án	1,2
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
4. Xã Trần Hợi				
153	UBND xã - kênh Cũ	Ngã tư UBND xã (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Điền	1,2
154	nt	Ranh đất ông Phạm Văn Điền	Ngã ba kênh Chùa hết đất ông Tiến	1,2
155	nt	Ngã tư UBND xã (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Điện	1,2
156	nt	Ranh đất ông Phạm Văn Điện	Hết ranh đất Trường Trung học Trần Hợi I	1,2
157	nt	Ranh đất Trường Trung học Trần Hợi I	Giáp thị trấn Trần Văn Thời	1,2
158	UBND xã - Sole	Ngã tư UBND xã bờ Nam (Hướng Đông)	Hết ranh đất Trường tiểu học Trần Hợi 3	1,2
159	nt	Hết ranh đất Trường tiểu học Trần Hợi 3	Hết ranh đất ông Lâm Văn Há	1,2
160	nt	Ngã tư UBND xã bờ Bắc (Hướng Đông)	Hết ranh đất bà Đặng Thị Gương	1,2
161	nt	Hết ranh đất bà Đặng Thị Gương	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lèo	1,2
162	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lèo	Giáp xã Khánh Bình Đông	1,2
163	nt	Hết ranh đất ông Lâm Văn Há	Hết ranh đất ông Trần Thanh Toàn	1,2
164	nt	Hết ranh đất ông Trần Thanh Toàn	Ngã tư Sole	1,2
165	UBND xã - Kênh Đứng	Ngã tư UBND xã bờ Nam (Hướng Tây)	Hết ranh đất ông Duy Ngọc Lâm	1,2
166	nt	Hết ranh đất ông Duy Ngọc Lâm	Hết ranh đất ông Bùi Văn Tài	1,2
167	nt	Ngã tư UBND xã bờ Bắc (Hướng Tây)	Hết ranh đất Trần Xuân Vũ	1,2
168	nt	Hết ranh đất Trần Xuân Vũ	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cam	1,2
169	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cam	Cầu kênh Đứng	1,2
170	Cầu kênh Đứng - Co Xáng	Cầu kênh Đứng (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Tươi	1,2
171	nt	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Tươi	Hết ranh đất ông Huỳnh Tấn Ngọc	1,2
172	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Tấn Ngọc	Hết ranh đất ông Phạm Thanh Bình	1,2
173	nt	Hết ranh đất ông Phạm Thanh Bình	Cầu Co Xáng	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)	
174	Cầu Kênh Đứng - Co Xáng	Cầu Co Xáng	Cầu về Vô Dơi	1,2
175	nt	Khu thực nghiệm (Hướng Đông)	Công T19	1,2
176	nt	Ranh đất bà Trần Thị Sa	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tri	1,2
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				1,2
5. Xã Khánh Bình Tây				
177	UBND xã Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Đông)	Trụ sở UBND xã	Hết ranh đất ông Năm Thạnh	1,2
178	nt	Hết ranh đất ông Năm Thạnh	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Đông)	1,2
179	UBND xã Khánh Bình Tây - Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Tây)	Ranh Trường Tiểu học A	Hết ranh đất bà Út Em	1,0
180	nt	Ranh đất ông Hai Ngọc	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây Bắc (Bờ Tây)	1,2
181	Tuyến Coi 5 - Hòn Đá Bạc	Cầu Coi 5	Cầu Kênh Đứng (nhà ông Hoà Lợi)	1,2
182	nt	Trụ sở UBND xã	Cầu Kênh Đứng (nhà ông Hoà Lợi)	1,2
183	nt	Hết ranh Trường Tiểu học A	Đầu kênh Cựa Gà Bảy Báo	1,0
184	nt	Hết ranh đất ông Trần Văn Sai	Kênh Cựa Gà Bảy Báo (Hết ranh đất bà Sáu Chuông)	1,2
185	nt	Ranh đất ông Huỳnh Việt Hùng	Hết ranh đất ông Trần Văn Sai	1,2
186	Kênh Coi 5 - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam)	Đầu Kênh Coi 5	Đầu kênh Tám Kệnh	1,2
187	nt	Đầu kênh Tám Kệnh	Cầu Kênh Đứng (nhà ông Tư Gương)	1,0
188	nt	Cầu Kênh Đứng	Cầu Kênh Ngang (Phía lộ nhựa)	1,0
189	nt	Cầu Kênh Ngang	Ranh đất ông Mã Khánh Lũy (phía dưới sông)	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
190	Kênh Cơi 5 - Hòn Đá Bạc (Bờ Nam)	Ranh đất ông Mã Khánh Lũy (phía dưới sông)	Hết ranh đất ông Lê Tấn Đạt	1,0
191	nt	Ranh đất ông Lê Tấn Đạt	Hết ranh đất ông Phạm Văn Xuyên	1,2
192	nt	Ranh đất ông Phạm Văn Xuyên	Hết ranh đất bà Mười Thị	1,2
193	nt	Ranh đất ông Trần Minh Hoàng	Nhà Tư Gương (Cầu Kênh Đứng)	1,0
194	Tuyến lộ Kênh Cơi 5 - UBND xã Khánh Bình Tây	Ranh đất ông Lâm Minh Lý	Cầu Tư Gương	1,2
195	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Đông)	Cầu nhà ông Trần Minh Hoàng	Hết ranh đất ông Lê Văn Quý	1,2
196	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Tây)	Nhà máy chà ông Lũy	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Diệp	1,2
197	Tuyến kênh cựa gà 402 (Bờ Tây)	Cầu Nông Trường	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây Bắc	1,2
198	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Tây)	Ranh đất ông Phạm Hải Đăng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thom	1,0
199	Kênh Cơi 4	Cầu Cơi 4	Hết ranh đất ông Út On	1,2
200	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Nam	Lô 20N	1,0
201	nt	Bờ Nam	Lô 20K	1,0
202	nt	Bờ Nam	Lô 22A	1,0
203	nt	Bờ Nam	Lô 20L	1,0
204	nt	Bờ Nam	Lô 20M	1,0
205	nt	Bờ Nam	Lô 20 F	1,0
206	nt	Bờ Nam	Lô 20E	1,0
207	nt	Bờ Nam	Lô 23C	1,0
208	nt	Bờ Nam	Lô 23D	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
209	Khu dân cư Hòn Đá Bạc	Bờ Bắc	Lô 20D	1,0
210	nt	Bờ Bắc	Lô 22L	1,0
211	nt	Bờ Bắc	Lô 20B	1,0
212	nt	Bờ Bắc	Lô 23A	1,0
213	nt	Bờ Bắc	Lô 20A	1,0
214	nt	Bờ Bắc	Lô 22M	1,0
215	nt	Bờ Bắc	Lô 20N	1,2
216	nt	Bờ Bắc	Lô 23B	1,2
217	nt	Bờ Bắc	Lô 22N	1,2
218	Kênh Tám Khện	Kênh Tám Khện (Bờ Đông)	Giáp ranh xã Khánh Hưng	1,2
219	nt	Kênh Tám Khện (Bờ Tây)	Giáp ranh xã Khánh Hưng	1,2
220	Tuyến trong đê Quốc Phòng	Cống kênh Mới	Hết ranh đất ông Lê Minh Hùng	1,2
221	nt	Đất bà Trần Thị Tám	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Mừng	1,2
222	Kênh Cơi 6A + Cơi 6B	Từ cầu Co Xáng	Hết ranh đất Nhà ông Kiệt (Nông trường 402)	1,2
223	Tuyến đầu Kênh Cơi 5	Cầu Cơi 5	Cầu Cơi 4	1,2
224	nt	Cầu Cơi 5	Cầu Cơi 6	1,2
225	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Đông)	Ranh đất ông Lê Văn Quý	Hết ranh đất ông Nguyễn Bình An	1,2
226	Tuyến kênh Tám	Cầu Đê Biển Tây (Nhà ông Việt)	Hết ranh đất ông Nghiệu	1,2
227	Tuyến kênh Thống Nhất áp Thời Hưng	Ranh đất ông Nghiệu	Hết ranh đất ông Trường	1,2
228	Tuyến kênh Mới	Ranh đất ông Minh	Cống kênh Mới Đê Biển Tây	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
229	Tuyến UBND Khánh Bình Tây - xã Khánh Hải (Bờ Tây)	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đáng (Tên cũ: Ranh đất ông Đáng)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dũng	1,4
230	Tuyến kênh Tám	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hoa	Hết ranh đất Phạm Trung Kiên	1,2
231	Tuyến kênh Cựa Gà áp Đá Bạc B (Bờ Đông)	Ranh đất ông Phạm Chí Tâm	Giáp xã Khánh Bình Tây Bắc	1,4
232	Tuyến kênh Cựa Gà áp Đá Bạc B (Bờ Tây)	Ranh đất ông Đặng Văn Hùng	Giáp xã Khánh Bình Tây Bắc (Nhà ông Trung) (2 bên)	1,4
233	Tuyến kênh Cựa Gà áp Đá Bạc B	Đất bà Đoàn Kim Chuông (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Nho	1,4
234	Tuyến kênh Ông Lão	Đất ông Nguyễn Văn Chênh	Hết ranh đất ông Lý Hồng Ân	1,2
235	Tuyến kênh Tám	Đất ông Đoàn Văn Yên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nhiệm	1,2
236	nt	Đất ông Trương Văn Đứng	Hết ranh đất bà Trương Thị Nhật	1,2
237	nt	Đất ông Lê Văn Ty	Hết ranh đất trụ sở ấp Thời Hưng	1,2
238	Tuyến kênh Công Điền	Đất ông Phạm Văn Đạt (Bờ Tây)	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
239	Tuyến kênh Hậu	Đất ông Lê Văn O	Hết ranh đất bà Trần Thị Tuyết	1,2
240	Tuyến kênh Hai Quờn	Từ ranh đất bà Lê Thị Thom	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng	1,2
241	Tuyến kênh Thống Nhất áp Thới Hưng	Từ ranh đất ông Trần Văn Cánh	Hết ranh đất ông Trần Văn Hùng	1,2
242	Kênh Cơi 4	Từ ranh đất bà Huỳnh Thị Hoa	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Đào	1,2
243	Tuyến lộ mới mở Khánh Bình Tây đi xã Khánh Bình Tây Bắc	Từ nhà ông Nguyễn Thành Nhân	Hết phần đất ông Mai Thanh Bạch	1,2
244	Tuyến lộ cứu nạn, cứu hộ đi Hòn Đá Bạc	Từ đất ông Phạm Toàn thắng áp Đá Bạc	Hết đất ông Trần Văn Sai áp Kinh Hòn Bắc	1,2
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6. Xã Khánh Lộc				
245	Tuyến lộ nhựa Sông Đốc - thị trấn Trần Văn Thời	Cầu Rạch Ruộng A (Hướng Đông)	Hết ranh đất ông Tư Hùng	1,3
246	nt	Hết ranh đất ông Tư Hùng	Giáp thị trấn Trần Văn Thời	1,2
247	nt	Cầu Rạch Ruộng (Hướng Tây)	Đầu cống Suối Mênh (Nhập tuyến)	1,2
248	nt	Đầu cống Suối Mênh	Giáp xã Khánh Hưng	1,0
249	Tuyến vào kênh 6 Thước Lớn	Đầu cống kênh Sáu Thước Lớn (Bờ Tây)	Hết ranh đất Trường tiểu học 2 (Điểm Sáu Thước)	1,0
250	nt	Hết ranh đất Trường tiểu học 2 (Điểm Sáu Thước)	Hết ranh đất ông Đỗ Văn Thiện	1,0
251	nt	Đầu cống kênh Sáu Thước Lớn (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Hồ Văn Thu	1,2
252	Tuyến vào Rạch Ruộng A	Ranh đất bà Út Quý (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Phan Văn Hùm	1,0
253	nt	Hết ranh đất ông Phan Văn Hùm	Hết ranh đất ông Tám Tài	1,0
254	nt	Ranh đất bà Nhiển (Bờ Đông)	Hết ranh đất Chùa Nhãn Hòa	1,2
255	nt	Hết ranh đất Chùa Nhãn Hòa	Hết ranh đất ông Sáu Mum	1,2
256	nt	Ranh đất ông Kiên	Hết ranh đất bà Sáu Nhỏ	1,0
257	Tuyến lộ vào ấp Độc Lập	Ranh đất ông Út Miên (Bờ Đông)	Giáp kênh Vườn Giữa	1,0
258	nt	Ranh đất ông Dân (Bờ Tây)	Giáp Kênh Ngang	1,0
259	Tuyến lộ vào kênh Cống Đá	Ngã ba Cống Đá (Trạm y tế) bờ Đông	Hết ranh đất ông Út Kiệt	1,0
260	nt	Ngã ba Cống Đá (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cường	1,0
261	Tuyến vào kênh Trảng Cò	Đầu vàm Trảng Cò (Bờ Tây)	Cuối kênh Trảng Cò hết đất ông Mãi	1,2
262	nt	Đầu vàm Trảng Cò (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Trần Văn Khởi	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
263	Tuyến dọc theo kênh Số 2	Đầu kênh Suối Mênh (Dọc theo kênh số 2) bờ Tây	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Út	1,0
264	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Út	Hết ranh đất ông Hai Mẹo	1,0
265	nt	Đầu kênh Suối Mênh (Dọc theo kênh số 2) bờ Đông	Hết ranh đất ông Hoàng	1,0
266	Tuyến dọc theo kênh Số 2	Đầu cống kênh Tư (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Tám Thê	1,2
267	Tuyến dọc theo kênh Tư	Đầu cống kênh Tư (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Tư Minh	1,0
268	Tuyến kênh Mới	Ranh đất ông Trần Văn Dây	Cuối kênh Mới	1,0
269	Kênh Đòn Dong	Trường Tiểu học 2	Cuối kênh Đòn Dong	1,0
270	Tuyến kênh Cây Ôi	Ranh đất ông Huỳnh (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Tám Em	1,0
271	nt	Hết ranh đất ông Kiệt (Bờ Đông)	Hết ranh đất bà Phụng	1,2
272	Kênh Ngang	Ranh đất ông Ba Phiên	Hết ranh Nghĩa trang Ba Cô	1,0
273	nt	Ranh đất ông Tám Định	Hết ranh đất ông Hiệp	1,2
274	Tuyến kênh Sáu Thước Cùn	Từ ranh đất ông Cao Văn Phong	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thúc	1,2
275	Tuyến kênh Bảy Xăng	Từ ranh đất ông Dương Quang Tuấn (Bờ Nam)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đồi	1,0
276	Tuyến kênh số 2	Từ ranh đất ông Huỳnh Văn Cường (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Lạc	1,0
277	Tuyến kênh 5 Danh	Từ ranh đất ông Dương Quang Chiến	Hết ranh đất ông Bùi Văn Bình	1,0
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				1,0
7. Xã Khánh Hưng				
278	Trung tâm xã	Ngã ba Nhà Máy, hướng Nam (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Lê Trung Tính	1,2
279	nt	Ranh đất ông Lê Trung Tính	Hết ranh đất ông Lê Văn Đoàn	1,2
280	nt	Từ đầu cầu bên chợ (Hướng Tây)	Hết ranh đất trường THPT	1,2

STT	Đường, tuyến-lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
281	Trung tâm xã	Hết ranh đất trường THPT	Hết ranh đất ông Phạm Hùng Văn	1,2
282	nt	Ranh đất ông Phạm Hùng Văn	Đầu kênh Dân Quân	1,2
283	nt	Đầu kênh Dân Quân	Giáp xã Khánh Hải	1,2
284	nt	Hết ranh đất ông Trần Thị Định	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Tùng	1,2
285	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Tùng	Đầu kênh Dân Quân	1,2
286	nt	Đầu kênh Dân Quân	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
287	nt	Đầu cầu bên chợ (Hướng Đông)	Hết ranh đất ông Lê Văn Quới	1,2
288	nt	Trạm y tế xã (Hướng Đông)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Đường	1,2
289	nt	Đầu kênh Quang Sơn	Ngã tư Miếu Ông Tà (Bờ Đông)	1,2
290	nt	Đầu kênh Quang Sơn	Ngã tư miếu Ông Tà (Bờ Tây)	1,2
291	Ngã ba Kênh Đứng	Đầu Kênh Đứng (Hướng Tây)	Hết ranh đất ông Lê Văn Quới	1,2
292	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bàu (Bình Minh II)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Đường	1,2
293	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bàu	Hết ranh đất ông Trần Văn Bé	1,2
294	nt	Hết ranh đất ông Trần Văn Bé	Giáp ranh xã Trần Hợi	1,2
295	nt	Ngã ba Kênh Đứng (Hướng Bắc)	Coi 3	1,2
296	nt	Đầu kênh Cơi Nhì bờ Nam	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
297	nt	Đầu kênh Cơi Nhì bờ Bắc	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
298	nt	Đầu kênh Cơi 3 bờ Nam	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1,2
299	nt	Đầu kênh Cơi 3 bờ Bắc	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1,2
300	nt	Đầu kênh Cơi Tư (Bờ Nam)	Giáp ranh xã Khánh Bình Tây	1,2
301	Lộ dọc kênh Công Nghiệp (Bờ Đông)	Đầu cầu Công Nghiệp (Bờ Đông hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dinh	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
302	Lộ dọc kênh Công Nghiệp (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dinh	Hết ranh đất ông Võ Văn Thạnh (Võ Văn Thạch)	1,2
303	nt	Cầu chữ Y (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Võ Văn Thạnh (Võ Văn Thạch)	1,2
304	nt	Cầu chữ Y (Hướng đông bờ Nam)	Hết ranh đất ông Lê Huỳnh Bé (Trần Văn Bé)	1,2
305	Lộ dọc kênh Công Nghiệp (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Lê Huỳnh Bé	Hết ranh đất bà Phạm Thị Hà	1,2
306	nt	Hết ranh đất bà Phạm Thị Hà	Giáp ranh xã Khánh Lộc	1,2
307	Lộ dọc kênh Công Nghiệp (Bờ Tây)	Đầu cầu công nghiệp (Bờ Tây hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Võ Văn Thành	1,2
308	nt	Ranh đất ông Võ Văn Thành	Hết ranh đất ông Lê Trường Hận (Lê Văn Hận)	1,2
309	nt	Cầu Chữ Y (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Lê Trường Hận (Lê Văn Hận)	1,2
310	nt	Cầu Chữ Y (Bờ Bắc)	Ngã ba Năm Tri	1,2
311	nt	Cầu Chữ Y (Bờ Nam)	Ngã ba Năm Tri	1,2
312	Lộ từ cầu Chữ Y đến Trung tâm xã	Cầu Chữ Y (Hướng Đông)	Ngã ba về hướng UBND xã Khánh Hưng (Bờ Bắc)	1,2
313	nt	Ngã ba kênh Ngang (Bờ Tây)	Hết ranh đất trường cấp II	1,2
314	nt	Ranh đất trường cấp II	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Công	1,2
315	nt	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Công	Hết ranh nhà bia ghi danh liệt sỹ	1,2
316	nt	Hết ranh nhà bia ghi danh liệt sỹ	Hết ranh đất ông Trần Thị Định	1,2
317	Trung tâm cầu Chữ Y	Ranh đất ông Phạm Văn Đoàn	Hết ranh đất ông Dương Thanh Xuân (Bờ Bắc)	1,2
318	nt	Hết ranh đất ông Dương Thanh Xuân	Giáp ranh xã Khánh Lộc	1,2
319	nt	Ngã tư Nghĩa trang Ba Cô	Đầu kênh Hai Cái (2 bờ)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
320	Trung tâm cầu Chữ Y	Đầu kênh Bà Xum	Kênh Hai Cái (2 bờ)	1,2
321	Công Nghiệp A	Đầu kênh cua Le Le (2 bờ)	Ngã ba Năm Tri	1,2
322	Vàm Cống Đá	Đầu vàm Cống Đá (Lộ xe, hướng Đông)	Hết ranh đất ông Lê Văn Danh	1,2
323	nt	Đầu vàm Cống Đá (Hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Thái Minh Trí (Bờ Đông)	1,2
324	nt	Hết ranh đất ông Thái Minh Trí (Bờ Đông)	Ngã tư Út Cùi	1,2
325	Vàm Cống Đá	Vàm Cống Đá	Hết ranh đất bà Dương Thị Phê (Bờ Tây)	1,2
326	nt	Hết ranh đất bà Dương Thị Phê (Bờ Tây)	Ngã tư Út Cùi	1,2
327	nt	Ranh đất ông Lê Văn Danh	Hết ranh đất ông Trần Anh Phái	1,2
328	nt	Ngã tư Út Cùi (Bờ Đông)	Ngã tư Miếu Ông Tà	1,2
329	nt	Ngã tư Út Cùi (Bờ Tây)	Ngã tư Miếu Ông Tà	1,2
330	nt	Ngã tư Út Cùi (Bờ Bắc)	Giáp áp Rạch Lùm C	1,2
331	Áp kênh Hăng C	Đầu vàm cống kênh Hăng C (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Lê Thị Nhiên (Bờ Đông)	1,2
332	nt	Ranh đất bà Lê Thị Nhiên (Bờ Đông)	Giáp áp kênh Hăng B	1,2
333	nt	Đầu vàm cống kênh Hăng C (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Hoa (Bờ Tây)	1,2
334	nt	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Hoa (Bờ Tây)	Giáp áp kênh Hăng B	1,2
335	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Ranh đất xã Khánh Hải	Cầu Rạch Lùm A	1,2
336	nt	Cầu Rạch Lùm	Giáp áp kênh Hăng C	1,2
337	nt	Giáp áp kênh Hăng C	Cống kênh Hăng C	1,2
338	nt	Cống kênh Hăng C	Giáp ranh đất ấp Công Nghiệp A	1,2
339	nt	Giáp ranh đất ấp Công Nghiệp A	Cầu Công Nghiệp	1,2
340	nt	Cầu Công Nghiệp A	Giáp xã Khánh Lộc	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
341	Vàm Rạch Lùm	Cầu Vàm Rạch Lùm (Hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hòa (Bờ Đông)	1,2
342	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hòa (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Danh	1,2
343	nt	Hết ranh đất ông Đặng Văn Danh	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
344	nt	Cầu Rạch Lùm (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Em (Bờ Tây)	1,2
345	nt	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Em	Hết ranh đất ông Nguyễn Bá Xuân	1,2
346	Vàm Rạch Lùm	Hết ranh đất ông Nguyễn Bá Xuân	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
347	nt	Đầu kênh Hiệp Hòa Bờ Đông	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
348	nt	Đầu kênh Hiệp Hòa Bờ Tây	Giáp ranh xã Khánh Hải	1,2
349	Kênh Hăng B	Đầu kênh Xóm Miên (2 bờ)	Giáp ranh ấp Rạch Lùm C	1,2
350	nt	Đầu kênh Sáu U (2 bờ)	Ngã tư miếu Ông Tà	1,2
351	nt	Ngã ba Năm Trì (Hướng Bắc)	Giáp ranh ấp Nhà Máy A (Bờ Đông)	1,2
352	nt	Ngã ba Năm Trì (Hướng Bắc)	Giáp ranh ấp Nhà Máy A (Bờ Tây)	1,2
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				1,2
8. Xã Khánh Hải				
353	Khu trung tâm xã	UBND xã về hướng Đông	Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở	1,0
354	nt	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Nam)	Ngã ba Kênh Giữa	1,2
355	nt	Trường Tiểu học 1	Kênh Bảy Ghe 500m (Bờ Bắc)	1,2
356	nt	Trường Tiểu học 1	Kênh Bảy Ghe 500m - Bờ Nam	1,2
357	Lộ ô tô trung tâm xã khu di tích Bác Ba Phi	UBND xã	Khu di tích Bác Ba Phi (Hết ranh đất ông Hận)	1,2
358	nt	Ranh đất ông Trương Văn Pha	Hết ranh đất bà Trương Thị Tươi	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
359	Lộ ô tô trung tâm xã khu di tích Bắc Ba Phi	Ranh đất ông Hồ Văn Chiêu	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Anh	1,0
360	Lộ dọc kênh Lung Tràm	Tuyến kênh Lung Tràm (Bờ Nam)		1,2
361	nt	Tuyến kênh Trung Tâm (Bờ Tây)		1,2
362	Khu Chợ Mới	Chợ Mới về các hướng 400m (Riêng hướng Đông hết ranh đất ông Hai Nguyên)		1,2
363	Vàm kênh Mới	Vàm kênh Mới (Về hướng Đông)	Giáp ranh đất ông Phan Ngọc Hoàng	1,2
364	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Giáp ranh xã Khánh Hưng	Cống kênh Giữa	1,2
365	nt	Cống kênh Giữa	Hết ranh đất ông Năm Hòa	1,2
366	nt	Hết ranh đất ông Năm Hòa	Cống Trùm Thuật	1,2
367	nt	Cống Trùm Thuật	Giáp ranh thị trấn Sông Đốc	1,2
368	Lộ ô tô về Trung tâm xã Khánh Hải	Cống Trùm Thuật	Hết ranh đất ông Trần Thế Vinh	1,2
369	nt	Hết ranh đất ông Trần Thế Vinh	Hết ranh đất ông Lâm Xuân Thành	1,2
370	nt	Hết ranh đất ông Lâm Xuân Thành	Hết ranh đất ông Lương Văn Phúc	1,2
371	nt	Hết ranh đất ông Lương Văn Phúc	Ngã tư kênh Trùm Thuật	1,2
372	Ngã tư Trùm Thuật	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Bắc)	Kênh Bờ Tre 300m (Bờ Đông)	1,2
373	Tuyến kênh Bờ Tre	Hết đoạn 300m kênh Bờ Tre (Bờ Đông)	Về hướng Bắc hết kênh Bờ Tre (Ranh đất ông Hồ Quốc Cường)	1,2
374	Ngã tư Trùm Thuật	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Bắc)	Kênh Bờ Tre 300m Bờ Tây	1,2
375	nt	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Tây)	Về hướng Nam 300m	1,2
376	Tuyến kênh Trùm Thuật (Bờ Tây)	Hết đoạn 300m (Bờ Tây ngã tư Trùm Thuật)	Tuyến lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	1,2
377	Lộ dọc kênh Ranh (Bờ Đông)	Hành lang lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Về hướng Bắc 500m	1,2
378	nt	Hết đoạn 500m	Hết kênh Ranh	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
379	Lộ dọc kênh Rạch Lùm	Giáp xã Khánh Hưng	Đến giáp đoạn 300m (Ngã tư Chủ Mía), bờ Tây	1,2
380	nt	Ngã tư Chủ Mía (Bờ Tây)	Về các hướng 300m	1,2
381	nt	Hết đoạn 200m (Ngã tư Chín Bộ)	Đến giáp đoạn 300m (Ngã tư Chủ Mía), bờ Tây	1,2
382	Ngã tư Chín Bộ	Ngã tư Chín Bộ	Về các hướng 200m	1,2
383	Ngã tư Chủ Mía	Ngã tư Chủ Mía (Bờ Đông)	Về các hướng (Nam, Bắc) 300m	1,2
384	Kênh Chủ Mía (Về hướng Tây)	Từ hết đoạn 300m	Hết kênh Chủ Mía (Bờ Nam)	1,2
385	Khu Làng Cá	Làng Cá kênh Tư	Hết khu đất Làng Cá kênh Tư (2 bên)	1,2
386	Vàm Bảy Ghe	Cống Bảy Ghe	Về hướng Đông 300m (2 bên)	1,2
387	Kênh Bảy Ghe (Bờ Bắc)	Hết đoạn 500m (Trường Tiểu học 1 đi về kênh Bảy Ghe 500m)	Hết đoạn 300m (Vàm Bảy Ghe về hướng Đông 300m)	1,2
388	Kênh Mới (Bờ Nam)	Kênh Tư Từ	Giáp ranh đất ông Hai Nguyên	1,2
389	Tuyến kênh Cây Sộp	Ranh đất ông Hồ Quốc Khánh	Hết kênh Cây Sộp	1,2
390	Tuyến kênh Ngang	Ranh đất ông Lê Quốc Tiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn To	1,2
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			1,2
9. Xã Lợi An				
391	Trung tâm xã	Cầu Vàm về hướng Đông (Trong đê)	Hết ranh đất Trịnh Hồng Hoa	1,2
392	nt	Đầu Vàm ông Tư về hướng Đông (Ngoài đê)	Hết đất liền (Theo Bờ kè)	1,2
393	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hội	Kênh xáng Lương Thế Trân	1,0
394	nt	Hết ranh đất Trịnh Hồng Hoa (Trong đê)	Hết ranh đất ông Cao Văn Trung	1,2
395	nt	Hết ranh đất ông Cao Văn Trung	Hết ranh đất ông Nguyễn Minh Hội	1,2

STT	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
396	Trung tâm xã	Cầu lớn Vàm Ông TỰ	Kênh Biện Đê (Hết đất ông Nguyễn Minh Hòa)	1,2
397	nt	Hết ranh đất ông Cao Hoàng Định	Hết ranh đất ông Lê Minh Quang	1,2
398	nt	Cầu vàm về hướng Tây (Ngoài đê)	Hết ranh đất bà Lê Thị Sang	1,2
399	nt	Cầu vàm về hướng Tây (Trong đê)	Cầu Phát Thạnh	1,0
400	nt	Đất ông Lê Hữu Phước (Mép hướng Nam lộ nhựa)	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Lụa	1,2
401	nt	Đất ông Lê Phước Hữu (Mép hướng Bắc lộ nhựa)	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Lụa	1,2
402	nt	Cầu mới Vàm Ông TỰ (Đi hướng sông Ông Đốc)	Giáp lộ đê bê tông 3m (Hai bên)	1,2
403	Ngã ba Tắc Thủ	Trụ đèn giao thông về hướng Cà Mau	Hết ranh đất bà Văn Thị Hồng Tím	1,2
404	nt	Hết ranh đất bà Văn Thị Hồng Tím	Giáp ranh thành phố Cà Mau	1,2
405	nt	Ngã ba trụ đèn về hướng Sông Đốc (Ngoài đê)	Đến hết khu quy hoạch cụm dân cư	1,0
406	nt	Đầu đê sông Tắc Thủ (Nhà ông Khiêm)	Kênh xáng Lương Thế Trân (Trong đê)	1,2
407	nt	Hết khu quy hoạch cụm dân cư	Kênh xáng Lương Thế Trân (Ngoài đê)	1,2
408	KX Lương Thế Trân	Đầu vàm kênh xáng (Bờ Đông)	Giáp ranh thành phố Cà Mau	1,0
409	nt	Đầu vàm kênh xáng (Bờ Tây)	Giáp ranh huyện Cái Nước	1,2
410	Tuyên Lộ về Trung tâm xã (Ngoài đê)	Ranh đất Lê Thị Sang	Giáp ranh Nghĩa Trang Liệt sĩ huyện (Ngoài đê)	1,2
411	nt	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sĩ huyện (Ngoài đê)	Vàm Rạch Lãng	1,2
412	nt	Vàm Rạch Lãng	Giáp ranh xã Phong Lạc	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
413	Tuyến Lộ về Trung tâm xã (Ngoài đê)	Cầu Phát Thạnh	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sỹ huyện (Trong đê)	1,2
414	nt	Hết ranh Nghĩa trang Liệt sỹ huyện (Trong đê)	Giáp Vàm Rạch Lãng	1,2
415	nt	Vàm Rạch Lãng	Giáp ranh xã Phong Lạc (Trong đê)	1,2
416	Tuyến mé sông Rạch Ráng	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Năm	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sỹ huyện	1,2
417	nt	Hết ranh Nghĩa trang Liệt sỹ huyện	Giáp Cầu Treo Rạch Ráng	1,2
418	nt	Cầu Treo Rạch Ráng	Vàm Rạch Lãng	1,2
419	Tuyến lộ đi Quốc Lộ 1A	Cầu Bến phà (Hướng đi Quốc Lộ 1A, bờ Nam)	Cầu Rạch Lãng	1,0
420	nt	Cầu Rạch Lãng (Hướng đi Quốc Lộ 1A, bờ Nam)	Giáp ranh xã Hưng Mỹ	1,2
421	nt	Cầu Bến phà (Hướng đi Quốc Lộ 1A, bờ Bắc)	Giáp ranh xã Hưng Mỹ	1,2
422	Tuyến đê Tắc Thủ - Phường 8	Đầu đê giáp khu quy hoạch cụm dân cư	Giáp Phường 8 – TP Cà Mau	1,2
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				1,2
10. Xã Phong Lạc				
423	Lộ Phong Lạc - Phong Điền (Trong đê)	Giáp xã Lợi An	Cầu Rạch Bàn	1,2
424	nt	Cầu Rạch Bàn (Nhà ông Trương Tấn Đạt)	Cầu kênh Chông Mỹ - Giáp ranh xã Phong Điền (Nhà ông Phan Văn Thảo)	1,2
425	nt	Giáp xã Lợi An	Hết ranh đất Trường THCS Phong Lạc	1,2
426	nt	Đất Trường THCS Phong Lạc	Hết ranh đất ông Tô Văn Tal (Cầu Rạch Bàn)	1,2
427	nt	Cầu Rạch Bàn (Ranh đất ông Trần Văn Hôn)	Hết ranh đất ông Phạm Ngọc Mừng	1,2

STT	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
428	Xã Phong Lạc - Phong Điền (Trong đê)	Hết ranh đất ông Trương Tấn Phát	Hết ranh đất ông Ngô Văn Tây (Giáp xã Phong Điền)	1,2
429	Áp Công Bình	Ranh đất ông Phan Văn Ân	Hết ranh đất ông Tạ Văn Trận	1,2
430	nt	Ranh đất ông Thái Văn Chuẩn	Hết ranh đất ông Trần Văn Kén	1,2
431	nt	Ranh đất bà Tống Thị Niên	Hết ranh đất ông Phan Văn Miền	1,2
432	nt	Ranh đất ông Trần Văn Kén	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mộng	1,2
433	nt	Đầu kênh Công Bình (Nhà ông Tạ Văn Trận)	Cuối kênh Công Bình (Đất ông Tạ Văn Trận)	1,2
434	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Tùng	Hết ranh đất bà Tống Thị Niên	1,2
435	nt	Đầu kênh Chông Mỹ (Nhà ông Phan Văn Thảo)	Cuối kênh Chông Mỹ (Đất ông Phan Văn Miền)	1,2
436	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Lãng	Hết ranh đất ông Dương Hương Cảng	1,2
437	nt	Ranh đất ông Trần Việt Quốc	Hết ranh đất ông Phan Văn Đạo	1,2
438	nt	Ranh đất ông Hà Văn Bò	Hết ranh đất ông Dương Hương Cảng	1,2
439	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Mộng	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trung	1,2
440	nt	Ranh đất ông Mai Văn Kháng	Hết ranh đất bà Thái Thị Diệp	1,2
441	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Thiều	Hết ranh đất ông Mai Văn Thuận	1,2
442	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đô	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tăng	1,2
443	Áp Rạch Bần	Cầu Gạch Bần	Hết ranh đất ông Phan Văn Ngoán (Áp Gạch Bần)	1,2
444	nt	Cầu Gạch Bần	Hết ranh đất ông Tô Hùng	1,2
445	nt	Ranh đất ông Phan Văn Ngoán	Hết ranh đất ông Lâm Văn Khụng	1,2
446	nt	Hết ranh đất ông Lâm Văn Khụng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Khoa	1,2
447	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bé	Hết ranh đất ông Thái Văn Hùng	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
448	Áp Đất Cháy	Ranh đất ông Trương Văn Tấn	Hết ranh đất bà Trần Thị Tàn	1,2
449	nt	Ranh đất ông Ngô Mười Ba	Hết ranh đất ông Ngô Hoàng Thanh	1,2
450	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Kiên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nho	1,2
451	nt	Ranh đất ông Đào Văn Hòa	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Khanh	1,2
452	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nho	Hết ranh đất ông Phan Văn Cảnh	1,2
453	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Khanh	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Nhân	1,2
454	Áp Tân Lập	Ranh đất ông Phan Hoàng Em	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiềm	1,2
455	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiềm	Hết ranh đất ông Dương Văn Hiếu	1,2
456	nt	Hết ranh đất ông Dương Văn Hiếu	Hết ranh đất ông Lê Phi Long	1,2
457	Áp Tân Lập	Hết ranh đất ông Lê Phi Long	Hết ranh đất ông Võ Văn Nuôi	1,2
458	nt	Ranh đất ông Đào Văn Sĩ	Hết ranh đất ông Tô Văn Hương	1,2
459	nt	Ranh đất ông Tô Văn Tồn	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Dân	1,2
460	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Phương	Hết ranh đất bà Lý Thị Lan	1,2
461	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Nhân	Hết ranh đất ông Ngô Văn Cường	1,2
462	nt	Hết ranh đất bà Lý Thị Lan	Hết ranh đất ông Mai Văn Nờ	1,2
463	nt	Ranh đất ông Trần Văn Tuấn	Hết ranh đất bà Hồng Thị Út	1,2
464	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Góp	Hết ranh đất ông Thạch Hai	1,2
465	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Khởi	Hết ranh đất ông Trần Văn Sự	1,2
466	nt	Hết ranh đất ông Mai Văn Nờ	Hết ranh đất ông Dương Văn Trân	1,2
467	nt	Hết ranh đất bà Hồng Thị Cúc	Hết ranh đất ông Trần Văn Đồng	1,2
468	nt	Ranh đất ông Trần Văn Út	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng	1,2
469	Áp Lung Trường	Ranh đất ông Đỗ Thanh Bình	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Miên	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
470	Ấp Lung Trường	Ranh đất ông Hồ Việt Cường	Hết ranh đất ông Trần Văn Tiến	1,2
471	nt	Ranh đất ông Trần Văn Đua	Hết ranh đất bà Võ Thị Hương	1,2
472	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Miên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nhật	1,2
473	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nhật	Hết ranh đất ông Huỳnh Thị Nho	1,2
474	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Võ	Hết ranh đất ông Trương Văn Trọng	1,2
475	nt	Ranh đất ông Trần Văn Đua	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Phát	1,2
476	nt	Hết ranh đất ông Trần Văn Tiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nghĩa	1,2
477	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quân	Hết ranh đất ông Trần Văn Nào	1,2
478	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nghĩa	Hết ranh đất ông Trần Văn Nào	1,2
479	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Phát	Hết ranh đất ông Nguyễn Trường Giang	1,2
480	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Võ	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Thu	1,2
481	Ấp Lung Đông	Ranh đất ông Nguyễn Văn Biên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Việt	1,2
482	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Việt	Hết ranh đất ông Trần Minh Diệu	1,2
483	nt	Ranh đất ông Thái Văn Nam	Hết ranh đất ông Thái Văn Tuấn	1,2
484	Ấp Tân Lợi	Ranh đất ông Lê Bá Nghĩa (Đầu kênh Ba)	Hết ranh Trường Tiểu học Phong Lạc IV	1,2
485	nt	Trường Tiểu học Phong Lạc IV	Hết ranh đất ông Hà Văn Lọng	1,2
486	nt	Hết ranh đất ông Hà Văn Lọng	Cuối kênh Ba (Hết ranh đất bà Hồ Thị Liên)	1,2
487	nt	Ranh đất bà Đào Thị Bông (Đầu kênh Tư)	Hết ranh đất ông Dương Văn Hòa	1,2
488	nt	Hết ranh đất ông Dương Văn Hòa	Hết ranh đất ông Đặng Văn Đứng	1,2
489	nt	Hết ranh đất ông Đặng Văn Đứng	Cuối kênh Tư (Hết ranh đất ông Phạm Văn Hùng)	1,2
490	nt	Ranh đất ông Diệp Văn Sơn	Hết ranh đất ông Đỗ Thị Đàm	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
491	Áp Tân Lợi	Ranh đất ông Nguyễn Hồng Thanh	Hết ranh đất ông Trần Văn Tùng	1,2
492	nt	Ranh đất ông Trần Văn Thi	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mười	1,2
493	nt	Ranh đất ông Bùi Văn Cảnh	Hết ranh đất ông Trần Văn Hớn	1,2
494	Áp Rạch Bần B	Ranh đất ông Trần Văn Hon	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chiến	1,2
495	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Luận	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bé	1,2
496	nt	Ranh đất ông Thái Văn Chuẩn	Hết ranh đất ông Lưu Văn Rọt	1,2
497	nt	Hết ranh đất ông Lưu Văn Rọt	Hết ranh đất ông Võ Minh Luân	1,2
498	nt	Ranh đất ông Huỳnh Kha Ly	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Phong	1,2
499	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Phong	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tỏ	1,2
500	nt	Ranh đất ông Trần Văn Kiếm	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tung	1,2
501	nt	Ranh đất ông Thái Văn Ngô	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đại	1,2
502	nt	Ranh đất ông Thái Văn Thi (Miếu Thần Hoàng)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiết	1,2
503	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiết	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bùi (Vàm Lung Dông)	1,2
504	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đại	Hết ranh đất ông Trần Văn Vinh	1,2
505	nt	Ranh đất ông Thái Văn Thi	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Hạnh	1,2
506	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Hạnh	Hết ranh đất bà Trần Thị Lợi	1,2
507	Áp Tân Bằng	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đức	Hết ranh đất ông Đào Văn Tiến	1,2
508	nt	Ranh đất bà Trần Thị Bên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Danh	1,2
509	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Khuyên	Hết ranh đất ông Phù Văn Đức	1,2
510	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Lý	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lam	1,2
511	nt	Ranh đất bà Nguyễn Thị Xua	Hết ranh đất bà Võ Thị Hết	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
512	Ấp Tân Bằng	Ranh đất bà Sử Kim Dung	Hết ranh đất ông Đỗ Giải Phóng	1,2
513	nt	Ranh đất ông Mai Văn Đẹp	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Ngây	1,2
514	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Kiến	Hết ranh đất ông Trương Văn Be	1,2
515	Ấp Tân Thành	Ranh đất bà Nguyễn Thị Lợi	Hết ranh đất ông Dương Văn Nhựt	1,2
516	nt	Ranh đất ông Trần Văn Dũng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thu	1,2
517	nt	Ranh đất ông Lê Văn Công	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Công	1,2
518	nt	Ranh đất ông Trần Văn Cảnh	Hết ranh đất ông Trần Văn Lương	1,2
519	nt	Ranh đất ông Trần Văn Thiện	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Mây	1,2
520	nt	Ranh đất ông Võ Văn Tông	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Trừ	1,2
521	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Lực	Hết ranh đất ông Trần Văn Đô	1,2
522	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đàng	Hết ranh đất ông Lâm Văn Tông	1,2
523	nt	Hết ranh đất ông Dương Văn Nhựt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hôn	1,2
524	Ấp Rạch Bàn B - Ấp Công Bình	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Việt	1,2
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				1,2
11. Xã Phong Điền				
525	Tuyến trung tâm xã	UBND xã về hướng Đông	Hết ranh đất Trường Mầm non	1,2
526	nt	Nhà Bia ghi danh về hướng Nam	Hết ranh đất Hăng nước đá Trường Sơn 6	1,2
527	nt	Ranh đất ông Trần Văn Leo	Kênh Công Điền Giữa	1,2
528	nt	Ranh đất ông Phan Văn Kỳ	Hết ranh đất ông Lý Văn Duyên (Bờ Đông)	1,2
529	nt	Ranh đất ông Dương Văn Thành	Kênh Chổng Mỹ	1,2
530	nt	Ranh đất ông Trần Văn Đắc	Hết ranh đất ông Trương Thanh Giang	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
531	Tuyến trung tâm xã	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đước	Giáp ranh xã Phong Lạc (Trong đê)	1,2
532	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bình	Hết ranh đất ông Phan Văn Sơn	1,2
533	nt	Ranh đất ông Trần Văn Mật	Hết ranh đất ông Phan Văn Linh	1,2
534	nt	Ranh đất ông Trịnh Hữu Huy	Kênh Dầu Xây (Hết ranh đất ông Ngô Tấn Môn)	1,2
535	nt	Kênh Bảy Thanh	Kênh Lựu Đạn (Tuyến ven sông)	1,2
536	nt	Kênh Lựu Đạn	Kênh Dàn Xây (Tuyến ven sông)	1,2
537	nt	Kênh Dàn Xây	Hết ranh đất Nguyễn Văn Thu	1,2
538	Tuyến đê Trung Ương (Đê Tà)	Kênh xáng Bà Kẹo	Kênh Bảy Thanh (Giáp Thị trấn Sông Đốc)	1,2
539	Tuyến Rẫy mới - Mỹ Bình	Ranh đất ông Phan Út Chín	Hết ranh đất ông Trần Văn Nhiều	1,2
540	Tuyến Rạch Vinh	Cầu Đầu Sáu (Áp Mỹ Bình)	Hết ranh đất ông Nguyễn Như Ý	1,2
541	Tuyến lộ Trung tâm xã	Từ đầu lộ nhựa tiếp giáp Sông Đốc (Ranh đất ông Mười Đẹt)	Ngã 3 (Hướng về huyện)	1,2
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
Các tuyến đường được bổ sung vào Bảng giá đất theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh				
1. Xã Khánh Bình Tây Bắc				
542	Tuyến đường cứu hộ cứu nạn đê biển Tây phòng cháy chữa cháy rừng Quốc gia U Minh Hạ	Ranh đất bà Bùi Thị Thắm	Hết đất ông Nguyễn Văn Nễ	1,2
543	Tuyến đường ô tô về trung tâm xã	Ranh đường ông PM3	Hết ranh đất ông Đỗ Hữu Lộc	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2. Xã Trần Hợi				
544	Tuyến T19 ấp Vô Dơi	Ranh đất ông Lâm Văn Quên	Kinh T21	1,0
545	Tuyến đường hẻm chợ Cơi 5 ấp 2	Ranh đất Bà Cao Hồng Mãnh	Hết đất ông Nguyễn Hoang Việt	1,0
3. Xã Khánh Hải				
546	Điểm dân cư nông thôn Vàm Kinh Tư	Bờ Nam	Lô L9a	1,0
547	nt	Bờ Nam	Lô L9b	1,0
548	nt	Bờ Nam	Lô L9c	1,0
549	nt	Bờ Nam	Lô L10a	1,0
550	nt	Bờ Nam	Lô L10b	1,0
551	nt	Bờ Bắc	Lô L9d	1,0
552	nt	Bờ Bắc	Lô L9e	1,0
553	nt	Bờ Bắc	Lô L9f	1,0

5. HUYỆN CÁI NƯỚC

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Lương Thế Trân				
1	Lộ Cà Mau - Đầm Dơi	Quốc lộ 1A	Hết ranh đất Công ty cổ phần thực phẩm thủy sản Cà Mau	1,0
2	nt	Hết ranh đất Công ty cổ phần thực phẩm thủy sản Cà Mau	Đập Hai Thông	1,0
3	nt	Đập Hai Thông	Đập Ông Buồi	1,0
4	nt	Đập Ông Buồi	Bến phà Hoà Trung	1,1
5	Tuyến Đê Đông Cái Nước	Bến phà Hòa Trung	Cống Giải Phóng (Đê Đông)	1,2
6	Kênh Hai Mai	Lộ Cà Mau - Đầm Dơi	Ngã ba đường Gạo	1,2
7	nt	Ngã ba đường Gạo	Ngã ba Tư Kìa	1,1
8	Kênh Cây Bóm	Ngã ba đường Gạo	Cầu Nhà Thờ Cây Bóm	1,0
9	Kênh Bào Kè	Quốc lộ 1A	Ngã Ba Láng	1,2
10	nt	Ngã Ba Láng	Cầu Tư Đức	1,4
11	nt	Cầu Tư Đức	Ngã Ba Út Đeo	1,4
12	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Lương Thế Trân	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	1,3
13	nt	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	Cống Bà Bèo	1,1
14	nt	Cống Bà Bèo	Kinh Giữa	1,1
15	Xã Lương Thế Trân	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,0
2. Xã Thạnh Phú				
16	Lộ Lung lá Nhà Thờ	Quốc lộ 1A	Giáp ranh trường mẫu giáo	1,3
17	nt	Giáp ranh trường mẫu giáo	Cầu Trần Quốc Toàn	1,3

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
18	Lộ Lung lá Nhà Thê	Cầu Trần Quốc Toàn	Hết ranh khu di tích Lung lá - Nhà Thê	1,4
19	Kênh xáng Lương Thê Trân	Quốc lộ 1A	Giáp ranh huyện Trần Văn Thời	1,1
20	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Lương Thê Trân	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	1,3
21	nt	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	Cống Bà Bèo	1,3
22	nt	Cống Bà Bèo	Cống Cái Nhum	1,3
23	nt	Cống Cái Nhum	Cống Vịnh Gáo	1,3
24	nt	Cống Vịnh Gáo	Cống Nhà Phấn	1,3
25	nt	Cống Nhà Phấn	Cống Nhà Phấn + 300m	1,5
26	nt	Cống Nhà Phấn + 300m	Cầu Tân Đức	1,3
27	Xã Thạnh Phú (Lộ bê tông)	Quốc lộ 1A	Chùa Hưng Nhơn	1,6
28	nt	Phía sau trụ sở UBND xã Thạnh Phú (cũ) (Tên cũ: Phía sau UBND xã Thạnh Phú)		1,6
29	Lộ bê tông	Phía sau nhà lồng chợ xã Thạnh Phú	Giáp ranh đất ông Tám Vĩnh	1,6
30	Xã Thạnh Phú	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,1
3. Xã Phú Hưng				
31	Chợ Đức An	Quốc lộ 1A	Cầu 6 Hiệp	1,4
32	Khu Dân cư ấp Cái Rắn A	Hết khu		1,7
33	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Tân Đức	Cây xáng Phú Hưng (Tên cũ: Cách cầu Cái Rắn: 200m)	1,3
34	nt	Cây xáng Phú Hưng (Tên cũ: Cách cầu Cái Rắn: 200m)	Hết ranh trường cấp III Phú Hưng	1,4
35	nt	Hết trường cấp III Phú Hưng	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	1,3
36	Đối diện lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Quốc lộ 1A	Giáp ranh Trần Văn Thời	1,3

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
37	Đường ô tô về xã Tân Hưng	Quốc lộ 1A	Cầu Đức An + 300m	1,3
38	nt	Cầu Đức An + 300m	Ranh xã Tân Hưng	1,4
39	Lộ nhà thờ Cái Rắn	Quốc lộ 1A	Nhà thờ Cái Rắn	1,0
40	Xã Phú Hưng	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,0
4. Xã Hưng Mỹ				
41	Khu chợ Rau Dừa cũ	Khu chợ phía Bắc (Chợ Rau Dừa cũ)	Hết khu	1,1
42	Khu chợ Rau Dừa	Khu chợ phía Nam	Hết Khu	1,1
43	Khu dân cư	Khu dân cư (Lô 13 + 14)	Hết Khu	1,1
44	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Quốc lộ 1A	Giáp ranh Trần Văn Thời	1,0
45	Lộ Rau Dừa - Tân Hưng	Ngã Tư Sông Rau Dừa	Cống Cái Giếng	1,0
46	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Giáp ranh Bưu điện xã Hưng Mỹ	1,5
47	nt	Giáp ranh Bưu điện xã Hưng Mỹ	Cầu Rau Dừa + 500m (Trừ khu chợ phía Nam)	1,4
48	nt	Cầu Rau Dừa + 500m	Cống Sư Liệu	1,3
49	Đường ô tô về trung tâm xã	Cầu Cái Bàn	Hết ranh UBND xã Hưng Mỹ	1,2
50	Xã Hưng Mỹ	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,0
5. Xã Tân Hưng				
51	Lộ ấp Phong Lưu	Cầu kênh xáng Đông Hưng	Hết ranh trường THCS Tân Hưng	1,4
52	nt	Giáp đường ô tô về trung tâm xã (Trụ sở UBND xã Tân Hưng)	Kênh Tùng Hựu	1,4
53	Lộ ấp Tân Hòa	Cầu Bộ Mão	Trạm Y Tế xã	1,3
54	nt	Trạm Y Tế xã	Cầu Phan Văn Tám	1,4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
55	Khu dân cư phía sau chợ Tân Hưng	Chợ cũ	Giáp đường ô tô TT xã Tân Hưng	1,3
56	Khu chợ xã Tân Hưng	Giáp ranh đất Ông Hồ Văn Nhơn	Hết ranh đất bà Đặng Thị Thà	1,4
57	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Hưng	UBND xã Tân Hưng	Cầu Cựa Gà	1,5
58	nt	Cầu Cựa Gà	Giáp ranh xã Phú Hưng	1,4
59	Xã Tân Hưng	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,0
6. Xã Hòa Mỹ				
60	Quốc lộ 1A	Cống Sư Liệu	Cống Đá	1,0
61	Đường ô tô về xã Hòa Mỹ	Cầu Hòa Mỹ	Hết khu thiết chế văn hóa xã	1,0
62	Xã Hoà Mỹ	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,0
7. Xã Tân Hưng Đông				
63	Lộ công đá Kênh Tư	Quốc lộ 1A	Cầu kênh Láng Tượng	1,5
64	nt	Cầu kênh Láng Tượng	Đầu kênh Bên Địa	1,3
65	Đường vào UBND xã cũ	Quốc lộ 1A	Kênh xáng Lộ Xe	1,3
66	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cống Đá	Cách UBND xã Tân Hưng Đông: 250m	1,2
67	nt	Cách UBND xã Tân Hưng Đông: 250m	UBND xã Tân Hưng Đông + 250m	1,2
68	nt	UBND xã Tân Hưng Đông + 250m	Giáp ranh Trạm Biến Điện 110 kv	1,2
69	nt	Giáp ranh Trạm Biến Điện 110 kv	Giáp ranh Nghĩa Trang	1,3
70	Đường kênh Ráng	Từ trạm y tế	Giáp ranh trường Tân Tạo	1,4
71	Xã Tân Hưng Đông	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,0
8. Xã Đông Thới				
72	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	Đập Ông Phụng	Cống Hai Lươn (Tên cũ: Đập Bào Tròn)	1,4

	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K) (5)
		Từ	Đến	
		(3)	(4)	
73	Tuyến Đê Đông (Tên cũ: Tuyến Đê Đông Cái Nước)	Đập Giáo Hồ	Đập nhà Thính A (Tên cũ: Ranh xã Đông Hưng)	1,1
74	Kênh xáng Đông Hưng	Ngã tư Rạch Dực	Đập Giáo Hồ	1,1
75	Tuyến sông Cái Cấm (Bên nhà thờ)	Cầu Hiệp Thông	Cầu Kinh Hué	1,2
76	Xã Đông Thới	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,0
9. Xã Đông Hưng				
77	Cụm dân cư Tân Phong	Cụm dân cư Tân Phong	Hết Cụm	1,3
78	Tuyến Đê Đông (Tên cũ: Tuyến Đê Đông Cái Nước)	Đập nhà Thính A (Tên cũ: Ranh xã Đông Hưng)	Giáp ranh xã Tân Hưng (Tên cũ: Giáp ranh cụm dân cư Tân Phong)	1,1
79	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	Cống Hai Lưom (Tên cũ: Đập Bào Tròn)	Bến phà Giá Ngụ (Tên cũ: Tuyến Đê Đông Cái Nước)	1,1
80	Lộ nhựa Tân Phong	Tuyến Đê Đông (Tên cũ: Tuyến Đê Đông Cái Nước)	Cầu Kênh Tắt (Tên cũ: Cầu Kinh Tắt)	1,1
81	Đường vào UBND xã	Giáp đường ô tô về trung tâm xã	Giáp Sân Chim Chà Là	1,2
82	Xã Đông Hưng	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,0
10. Xã Trần Thới				
83	Quốc lộ 1A	Giáp ranh thị trấn Cái Nước	Cách Xí nghiệp Nam Long 300m	1,2
84	nt	Cách Xí nghiệp Nam Long 300m	Giáp ranh Xí nghiệp Nam Long	1,2
85	nt	Giáp ranh Xí nghiệp Nam Long	Bến Phà Đầm Cùng	1,0
86	Lộ Cái Nước - Phú Tân	Đập Cây Dương	Giáp ranh huyện Phú Tân	1,0
87	Đường vào UBND xã Trần Thới	Bến phà Đầm Cùng	Hết ranh UBND xã Trần Thới	1,0
88	Khu vực chợ xã Trần Thới	Hết ranh UBND xã Trần Thới	Hết ranh Trạm Y Tế	1,0
89	nt	Hết ranh Trạm Y Tế	Hết ranh bến Nhà Máy Nước Đá Tấn Đạt (Tên cũ: Hết ranh bến Nhà Máy Nước Đá)	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
90	Lộ trung tâm xã	Quốc lộ 1A	Hết ranh trạm y tế (Tên cũ: Kinh xáng lộ xe)	1,1
91	nt	Lộ Trung tâm xã	Hậu dãy nhà UBND xã Trần Thới	1,1
92	Khu Tái định cư cầu Đầm Cùg	Những dãy giáp mặt tiền lộ trung tâm xã và khu vực chợ xã Trần Thới (Đoạn từ UBND xã đến trạm Y tế)		1,0
93	nt	Những dãy còn lại phía trong		1,0
94	Tuyến kênh Sáng	Quốc lộ 1A	Cống Bào Châu	1,3
95	Quốc lộ 1A	Cách Xí nghiệp Nam Long 300m	Dốc cầu Đầm Cùg	1,0
96	Tuyến lộ theo sông Bảy Háp	Bến phà Đầm Cùg (Quốc lộ 1A cũ)	Cây xăng Bào Châu	1,2
97	Xã Trần Thới	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1,0
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,0
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,0

6. HUYỆN PHÚ TÂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K) (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
1	Khu trung tâm xã	Ranh đất ông Giang	Hết ranh đất bà Mỹ Nhung (2 bên)	1,2
2	nt	Ranh đất ông Khá (Phước)	Trạm y tế xã (2 bên)	1,2
3	nt	Trạm y tế xã	Hãng nước đá	1,2
4	nt	Giáp ranh hãng nước đá	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Phương	1,3
5	nt	Ranh đất ông Võ Văn Đèo	Ngã ba về Cái Nước (2 bên)	1,2
6	nt	Ngã ba về Cái Nước (Tuyến lộ xe)	Cầu Vàm Đình (2 bên)	1,4
7	nt	Ranh đất ông Quán	Ngã ba sông về Cái Nước	1,2
8	Tuyến đường Vàm Đình - Cái Chim	Ngã ba về Quốc lộ 1A	Hết ranh đất ông Lâm Chì	1,2
9	nt	Hết ranh đất ông Lâm Chì	Đập Cái Chim	1,2
10	Phía xã cũ	Đình thần Vàm Đình	Hết ranh đất ông Huỳnh Phúc Lâm	1,2
11	Khu vực chợ Giáp Nước	Tượng đài Liệt sỹ	Đập Giáp Nước (Nhà ông Thi Cống Đá)	1,3
12	nt	Tượng đài Liệt sỹ	Trạm y tế cũ	1,6
13	nt	Ranh đất nhà bà Nguyễn Thị No	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cao (Chết Cao)	1,2
14	nt	Cây xăng ông Huỳnh Hoàng Thắng (Nhà bà Tám bán com)	Đầm Thị Tường, 2 bên (Hết ranh đất ông Trung)	1,2
15	Khu vực chợ Giáp Nước	Đập Giáp Nước	Cây xăng ông Huỳnh Hoàng Thắng (Nhà bà Tám bán com)	1,2
16	Tuyến kênh Bến Đìa - kênh Chổng Mỹ	Kênh Bến Đìa	Kênh Chổng Mỹ	1,2
17	Tuyến sông Giáp Nước - kênh Bến Đìa	Ngã ba sông Giáp Nước	Đầu kênh Bến Đìa	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
18	Đầu sông Bền Địa - Đầm Thị Tường	Cầu Bền Địa	Giáp ranh xã Phú Mỹ (Nhà ông Nguyễn Văn Thanh)	1,2
19	Tuyến kênh Thọ Mai	Nhà ông Nguyễn Văn Lâm (Bãi cát đá)	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Kíp	1,2
20	Tuyến kênh Vàm Đình - Cái Nước	Nhà ông Nguyễn Văn Điền	Hết ranh đất ông Nguyễn Lữ Hiền	1,2
21	Khu Trung tâm xã	Ranh đất ông Phương	Cầu Vàm Đình	1,1
22	Phía xã cũ	Hết ranh đất ông Phúc Lâm	Cầu sắt (Nhà ông Nguyễn Văn Cẩn)	1,2
2. Xã Phú Mỹ				
23	Khu vực Ba Tiệm	Trường THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	Hết ranh Trường trung học Phú Mỹ II	1,2
24	Khu vực Vàm Xáng	Phía trước buđiện xã Phú Mỹ	Hết ranh đất ông Khen	1,2
25	Kênh xáng Thọ Mai	Kênh xáng Thọ Mai	Hết ranh đất bà Tám Nguyệt Lệ	1,3
26	Khu căn cứ Tỉnh ủy	Ranh đất khu căn cứ Tỉnh ủy	Hết ranh đất ông Minh	1,2
27	nt	Hết ranh đất ông Minh	Về vàm kênh xáng Thọ Mai	1,2
28	nt	Khu căn cứ Tỉnh ủy	Hết ranh đất ông Giang	1,2
29	nt	Hết ranh đất ông Giang	Ngã ba Đầm Thị Tường (Hết ranh đất ông Thắng)	1,2
30	Tuyến kênh Bà Ký	Ngã tư kênh Bà Ký	Trường tiểu học cơ sở Phú Mỹ 3	1,2
31	nt	Đầu ngã tư kênh Bà Ký	Kênh Đòn Dong	1,2
32	Tuyến trường TH Phú Mỹ 2 đến giáp ranh xã Phú Thịnh	Trường Tiểu học Phú Mỹ 2	Đầu cầu sắt (Giáp ranh xã Phú Thuận)	1,3
33	Tuyến Ngã ba kênh Bà Ký đến Kênh Ba Pha	Ngã ba kênh Bà Ký	Kênh Ba Pha	1,1
34	Tuyến kênh Đê Quốc Phòng	Kênh đê Quốc Phòng	Đến ranh đất ông Nguyễn Thành Trung	1,1
35	Ranh đất ông Khen đến đầu kênh Nước Mặn	Hết ranh đất ông Khen	Kênh Nước Mặn	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
36	Bà Cui Kênh Quốc Phòng đến Lung Cần Thơ	Cuối Kênh đê Quốc Phòng	Lung Cần Thơ	1,3
37	Tuyến Ngã tư số 1 đến Cống Ba Tiệm	Ngã tư số 1	Cống Ba Tiệm	1,1
38	Đất ông Chánh đến cầu rạch Lung Chim	Ranh đất ông Trần Văn Chánh	Cầu rạch Lung Chim	1,0
39	Tuyến ngã tư kênh Bà Ký đến ranh đất ông Minh	Ngã tư kênh Bà Ký	Hết ranh đất Ông Minh	1,2
40	Tuyến bà Ký nghĩa	Đầu kênh xáng Thọ Mai	Hết ranh đất nhà ông Trần Văn Chánh	1,2
41	Tuyên kênh 5	Ngã tư Bà Ký	Kênh Phú Thạch (Giáp ranh xã Phú Thuận)	1,2
3. Xã Phú Tân				
42	Đường số 1	Tim nhà lồng chợ cũ (Về hướng Đông)	Hàng rào Trường Cấp III (Ranh đất ông Mười Bồn)	1,4
43	nt	Tim nhà lồng chợ cũ (Về hướng Tây)	Hết ranh đất ông Dũng - Thúy	1,3
44	nt	Ranh đất ông Tráng (Tuyến sông) kéo dài	Hết ranh đất ông Hên, bà Ba Xị (2 bên)	1,2
45	nt	Trường tiểu học Phú Tân (vòng qua bên chợ mới) (Tên cũ: Ranh đất ông Sơn vòng qua bến Tàu)	Hết ranh đất ông Phạm Hùng Tráng (ngã 3) (Tên cũ: Hết ranh Trụ sở ấp văn hóa (Ngã ba nhà ông Tráng))	1,2
46	nt	Hết ranh đất ông Dũng - Thúy	Hết ranh đất ông Sỹ Tuấn (2 bên)	1,2
47	nt	Trụ sở ấp Cái Đồi (2 bên)	Hàng rào trường Cấp III (Nhà ông 10 Bồn)	1,2
48	nt	Ranh đất ông Sỹ Tuấn (2 bên)	Ngã ba kênh xáng Miếu ông Cò (Nhà ông Sơn)	1,4
49	Đường số 2	Ngã ba (Nhà ông Khổng Kia)	Ngã 3 đất ông Bông Văn Liếp	1,4
50	nt	Ranh đất ông Minh Gù (2 bên)	Hết ranh đất ông Tú (Ngã ba Miếu Ông Cò)	1,3

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
51	nt	Hết ranh đất bà Nga	Hết ranh Nhà mồ ngang trường cấp III (Mới)	1,2
52	Đường số 3	Đầu cầu nhà ông Đức	Đầu cầu nhà ông Hòa (2 bên)	1,2
53	Đường số 3	Đầu cầu (Hãng nước đá ông Hil)	Đầu kênh Tân Điền nhà ông Quách Hôn (2 bên)	1,2
54	nt	Đầu cầu (Cuối nhà ông Hòa)	Hết ranh đất ông Võ Văn Go (2 bên)	1,4
55	nt	Hết ranh đất ông Võ Văn Go	Đầu Kênh Đứng	1,4
56	Đường số 4	Đầu cầu nhà ông Năm Thiện (Phía trên bờ)	Ngã ba Cầu UBND xã Phú Tân	1,2
57	nt	Ngã ba cầu UBND xã Phú Tân	Hết ranh đất ông Sáu Báo (2 bên)	1,2
58	nt	Đầu cầu UBND xã Phú Tân	Ngã ba kênh Xáng	1,4
59	nt	Ngã ba kênh xáng (2 bên)	Đường vào kênh Xáng (Giáp ranh đất nhà ông Sáu Báo)	1,2
60	nt	Hết ranh đất ông Sáu Báo	Hết ranh đất ông Út Xã	1,4
61	Các tuyến lộ khác	Đầu cầu nhà ông Dol (Bờ Nam)	Đầu kênh Đầu Sáu	1,2
62	nt	Đầu cầu (Nhà ông Tráng) bờ Bắc	Đầu kênh Xáng (Miếu ông Cò)	1,4
63	nt	Đầu kênh xáng (Nhà ông Tuấn)	Hết ranh đất ông Sáu Sinh	1,0
64	nt	Đầu cầu (Nhà ông Trãi)	Hết ranh đất ông Ba Hùng (2 bên)	1,2
65	nt	Đầu cầu (Nhà ông Ba Lan)	Hết ranh đất ông Ba Hùng (2 bên)	1,2
66	nt	Ranh đất Ba Lan về Cống Đá (Bờ Nam)	Hết ranh đất ông Tám Xịt	1,2
4. Xã Việt Thắng				
67	UBND xã đến cầu Cái Đài	UBND xã Việt Thắng	Hết ranh đất ông Ba Be (Về hướng cầu Bào Châu, 2 bên)	1,2
68	nt	Hết ranh đất ông Ba Be	Cầu Bào Châu	1,3
69	nt	Cầu Bào Châu	Cầu Cả Đài (Tên cũ: Cầu Cái Đài)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)		(3)	(4)	(5)
70	UBND xã đến đập Kiểm Lâm (Tuyến lộ cấp 6)	Cầu Đâu Lợi (Tên cũ: Cầu Độ Lợi)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tài	1,1
71	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tài	Cầu Dân Quân	1,6
72	UBND xã đến đập Kiểm Lâm (Tuyến lộ cấp 6)	Cầu Dân Quân	Đập Kiểm Lâm	1,2
73	Khu Chợ Mới (Áp Hiệp Thành)			1,2
74	Khu Chợ Mới	Cầu Độ Lợi	Hết ranh Khu Chợ Mới	1,2
75	Kênh 30/4 - Bào Châu	Kênh 30/4	Lộ uỷ ban xã Cao Đài (Tên cũ: Bào Châu)	1,4
76	Lung Cây Giá đến kênh Kiểm Lâm	Lung Cây Giá	Kênh Kiểm Lâm	1,2
77	Kênh Ba đến kênh So Đũa	Kênh Ba	Kênh So Đũa	1,1
5. Xã Tân Hưng Tây				
78	Cầu Kênh Mới đến chợ Cái Bát	Cầu Kênh Mới (Hướng Đông)	Về hướng chợ Cái Bát: 200m	1,2
79	nt	Cầu Kênh Mới từ mét 201	Cách cầu trạm y tế xã: 100m	1,2
80	nt	Cách cầu trạm y tế xã: 100m	Cầu trạm y tế xã	1,3
81	Cầu Kênh Mới đến chợ Cái Bát	Cầu trạm y tế xã	Hết ranh đất ông Tô Thành Khương	1,2
82	Trung tâm chợ Cái Bát	Cầu Cái Bát 2 bên (Khu vực chợ)	Rẽ qua cầu Kênh Ông Xe đến hết trường cấp I, II; trở lại trường mẫu giáo Hướng Dương (lộ cấp 6)	1,3
83	nt	Kênh Ông Xe Bờ Bắc	Đường vào Trường mẫu giáo Hướng Dương	1,3
84	nt	Kênh Ông Xe Bờ Nam	Trường Tiểu học Tân Hưng Tây A	1,2
85	Các tuyến khác	Đường vào Trường mẫu giáo Hướng Dương (Hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Tô Bình Ken	1,2
86	nt	Hết ranh đất ông Tô Bình Ken	Hết ranh đất ông Đỗ Thanh Hồng	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
87	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Sứt	Về chùa Ngọc Ân (Cách 200m)	1,4
88	nt	Ranh đất ông Lý Thạnh	Về cầu Trung ương Đoàn: 200m	1,4
89	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cầu Vàm Đình	Cầu kênh Đứng (Hướng Nam)	1,2
90	nt	Cầu kênh Đứng	Cầu Bào Láng (Hướng Nam)	1,3
91	nt	Cầu Vàm Đình	Hết ranh ông Phạm Văn Chàng	1,2
92	Tuyến kênh Ông Xe, phía Bắc	Ranh đất ông Đỗ Thanh Hồng	Hết ranh ông Đỗ Đắc Thơi	1,5
93	Tuyến kênh Ông Xe, phía Nam	Trường Tiểu học Tân Hưng Tây A	Hết ranh Chùa Ngọc Ân	1,0
6. Xã Tân Hải				
94	Tuyến Bào Láng	Đầu kênh Bào Láng phía bên sông	Lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm	1,2
95	Tuyến Bào Láng	Đầu kênh Bào Láng phía bên UBND xã	Lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm	1,4
96	Tuyến lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm (Hướng Bắc)	Kênh Mới	Cống Lung Heo	1,3
97	nt	Cống Lung Heo	Kênh 90	1,2
98	Phía UBND xã (Tên cũ: UBND xã đến Đầu Sáu)	Cầu miếu ông Lò (Tên cũ: Trụ sở UBND xã Tân Hải)	Đầu kênh Đầu Sáu	1,3
99	nt	Đầu kênh Đầu Sáu	Đầu Kênh Tư	1,3
100	Tuyến lộ ven sông Cái Đôi	Trụ sở UBND xã Tân Hải	Hết khu Bình Hưng	1,3
101	nt	Hết khu Bình Hưng	Kênh 90	1,3
102	Đổi diện UBND xã (Hướng Tây)	Ngang vàm Bến Đìa	Về hướng Cái Đôi Vàm: 500 m	1,3
103	Bến Đìa	Vàm Bến Đìa	Hết ranh Trường Cấp II (2 bên)	1,2
104	Xóm Trung	Ngang vàm Bến Đìa	Đầu kênh Tân Điền	1,2
105	Kênh Mới	Đầu Kinh Mới	Đầu lộ huyện (2 bên)	1,2
106	Kênh Công Nghiệp	Đầu kênh Công Nghiệp	Cuối kênh Công Nghiệp	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(2)	(2)	(3)	(4)	(5)
107	Tân Phong	Đầu kênh Cái Cám	Cuối kênh Cái Cám	1,2
108	Tân Điền	Đầu kênh Tân Điền	Cuối kênh Tân Điền	1,2
109	Kênh Thanh Bình	Đầu Sẻ Cạn	Lô hai Thanh Bình	1,2
7. Xã Rạch Chèo				
110	Trung tâm chợ Rạch Chèo	Đầu vàm Kênh Năm	Hết Rạch Chèo Ngọn	1,2
111	nt	Vàm Rạch Chèo	Về hướng trụ sở UBND xã: 200m (2 bên)	1,3
112	nt	Vàm Rạch Chèo + 200m	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo (2 bên)	1,2
113	nt	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo	Ven sông Bảy Háp theo chỉ giới quy hoạch	1,0
114	nt	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo	Cách trụ sở UBND xã Rạch Chèo: 250m (Về hướng đầu Kênh 90, 2 bên)	1,2
115	nt	Cách trụ sở UBND xã Rạch Chèo: 250m (Về hướng đầu Kênh 90, 2 bên)	Đầu kênh 90	1,2
116	nt	Vàm Rạch Chèo Ngọn	Hết ranh Trường tiểu học Rạch Chèo	1,2
117	Tuyến Kênh 90	Vàm Kênh 90	Đê biên Tây (Phía Đông)	1,0
118	Tuyến Kênh 90	Ngã ba Đường Ven (Phía Đông)	Cầu Kênh 90	1,2
119	Tuyến lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm (Hướng Nam)	Cầu Kênh 90	Cống Lung Heo	1,4
120	nt	Cống Lung Heo	Cầu Bào Láng	1,2
121	Kênh Năm (Về UBND xã Tân Hưng Tây)	Cầu Kênh 5	Cầu Cổng Mới	1,2
122	nt	Cầu Cổng Mới	Bùng bình Cái Bát	1,3
123	Kênh 5	Vàm Kênh 5	Đầu kênh Tư Gà	1,0
8. Xã Nguyễn Việt Khái				
124	Khu trung tâm xã	Cửa Gò Công	Trạm Y tế	1,3

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
125	nt	Cầu UBND xã	Cầu Rạch Lạc Nhỏ phía trên bờ	1,4
126	nt	Giáp Khu tái định cư	Ban quản lý Rừng Phòng hộ Sào Lưới	1,5
127	Khu dân cư Gò Công (Khu Cù Lao)			1,2
128	Khu tái định cư Gò Công			1,2
129	Phan Ngọc Hiển	Cầu kênh Kiểm Lâm mới	Kênh Năm Nhung	1,2
130	nt	Kênh Năm Nhung	Đầu lộ về xã Nguyễn Việt Khái	1,4
131	nt	Đầu lộ về xã Nguyễn Việt Khái	Hết đất ông Phạm Văn Khương	1,4
132	Tuyến Rạch Cái Đôi Nhỏ (2 bên)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	Đầu kênh Tạm Cấp	1,4
133	nt	Kinh Năm Nhung	Kinh Cờ Trắng	1,3
134	Tuyến lộ Gò Công - Cái Đôi Vàm	Cầu Rạch Lạc Nhỏ	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1,3
135	nt	Cầu Cái Đôi Nhỏ (Hướng Đông)	Đường vào cổng huyện đội	1,4
136	Tuyến lộ Gò Công - Cái Đôi Vàm	Đường vào cổng huyện đội	Cầu Kiểm Lâm	1,3
137	Xóm Gò Công cũ	Cầu Trắng	Hết lộ hiện hữu	1,4
138	Tuyến kênh Năm Nhung	Phan Ngọc Hiển	Rạch Cái Đôi Nhỏ	1,6
139	Khu hành chính huyện mới	Khu hành chính thuộc ấp Cái Đôi Nhỏ		1,3
140	Kênh Tập Đoàn	Đầu kênh Tập Đoàn	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Lùng	1,4
141	Kênh Tân Tiến	Đầu cầu Tân Tiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hén	1,4
142	Tuyến lộ xã	Đầu cầu UBND xã	Hết ranh đất ông Võ Văn Phuôi	1,7
143	Tuyến lộ về trung tâm xã Nguyễn Việt Khái	Phan Ngọc Hiển (Vào 30m)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1,5
144	nt	Cầu Cái Đôi Nhỏ	Cầu Kênh huyện ủy	1,3
145	nt	Cầu Kênh huyện ủy	Tuyến lộ về trung tâm xã (Cũ)	1,1

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tuyến lộ trong khu tái định cư			1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
Các tuyến đường bổ sung Hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 của UBND tỉnh				
1. Xã Phú Mỹ				
146	Kênh 6 Giàu	P	Cuối Kênh 6 Giàu	1,0
147	Kênh Phú Thạch	Đầu Kênh Phú Thạch	Cuối Kênh Phú Thạch	1,1
148	Kênh Ngang	Đầu Kênh Ngang	Cuối Kênh Ngang	1,1
149	Kênh xáng Cầu sắt	Đầu Cầu sắt	Cống Đá (Giáp xã Phú Tân)	1,1
150	Kênh Nội Đồng 1	Đầu Kênh Nội Đồng 1	Cuối Kênh Nội Đồng 1	1,1
151	Kênh Nội Đồng	Đầu Kênh Nội Đồng 2	Cuối Kênh Nội Đồng 2	1,1
152	nt	Đầu Kênh Nội Đồng 3	Cuối Kênh Nội Đồng 3	1,1
2. Xã Rạch Chèo				
153	Tuyến lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm về Trung tâm xã Rạch Chèo	Đầu Vàm Kênh Năm (2 bên)	Cầu Rạch Chèo ngọn (2 bên)	1,0
154	nt	Cầu Rạch Chèo ngọn (2 bên)	Co đất ông Trần Văn Hinh (2 bên)	1,0
155	nt	Co đất ông Trần Văn Hinh (2 bên)	Cầu Đê Tây (2 bên)	1,0
156	nt	Cầu Đê Tây (2 bên)	Cầu Bào Thùng (2 bên)	1,0
157	nt	Cầu Bào Thùng (2 bên)	Cầu Đường Ven (2 bên)	1,1
158	nt	Cầu Đường Ven (2 bên)	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	1,2

7. HUYỆN ĐÁM DƠI

STT	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Tạ An Khương Đông				
01	Xã Tạ An Khương Đông	Trung tâm xã Tạ An Khương Đông		1,3
02	nt	UBND xã	Hết ranh Trường tiểu học	1,2
03	Đường ô tô về trung tâm xã	UBND xã	Hết ranh Trạm Viễn thông	1,3
04	nt	Hết ranh Trạm viễn thông	Ranh xã Tạ An Khương Nam	1,2
05	Xã Tạ An Khương Đông	UBND xã	Về các hướng còn lại: 200m	1,2
06	nt	Ngã tư Cây Mết	Về các hướng: 200m	1,2
07	nt	UBND xã	Về vàm Ký Thuật: 200m (Phía lộ GTNT)	1,2
08	nt	UBND xã	Về Kênh 5: 200m (Phía lộ GTNT)	1,2
2. Xã Tạ An Khương				
09	Xã Tạ An Khương	Ngã tư Cây Nỏ	Về 4 hướng 200m	1,5
10	nt	Ngã tư Xóm Ruộng	Về 3 hướng: 200m (Tên cũ: Về 2 hướng: 200m)	1,5
11	nt	Ngã tư Cầu Ván	Về 3 hướng: 200m (Tên cũ: Về 4 hướng: 200m)	1,5
3. Xã Tạ An Khương Nam				
12	Xã Tạ An Khương Nam	UBND xã	Về hướng kênh xáng Sáu Đông 400m	1,2
13	nt	UBND xã	Về hướng Tân Hồng: 200m (Theo tuyến lộ) phía bờ Đông	1,2
14	nt	UBND xã	Về hướng Tân Hồng: 200m (Theo tuyến lộ) phía bờ Tây	1,2
15	nt	UBND xã	Cầu Hai An	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16	Xã Tạ An Khương Nam	Cầu Hai An	Về hướng ngã ba Cây Dương, giáp thị trấn (Theo tuyến lộ)	1,3
17	Đường ô tô về trung tâm xã	Cầu lô 17 (Giáp ranh thị trấn)	Giáp ranh xã Tạ An Khương Đông	1,2
4. Xã Tân Trung				
18	Xã Tân Trung	Cổng Nhị Nguyệt	Về 2 hướng (Sông Nhị Nguyệt và Tân Trung): 200m	1,2
19	nt	Bến phà Hòa Trung	Về hướng UBND xã (2 bên lộ Đầm Dơi - Cà Mau): 200m	1,2
20	nt	Bến phà Hòa Trung + 200m	Cổng Tám Sị (2 bên lộ Đầm Dơi - Cà Mau)	1,2
21	nt	Cổng Tám Sị	Về hướng Ngã ba công chào (2 bên lộ Đầm Dơi - Cà Mau): 1.000m	1,2
22	nt	Ngã ba Cổng Chào	Đập Hội Đồng Ninh (Tên cũ: 2000m về hướng đập Hội Đồng Ninh)	1,2
23	nt	Ngã ba Cổng Chào	Về Đầm Dơi - Công Nhị Nguyệt	1,2
24	nt	Ngã ba Cổng Chào	Sông Bảy Háp	1,2
25	nt	Đập Thầy Cai	Về hướng Đầm Dơi: 800m	1,2
26	nt	Đập Thầy Cai	Về hướng Lung Vẹ: 2000m	1,2
27	nt	Bến phà Hòa Trung	Đầu nối Hòa Thành (2 bên lộ)	1,2
28	nt	Đập Hội Đồng Ninh	Đập Bà Ban	1,2
29	nt	Đập Giáo Cừ 1.700m	Về hướng xã Tân Trung	1,2
30	nt	Đập Bà Ban	Cách cổng Nhị Nguyệt: 200m	1,2
5. Xã Tân Thuận				
31	Xã Tân Thuận	UBND xã Tân Thuận	Cụm kinh tế kỹ thuật xã Tân Thuận	1,2
32	nt	UBND xã Tân Thuận (Theo kênh xáng phía bên UBND xã)	Về hướng Vàm mương: 1000m	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ (3)	Đến (4)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
33	Xã Tân Thuận	Khu QHDC 1/500 (Tên cũ: Cụm kinh tế kỹ thuật xã Tân Thuận (Gành Hào))		1,2
34	nt	Ngã ba Xóm Tắc (Đất ven sông, về hướng ngã ba Bộng Kết)	Hết ranh đất ông Việt Hùng (Ngang chùa Kim Liên Cổ Tự)	1,2
35	nt	Ngã ba Xóm Tắc (Đất ven sông, phía Tây)	Về các hướng Thuận Hòa: 300m	1,2
36	nt	Ngã ba Cây Tàng (Đất ven sông)	Về 2 hướng (Xóm Tắc, Ao Bông): 500m	1,2
37	nt	Ngã tư Trạm Y tế	Về các hướng: 200m	1,2
38	nt	Ngã ba Bồn Bồn	Về các hướng: 200m	1,2
39	nt	Ngã Tư ông Rum	Về các hướng: 200m	1,2
6. Xã Tân Đức				
40	Xã Tân Đức	Ngã tư Hiệp Bình	Về các hướng: 200m	1,2
41	nt	Ngã tư Tân Phước (Đầu Trâu)	Về các hướng: 200m	1,2
42	nt	Ngã tư kênh Sáu Đông	Về các hướng: 200m	1,2
43	nt	Ngã tư Hiệp Bình + 200m	Hết ranh Trường tiểu học Hòa Bình	1,5
44	Đường ô tô về trung tâm xã	Ngã Tư Đầu Trâu	Cầu qua sông Hiệp Bình	1,4
45	Ngã tư Soa Đũa	Về các hướng: 200m		1,2
46	Ngã tư Ông Rum	Về các hướng: 200m		1,2
47	Ngã tư Cây Mết	Về các hướng: 200m		1,2
48	Ngã tư Chồng Mỹ	Về các hướng: 200m		1,2
7. Xã Tân Tiến				
49	Xã Tân Tiến	Cầu Ông Búp (Phía Nam)	Hết ranh bên tàu Tân Tiến (Đất ven sông)	1,2
50	nt	Cách bến tàu Tân Tiến: 30m (Về phía sau, giới hạn lộ Cà Học - Tân Tiến)	Cầu Ông Búp (Phía sau nhà lồng, giới hạn lộ Tân Tiến - Cà Học)	1,2
51	nt	Cống Ông Búp (Phía UBND xã)	Về hướng Tắc Cây Bần: 200m	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
52	Xã Tân Tiến	Bến tàu Tân Tiến	Về hướng Cây Tàng (Đất ven sông)	1,2
53	nt	Đất các dãy tiếp giáp nhà lồng		1,2
54	nt	Móng cầu ông Búp	Hết khu văn hóa Tân Tiến (Giáp ấp Thuận Thành)	1,2
55	nt	Khu văn hoá Tân Tiến	Ngã ba Cây Tàng (2 bên lộ xe Tân Tiến - Cà Học)	1,2
56	nt	Ngã ba Cây Tàng (Phía Đông)	Về 2 hướng : 500m (Nước Trong và Đồn biên phòng)	1,2
57	nt	Ngã ba trạm y tế 2 bên lộ xe (lộ bê tông) (Tên cũ: Cầu Ông Búp 2 bên lộ xe)	Ngã ba lộ xe về xã Tân Thuận	1,2
58	nt	Cầu Ông Búp	Về hướng Tắc Cây Bần: 200m (Phía UBND xã)	1,2
59	nt	Cầu Ông Búp + 200 m	Về hướng Tắc Cây Bần (Đối diện UBND xã)	1,2
60	nt	Ngã ba Đầu Trâu	Về các hướng: 200m	1,2
61	nt	Ngã ba đập Mặt Trời	Về các hướng: 200m	1,2
62	nt	Ngã ba kênh Nghĩa Hải	Về các hướng: 200m	1,2
63	nt	Cầu Ông Búp 2 bên lộ xe	Bến phà Tân Tiến - Tân Thuận	1,2
64	nt	Ngã 3 lộ xe về xã Tân Thuận	Cầu Chùm Lựu	1,3
65	nt	Cầu Chùm Lựu	Cầu Tân Đức 2	1,2
66	nt	Ngã 3 Cây Tàng (2 bên lộ xe Tân Tiến - Cà Học)	Cà Học	1,2
8. Xã Tân Dân				
67	Xã Tân Dân	Ngã ba kênh Sáu Thước	Về các hướng: 300m	1,2
68	nt	Ngã ba Lô 4	Về hướng Lô 1: 300m	1,2

STT	Đường, truyền lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
69	Xã Tân Dân	Ngã ba Lô 4	Về hướng Đông: 300m	1,2
70	nt	Ngã ba Lô 1	Về các hướng: 300m	1,2
71	nt	Cầu Cà Bát (Lộ Đầm Dơi - Tân Tiến)	Về hướng cầu Vũ Đức: 1500m	1,2
72	Đường ô tô về trung tâm xã	Cầu Cà Bát	Kênh Lò Gạch	1,4
73	nt	Kênh Lò Gạch	Ngã ba Lô 4	1,2
74	Xã Tân Dân	Kênh Mới	Về các hướng: 500m	1,2
9. Xã Tân Duyệt				
75	Xã Tân Duyệt	Khu Quy hoạch chợ áp 9 (Cầu áp 9 về hướng Thanh Tùng)		1,4
76	nt	Cầu áp 9	Hướng về Đầm Dơi 700m	1,2
77	nt	Cống ngã tư Xóm Ruộng (Lộ Đầm Dơi - Cà Mau)	Cống Tám Đục (Giáp xã Tân Trung)	1,4
78	nt	Cách cống ngã tư Xóm Ruộng: 30m	Cầu kênh Dân Quân	1,2
79	nt	Ngã ba Cống Đá	Về các hướng: 200m	1,2
80	nt	Ngã tư Ông Bình	Về hai hướng: 500 m	1,2
81	nt	Ngã ba Rạch Sao	Hướng về cầu Lung Dừa	1,2
82	nt	Ngã ba Rạch Sao + 201m (2 bên lộ)	Về các hướng	1,2
83	nt	Cống áp 10	Về hai bên cống: 300m	1,2
84	nt	Đoạn Ngã Tư Ông Bình	Cầu Bào Vuông	1,2
85	nt	Ngã Tư Ông Bình	Cống đá (Tên cũ: Cầu Bảy Thi)	1,2
86	nt	Đoạn Cầu Lung Ứng	Cầu Bào Vuông	1,0
87	nt	Đoạn Cầu Thầy Chương	Cầu Lung Ứng	1,2
88	nt	Đoạn Cầu Thầy Chương	Cầu Bào Bèo	1,2
89	nt	Lộ Đầm Dơi Thanh Tùng	Các Đoạn còn lại	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
90	Xã Tân Duyệt	Cầu Rạch Sao II	Cầu Kinh Hàng Dừa	1,2
91	nt	Cầu Kinh Hàng Dừa	Cống Lung Gạo	1,2
92	nt	Cống đá	Giáp ranh xã Quách Phẩm Bắc (lộ 709)	1,2
10. Xã Trần Phán				
93	Xã Trần Phán	Cống Chà Là	Hết ranh bên tàu liên huyện (Trên lộ và dưới sông)	1,2
94	nt	Bến tàu liên huyện	Kênh Chín Y	1,0
95	nt	Kênh Chín Y	Cống Bờ Đập (Sông Bảy Háp)	1,0
96	nt	Cống Chà Là	Cầu Chà Là I (Hướng Bắc)	1,2
97	nt	Cống Chà Là	Cầu Chà Là I (Hướng Nam)	1,2
98	nt	Cầu Chà Là I + 200m (Tên cũ: Cầu Chà Là I)	Về hướng sông Chà Là: 200m (2 bên)	1,2
99	nt	Cống Chà Là	Cầu Kéo cũ (Trạm y tế cũ)	1,2
100	nt	Trạm y tế	Bến phà Chà Là (2 bên lộ dọc theo sông Bảy Háp)	1,2
101	nt	Cầu Chà Là (2 bên lộ Chà Là - Cái Keo)	Lộ Chà Là - Cái Nước	1,1
102	nt	Cầu Chà Là I	Kênh Chín Y (2 bên lộ Chà Là - Tân Trung)	1,3
103	nt	Kênh Chín Y	Cách cống Bờ Đập: 200m (2 bên lộ Chà Là - Tân Trung)	1,2
104	nt	Cống Bờ Đập	Về các hướng còn lại: 200m	1,0
105	nt	Đê ngăn mặn áp Nhị Nguyệt	Về 2 hướng: 200m (Trần Phán và sông Nhị Nguyệt)	1,1
106	nt	Cầu Sáu Hoàng	Cầu Út Hà	1,3
107	nt	Cầu Sáu Hoàng	Cầu Chà Là II (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
108	Xã Trần Phán	Cầu Chà Là II	Cầu Bá Huê (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)	1,3
109	nt	Cầu Bá Huê	Cầu Kênh Nai (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)	1,3
110	nt	Cầu kênh Nai	Cống Lung Gạo giáp ranh xã Tân Duyệt	1,2
111	nt	Cầu Sáu Hoàng	Hết ranh bên phà Chà Là	1,2
112	Lộ bê tông số 3	Ngã tư lộ Chà Là	Đường bê tông số 3 (Đường vào Trường trung học cơ sở xã Trần Phán cũ)	1,2
11. Xã Nguyễn Huân				
113	Xã Nguyễn Huân	Bến tàu Vàm Đầm	Ngã ba Vàm Đầm (Phía mé sông)	1,0
114	nt	Bến tàu Vàm Đầm	Ngã ba Vàm Đầm (Phía trên lộ)	1,2
115	nt	Bến tàu Vàm Đầm	Rạch Ông Mao (Phía lộ giáp mé sông lên giáp phía sau dãy nhà nằm trên đường 3-2)	1,3
116	nt	Cách lộ cấp VI đồng bằng 20m	Cầu Ông Mao (2 bên)	1,2
117	nt	Rạch Ông Mao	Hết ranh Trường cấp II	1,2
118	nt	Ngã ba Vàm Đầm	Hết ranh Trạm y tế (Phía mé sông)	1,2
119	nt	Ngã ba Vàm Đầm	Hết ranh Trạm y tế (Phía lộ)	1,2
120	nt	Ngã ba kênh Ba Hồng	Về các hướng: 200m	1,0
121	nt	Ngã ba Bảy Căn	Về các hướng: 200m	1,2
122	nt	Cụm dân cư làng cá Hồ Gùi		1,2
123	Tuyến lộ cấp VI đồng bằng	Giáp Tân Tiến	Hết ranh Trường Tiểu Học Vàm Đầm (Trừ Ngã ba Kênh Ba Hồng)	1,2
124	Xã Nguyễn Huân	Từ nhà ông Châu Văn Loan	Trường tiểu học Vàm Đầm (tính 2 bên)	1,2
125	nt	Từ nhà ông Dương Văn Chiêu	Đến giáp khu đất người dân tộc (tính 2 bên)	1,2
126	Đường 3-2	Từ nhà ông Trần Văn Lượng (giáp đường số 2)	Qua khỏi lộ cấp VI đồng bằng 20m (tính 2 bên)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
12. Xã Ngọc Chánh				
127	Lộ xe Đầm Dơi - Thanh Tùng	Ngã ba Thầy Cẩn	Về hướng nhà thờ: 500m (2 bên lộ xe Đầm Dơi - Thanh Tùng)	1,2
128	nt	Ngã ba Thầy Cẩn	Về hướng Đập Ba Dây: 200m	1,2
129	nt	Đập Ba Dây: 200m	Cầu Trường Đạo (Giáp ranh xã Thanh Tùng)	1,2
130	Xã Ngọc Chánh	Ngã ba Thầy Cẩn	Về hướng Vàm Đầm: 200m	1,2
131	nt	Ngã ba Cống Đá Nông Trường	Về hướng Bàu Sen: 500m (2 bên lộ), (Trước 200m)	1,2
132	nt	Ngã ba Cống Đá Nông Trường	Về hướng Đồng Gò: 500m	1,2
133	nt	Bàu Sen, Nam Chánh	Về hướng nhà thờ 1500m	1,2
13. Xã Quách Phẩm Bắc				
134	Xã Quách Phẩm Bắc	UBND xã Quách Phẩm Bắc	Về hướng Trường cấp II	1,2
135	nt	UBND xã	Về hướng Trường cấp II	1,2
136	nt	Trường cấp II	Hết ranh Trường cấp I (2 bên)	1,2
137	nt	UBND xã	Hết ranh Trường mẫu giáo: 500m (Về hướng sông Cây Kè)	1,2
138	nt	UBND xã	Về hướng Nhà Cũ - Lầu Quốc Gia: 500m	1,2
139	nt	Lầu Quốc Gia	Về hướng Kênh Cùng: 300m	1,0
140	nt	Lầu Quốc Gia	Về hướng Bà Hính: 300m	1,0
141	nt	Lầu Quốc Gia	Về hướng Kênh Giữa: 300m	1,2
142	nt	Lầu Quốc Gia + 300m	Cách UBND xã: 500m	1,0
143	nt	Cầu Bà Hính	Về sông Bà Hính: 500m	1,2
144	nt	Cầu Bà Hính	Về hướng Lầu Quốc Gia: 500m	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
145	Xã Quách Phẩm Bắc	Cầu Bà Hính	Giáp ranh xã Quách Phẩm	1,2
146	nt	Giáp Trần Phán (Kênh Út Hà)	Cách Lầu Quốc Gia: 300m	1,0
14. Xã Thanh Tùng				
147	Xã Thanh Tùng	UBND xã Thanh Tùng cũ	Cầu Bảo Mù (Chợ Thanh Tùng) + 60m (Hết ranh cây xăng Hoàng Búp)	1,0
148	nt	Cầu Bảo Mù	Về hướng Kênh Ba (2 bên)	1,2
149	nt	Cây xăng Hoàng Búp	Cầu Bào Dừa	1,2
150	nt	Cầu Bào Dừa	UBND xã Thanh Tùng mới (Hướng Tây)	1,0
151	nt	Cầu Bào Dừa	Về hướng Xóm Dừa (2 bên): 200m	1,2
152	nt	Đầu kênh Trương Đạo	Về hướng Vàm Đầm: 200m	1,2
153	nt	Đầu kênh Ông Đơn	Về hướng Trương Đạo: 200m	1,2
154	nt	Đầu Kênh 3	Về hướng Đập Xóm Miên: 200m	1,2
155	nt	Đập Thanh Tùng	Đập Trương Đạo (Tuyến lộ nhựa)	1,2
156	nt	Cầu Thanh Tùng	Hướng Trụ sở văn hoá: 200m (2 bên)	1,2
157	nt	Cầu Trương Đạo	Trường tiểu học Thanh Tùng (Điềm Trương Đạo)	1,2
158	nt	UBND xã cũ	Ngã 3 chợ Thanh Tùng (nhà ông Nguyễn Văn Định)	1,2
159	nt	Salatel	Đập Xóm Miên (2 bên)	1,2
160	nt	Đập Xóm Miên	Về hướng đầu kênh 3: 200m	1,2
15. Xã Quách Văn Phẩm				
161	Xã Quách Văn Phẩm	Cầu Cái Keo 1	Hết ranh Trường Mẫu giáo (Trung tâm chợ)	1,2
162	nt	Trường Mẫu giáo	Về hướng ngã ba Cây Dương: 100m	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
163	Xã Quách Văn Phẩm	Trường mẫu giáo + 100m	Ngã ba Cây Dương (Giáp Năm Căn)	1,2
164	nt	Ngã ba Cây Dương	Về hướng sông Cái Nháp: 200m	1,2
165	nt	Cầu Cái Keo 1	Hết ranh Trường Cấp II	1,2
166	nt	Trường cấp II	Hết ranh Trường THPT liên huyện	1,2
167	nt	Hết ranh Trường THPT liên huyện	Cách cổng Bà Hính: 400m	1,2
168	nt	Bến tàu Bà Hính	Về hướng chợ Bà Hính: 200m	1,2
169	nt	Bến tàu Bà Hính	Về phía sông Bà Hính: 200m	1,2
170	nt	Cầu Cái Keo 1	Về hướng Cầu Cái Keo 2 (2 bên): 200m	1,2
171	nt	Cầu Cái Keo 2 + 200m	Về hướng sông Cái Keo (2 bên): 300m	1,2
172	nt	Cổng Bào Hầm	Về các hướng: 200m	1,2
173	nt	Ngã ba Khạo Đò	Về các hướng: 200m	1,2
174	nt	Cầu Cái Keo 2 + 300m	Cách cổng Bào Hầm: 200m	1,2
175	nt	Ngã tư chợ Bà Hính + 201 m	Cầu út Thoạt	1,2
176	nt	Cầu Cái Keo II	Bến phà Cây Dương	1,2
177	nt	Trung tâm hành chính xã	Bến phà Cây Dương	1,2
178	nt	Giáp lộ nội ô chợ Cái keo	Giáp ranh Chùa Hưng Thới Tự	1,2
179	Đường số 2, 3, ấp Cái Keo	Giáp đường số 10	Giáp đường số 8	1,2
180	Đường số 5, ấp Cái Keo	Giáp đường số 11	Giáp ngã 3 Cây Dương về hướng sông Cái Nháp 200m	1,2
181	Đường số 6, ấp Cái Keo	Giáp đường số 14	Giáp ngã 3 Cây Dương về hướng sông Cái Nháp 200m	1,2
182	Đường số 9, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
183	Đường số 10, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	1,2
184	Đường số 11, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	1,2
185	Đường số 12, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp đường số 5	1,2
186	Đường số 14, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Bến phà Cây Dương	1,2
187	Đường số 3, ấp bà Hính	Giáp nhà ông Lý Văn Mến	Giáp đường số 5	1,2
188	Đường số 4, ấp bà Hính	Giáp đường số 2	Giáp đường số 3	1,2
189	Đường số 3, ấp bà Hính	Giáp đường số 2	Ngã tư chợ Bà Hính + 201 m về cầu út Thoạt	1,2
190	Đường số 5, ấp bà Hính	Giáp lộ ô tô về trung tâm xã	Giáp đường số 2	1,2
191	Tuyến trung tâm xã	Cầu Cái Keo II	Giáp lộ trung tâm xã	1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2

8. HUYỆN NĂM CĂN

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Tam Giang Đông				
1	Áp Vinh Hoa	Ranh đất ông Khánh	Hết ranh đất ông Út Huỳnh	1,2
2	nt	Ranh đất ông Vịnh	Cầu nhà bà Chín Thành	1,2
3	Áp Kinh Ba	Khu dân cư áp Kinh Ba	Hết ranh đất ông Phèn (Kênh Ba)	1,2
4	nt	Ranh đất ông Hồng	Vàm Cái Nước	1,2
5	nt	Hết ranh đất ông Chín Mai	Rạch Xèo Bá	1,2
6	Áp Hố Gùi	Cụm quy hoạch - tái định cư dân cư Hố Gùi 1,2 và tái định cư khu 1 áp Hố Gùi		1,1
7	Áp Bò Hủ	Cụm quy hoạch dân cư Vàm Cái Nước	Khu dự án CWPĐ	1,2
8	nt	Khu tái định cư Bò Hủ Lớn	Bò Hủ	1,2
9	Áp Vinh Hoa	Ranh đất bà Ba Đành	Hết ranh đất ông Sol	1,0
10	nt	Ranh đất ông Thắng	Hết ranh đất ông Chấn (Tiểu khu 132)	1,2
11	Áp Hố Gùi	Kênh xáng khu tái định cư (Ranh đất ông Ba Minh)	Hết ranh đất ông Bảy Lợi	1,2
12	Áp Kinh Ba	Rạch Xèo Bá	Hết ranh đất bà Liễu	1,0
13	Áp Mai Vinh	Ranh đất ông Lê A	Hết ranh đất ông Ba Giảng	1,0
2. Xã Tam Giang				
14	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Lam Phương	Hết ranh đất ông Dòn	1,2
15	nt	Ngã tư chợ	Hết ranh đất ông Khôi	1,2
16	nt	Ranh đất ông Tư Giang	Hết ranh Đồn Biên Phòng 672	1,2
17	nt	Hết ranh Đồn Biên phòng 672	Trạm y tế xã	1,5
18	nt	Hết ranh Trạm y tế xã	Kênh 1	1,3

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
19	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Sét	Hết ranh đất ông Bảy Hụi	1,3
20	nt	Ranh đất ông Khấn	Hết ranh đất ông Thành	1,2
21	nt	Hết ranh Trường tiểu học 1	Kênh Bò Bâu (Lộ sau UBND xã)	1,2
22	nt	Ranh đất bà Đào	Hết ranh đất ông Sơn	1,2
23	nt	Ranh đất ông Lân	Hết ranh đất Trại giống Út Quang	1,3
24	nt	Trường tiểu học 184 (Ranh đất ông Vũ)	Hết ranh Phân Trường 184	1,2
25	nt	Hết ranh Phân trường 184	Rạch Cái Nhám Nhỏ	1,2
26	nt	Rạch Cái Nhám Nhỏ	Kênh Cây Mắm	1,2
27	nt	Giáp ranh Trường cấp 2	Hết ranh đất ông Hai Nhị	1,5
28	nt	Bến phà Kinh 17	Bến phà Tam Giang III	1,2
29	nt	Kênh Ông Đơn	Hết ranh đất ông Hai Nhị	1,1
30	nt	Cầu Bò Bâu	Bến phà Tam Giang III	1,0
3. Xã Hiệp Tùng				
31	Xã Hiệp Tùng	Trụ sở UBND xã Hiệp Tùng	Hết ranh hàng đáy ông Bảy Hoài (Số 1)	1,4
32	nt	Vàm Cái Ngay	Kênh Cá Chốt	1,3
33	nt	Vàm kênh Năm Sâu	Hết ranh trụ sở UBND xã	1,2
34	nt	Vàm kênh Năm Sâu	Trường trung học cơ sở xã Hiệp Tùng	1,2
35	nt	Giáp ranh Trường Tiểu học 1	Ngã tư kênh Năm	1,2
36	nt	Hết ranh Trung tâm văn hoá xã	Hết ranh Trường THCS xã Hiệp Tùng	1,3
37	nt	Hết ranh Trường THCS xã Hiệp Tùng	Cầu kênh Năm Cạn	1,2
38	Kênh Năm Cạn	Cầu Kênh Năm Cạn	Cầu Nàng Kèo	1,0
39	Xóm Lung	Cầu Xóm Lung	Ranh đất ông Hận	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
4. Xã Hàm Rồng				
40	Quốc lộ 1A	Bến phà Đầm Cùng	Ngã ba cầu Đầm Cùng	1,2
41	nt	Mố cầu Đầm Cùng	Mố cầu Lòng Tong	1,2
42	nt	Mố cầu Lòng Tong	Mố cầu Ông Tinh	1,3
43	Lộ Cây Dương	Quốc lộ 1A	Hết ranh bến phà Đầm Cùng cũ	1,2
44	Các tuyến khác	Quốc lộ 1A	Mố cầu 19/5	1,2
45	nt	Bà Lai Thị Tài	Bến phà Đầm Cùng cũ	1,2
46	nt	Hết ranh bến phà Đầm Cùng cũ	Hết ranh bến phà Đầm Cùng mới	1,2
47	nt	Quốc lộ 1A	Hết ranh UBND xã	1,2
48	nt	Ranh UBND xã	Mố cầu Cái Trăng Lá (Tuyến Cây Dương)	1,2
49	nt	Mố cầu Cái Trăng Lá	Bến phà Cây Dương	1,4
50	nt	Trụ sở Quân sự xã	Trại giống Hoà Lợi	1,1
51	Sông Bảy Háp	Cầu Cái Trăng Lá	Bến phà Cây Dương	1,2
52	nt	Cầu Truyền Huấn	Hết ranh đất ông Phạm Văn Liệu (Hướng Tây)	1,2
53	nt	Cầu Truyền Huấn	Hết ranh đất ông Lê Văn Ngôi (Hướng Đông)	1,1
54	nt	Ranh đất ông Lương Văn Có	Hết ranh đất bà Phạm Thị Cẩn	1,2
55	Xã Hàm Rồng	Ranh đất ông Danh Hồng Hậu	Hết ranh đất ông Trần Thanh Bình (Hướng Bắc)	1,1
56	nt	Cầu Cái Trăng	Đầu kênh Năm, cầu Sập (2 bên)	1,2
57	nt	Cầu 19/5	Hết ranh đất ông Tô Công Luận	1,2
58	Xã Hàm Rồng	Cầu 19/5	Vàm kênh 3 Trà	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
59	nt	Mố cầu kênh Năm	Hết ranh đất ông Trương Văn Hộ (Hướng Nam)	1,2
60	nt	Ranh đất ông Tiết Văn Góp	Hết ranh đất ông Dương Văn Sanh	1,2
61	nt	Vàm kênh Ngang	Vàm kênh Tư (Hướng Nam)	1,2
62	nt	Cầu 19/5	Hết ranh đất bà Lâm Hồng Lán	1,2
63	nt	Ranh đất bà Lâm Hồng Huệ	Vàm Tắc Ông Nghệ (2 bên)	1,2
64	nt	Ranh đất ông Tô Văn Út	Hết ranh đất ông Đặng Văn Hôn (Hướng Bắc)	1,2
65	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Que	Hết ranh đất ông Phạm Phi Long (2 bên)	1,2
66	nt	Quốc lộ 1A	Hết ranh đất bà Lê Thị Phiêm (Hướng Nam)	1,1
67	Kênh Ông Tình	Ranh đất ông Lai Hoàng Văn	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bảy (Hướng Nam)	1,2
68	nt	Ranh đất ông Trần Hữu Hiệp	Hết ranh đất ông Trần Văn Tuấn	1,2
69	Kênh Cạn	Ranh đất ông Đặng Ngọc Dành	Hết ranh đất ông Trương Văn Hùng	1,2
70	Kênh Tắc	Ranh đất ông Đặng Ngọc Dành	Hết ranh Trụ sở văn hoá ấp Cái Nai	1,2
71	Sông Bảy Háp	Vàm kênh Tắc	Vàm Xẻo Chồn	1,2
72	nt	Ranh đất ông Phạm Phi Long	Cầu Kênh Mới (2 bên)	1,1
73	nt	Cầu kênh Mới	Hết ranh đất ông Thái Ngọc Tự (2 bên)	1,2
74	Kênh Tắc	Ranh đất Phạm Việt Dũng	Vàm Kênh Tắc	1,2
75	Kinh Năm Cùng	Ranh đất ông Nguyễn Văn Ty	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hùng	1,2
76	Áp Truyền Huấn	Từ đất ông Huỳnh Tự Dựng	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chiến	1,2
5. Xã Hàng Vịnh				
77	Áp Xóm Lớn Trong	Cầu Ông Do	Cầu Xi Tẹt	1,6

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
78	nt	Cầu Kênh Lò	Cầu Xi Tẹt (Phía Nam lộ)	1,4
79	nt	Cầu Xi Tẹt	Rạch Ông Do (2 bên)	1,2
80	nt	Ranh đất ông Nguyễn Tấn Hòa	Hết ranh đất ông Ngô Văn Hồ (2 bên)	1,2
81	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Mía	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Hóa	1,2
82	nt	Ranh đất ông Lê Thanh Phú	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lập	1,2
83	nt	Ranh đất ông Lê Văn Mừng	Hết ranh đất ông Phạm Văn Buôi	1,2
84	nt	Ranh đất ông Dương Văn Cáo	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lê	1,2
85	Áp Xóm Lớn Ngoài	Vàm Cà Trăng	Hết ranh đất ông Trần Văn Hương	1,2
86	nt	Cầu Xi Tẹt	Hết ranh trại giống ông Lê Đức Chính (Dọc theo tuyến sông)	1,2
87	nt	Ranh đất ông Cao Trung Tính	Ngã tư Cà Trăng	1,2
88	Áp 2	Đập ông Hai Sang	Cầu Kênh Lò	1,2
89	nt	Ranh đất ông Trần Sang	Hết ranh đất ông Chu Hoàng Phước (Dọc theo tuyến sông)	1,2
90	nt	Hết ranh đất ông Lê Văn Chon	Hết ranh đất bà Lý Thị Loan (Dãy nhà ngang)	1,2
91	nt	Đập ông Hai Sang	Cầu Trung Đoàn	1,6
92	Áp 1	Cầu Trung Đoàn	Cầu Chệt Còm	1,5
93	nt	Cầu Trung Đoàn	Cầu Chệt Còm (Dọc theo tuyến sông)	1,2
94	nt	Cầu Chệt Còm	Cầu Lương Thực	1,7
95	Áp 1	Cầu Chệt Còm	Hẻm nhà bà Bảy Phái (Dọc theo tuyến sông)	1,2
96	nt	Hẻm nhà bà Bảy Phái (Dọc theo tuyến sông)	Hẻm Cổng chợ (Dọc theo tuyến sông)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
97	nt	Cầu Tàu	Trước UBND xã cũ	1,2
98	nt	Hẻm Cổng chợ	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dũng (Dọc theo tuyến sông)	1,2
99	nt	Nhà ông Lương Minh Danh (Hẻm Cổng Chợ)	Lộ liên huyện	1,2
100	nt	Lộ liên huyện	Cầu ông Tư Lạc	1,2
101	nt	Lộ liên huyện	Hết ranh đất ông Bùi Minh Đức	1,2
102	nt	Lộ nhánh nhà ông Hoài Nhơn	Lộ liên huyện	1,2
103	nt	Cầu Lương Thực	Cầu Công An	1,5
104	nt	Vàm kênh Lương Thực	Lộ liên huyện	1,2
105	nt	Cầu Công An	Kênh xáng Cái Ngay	1,7
106	nt	Cầu Công An	Nhà ông Nguyễn Huy Đình	1,2
107	nt	Cầu Chệt Còm	Hết ranh đất ông Mai Xuân Dế	1,2
108	nt	Lộ liên huyện	Hẻm Sơn Sương (Hết ranh đất ông Huỳnh Thanh Hải)	1,2
109	nt	Lộ liên huyện	Hết ranh đất ông Lê Công Lượng	1,2
110	Áp 3	Ranh đất ông Nguyễn Văn Tâm	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Sơn	1,2
111	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Tấn Tài	Giáp ranh áp 4	1,2
112	nt	Ranh đất ông Đỗ Văn Thật	Hết ranh đất ông Tuyết Thanh Thum	1,0
113	nt	Ranh đất ông Hòa Hồng Phương	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Liêm	1,0
114	Áp 3	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hiệp	Hết ranh đất ông Đỗ Xuân Cường	1,0
115	nt	Lộ liên huyện	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tình	1,0
116	nt	Ranh đất ông Mã Thanh Huỳnh	Hết ranh đất ông Đặng Quang Sang	1,0

STT	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
117	Áp 4	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng	Hết ranh đất ông Lê Thiện Trí	1,0
118	nt	Trại giống ông Thái Thanh Hòa	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hồng	1,0
119	nt	Giáp ranh áp 3	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Vinh	1,0
120	nt	Ranh đất ông Trương Văn Kỳ	Giáp áp Kênh Mới (Xã Hàm Rồng)	1,0
121	nt	Ranh đất ông Hùng	Hết ranh đất ông An	1,0
122	nt	Ranh đất ông Dũng	Hết ranh đất ông Bình	1,0
123	Áp 2	Ranh đất ông Trần Văn Quận	Ranh đất bà Nguyễn Thị Thanh (đọc kênh Trung Đoàn)	1,2
6. Xã Đất Mới				
124	Áp Ông Do	Vàm Ông Do	Hết ranh đất ông Nhân	1,2
125	nt	Ranh đất ông Trúc	Hết ranh đất ông Hai Sang	1,3
126	nt	Ranh đất ông Thăng Đen	Sông Bảy Háp	1,0
127	nt	Vàm Ông Do	Kênh Bảy Thạnh	1,2
128	Áp Ông Chùng	Dốc Cầu Dây Giăng	Cống Ông Tà	1,2
129	nt	Trường mẫu giáo	Trường tiểu học 2	1,4
130	nt	Trường tiểu học 2	Ngã tư Xẻo Ốt	1,3
131	Áp Xóm Mới	Vàm kênh Nước Lên	Kênh Tùng Dện	1,3
132	Áp Phòng Hộ	Vàm kênh Tùng Dện	Hết ranh đất ông Chiến Sò	1,3
133	Áp Trại Lưới A	Trường Tiểu học 4	Hết ranh đất ông Hùng xăng dầu	1,2
134	Áp Trại Lưới A	Trường Tiểu học 4	Ngọn Kênh Đào	1,2
135	nt	Vàm Kênh Đào	Ngã ba Kênh Năm	1,2
136	nt	Vàm Trại Lưới	Hết ranh trại giống ông Hùng Cường	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
137	Áp Cây Thơ	Ngã tư Cây Thơ	Hết ranh đất ông Nguyễn Trường Sơn	1,2
138	nt	Ngã tư Cây Thơ	Ngã tư Bùi Mặc	1,2
139	Áp Ông Chùng	Trường Trung học cơ sở	Ngã ba Ông Chùng	1,2
140	nt	Ngã ba Ông Chùng	Vàm Ông Do (Bảy Háp)	1,0
141	nt	Dốc Cầu Dây Giăng	Vàm Xẻo Ốt	1,2
142	nt	Dốc Cầu Dây Giăng	Kênh Xáng quốc phòng (giáp thị trấn)	1,2
7. Xã Lâm Hải				
143	Áp Xẻo Sao	Vàm Trại Lưới	Vàm Xẻo Sao	1,2
144	nt	Vàm Xẻo Sao	Vàm Lỗ	1,2
145	Áp Trại Lưới B	Rạch Vàm Lỗ	Rạch Nà Nước	1,2
146	Áp Biện Trưng	Ngã ba Đầu Chà	Đổi diện Vàm Nà Chim	1,2
147	nt	Vàm Ông Ngươn	Vàm Ba Nguyễn	1,2
148	Áp Trại Lưới B	Vàm Lỗ	Hết ranh đất ông Nam	1,2
149	nt	Vàm Nà Nước	Kênh Trồn Sóng	1,2
150	Áp Xẻo Lớn + Áp Ông Ngươn	Vàm Ông Ngươn	Hết ranh đất ông Hai Xệ (2 bên)	1,0
151	Áp Ông Ngươn	Ranh đất ông Mận	Vàm Chùng	1,2
152	Áp Chà Là	Ranh đất ông Chia	Hết ranh đất ông Hạ	1,2
153	nt	Ranh đất ông Hạ	Hết ranh đất ông Hùng	1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Các tuyến đường được bổ sung vào Bảng giá đất theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh				
1. Xã Lâm Hải				
154	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Trại Lưới	Cầu Năm Căn	1,2
2. Xã Hàng Vịnh				
155	Lộ Liên huyện	Cầu Xi Tẹt	Cầu Kênh Lò (phía bắc lộ)	1,2
3. Xã Đất Mới				
156	Đường Hồ Chí Minh	Hết ranh Thị trấn Năm Căn	Cầu Trại Lưới	1,1

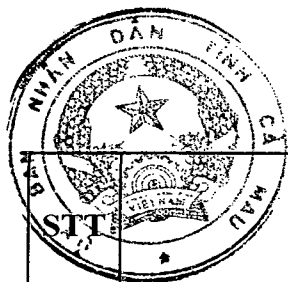
9. HUYỆN NGỌC HIẾN

STT	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Tam Giang Tây				
1	Xã Tam Giang Tây	Cầu Tàu	Hết ranh Trạm y tế xã	1,3
2	nt	Cầu Tàu	Giáp ranh đất khu liên doanh	1,3
3	nt	Ranh đất khu liên doanh 02 bên		1,3
4	nt	Ngã tư Chợ	Hết ranh Trường tiểu học 1 (Chợ Thủ A)	1,2
5	nt	Hết ranh trường tiểu học 1	Cầu Bào Công (Chợ Thủ A)	1,3
6	nt	Ranh đất Bưu điện	Hết ranh đất ông Bảy Tùng (Chợ Thủ A)	1,3
7	nt	Ranh đất ông Bằng	Hết ranh đất ông Yên (Chợ Thủ A)	1,3
8	nt	Ranh đất Bà Loan	Hết ranh Trạm y tế xã (Chợ Thủ A)	1,3
9	nt	Ranh đất Bà Xuân	Cầu Thủ (Chợ Thủ A)	1,3
10	nt	Cầu Bào Công	Rạch Bào Vĩ	1,0
11	nt	Ranh đất Trạm Biên phòng	Cầu Xèo Ngang	1,3
12	nt	Cầu Thủ	Rạch Xèo Đung (Chợ Thủ B)	1,3
13	nt	Cầu Xèo Ngang	Cầu Thủ (Chợ Thủ B)	1,4
14	nt	Hết ranh Trường tiểu học 2	Cầu Ông Tôn (Chợ Thủ B)	1,1
15	nt	Cầu Ông Tôn	Vàm kênh Chín Biện	1,0
16	nt	Ranh đất Trường tiểu học 2	Hết ranh đất ông Dung	1,3
17	nt	Vàm Cà Nảy Nhỏ	Cầu Xí Nghiệp	1,2
18	nt	Cầu Xí Nghiệp	Hết ranh đất trại giống Quang Hà	1,0
19	nt	Hết ranh Trạm Y Tế (Chợ Thủ A)	Kênh Võ Hào Thuật	1,0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
20	Xã Tam Giang Tây	Ranh đất Bà Thiện	Hết ranh đất Trường Mẫu Giáo	1,3
21	nt	Ngang Nhà Lòng Chợ	Hết ranh đất Bà Nga	1,3
22	nt	Cầu bà Khệt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến	1,3
23	nt	Lộ cấp VI đồng bằng	Cầu Bão Vĩ (Đất ông Thanh)	1,3
24	nt	Lộ cấp VI đồng bằng	Hết lộ GTNT hiện hữu (Đất ông Dũng)	1,3
2. Xã Tân Ân Tây				
25	Xã Tân Ân Tây	Cầu ông Định (Tên cũ: Kênh Bảy Tuyền)	Hết ranh Khu nghĩa địa (Trung tâm xã)	1,0
26	nt	Khu vực Dơi Đá	Dọc sông Đường Kéo đến rạch Chà Là 100m và rạch Giáp Nước 400m	1,3
27	nt	Hết ranh Khu nghĩa địa (Trung tâm xã)	Cầu kênh Nước Lộn	1,0
28	nt	Vàm Ông Như	Vàm Ông Quyền (Dọc theo sông Cửa Lớn)	1,0
29	nt	Bến phà sông Cửa Lớn	Cầu ông Định	1,9
30	nt	Cầu Rạch Chà Là	Hết ranh quy hoạch KDC Dơi Giá	1,0
31	nt	Ranh quy hoạch KDC Dơi Giá	Cầu kênh Võ Hào Thuật	1,7
3. Xã Tân Ân				
32	Xã Tân Ân	Rạch Ô Rô	Cầu Nhà Phiếu	1,2
33	nt	Cầu Nhà Phiếu	Cầu Nhà Diệu	1,3
34	nt	Cầu Nhà Diệu	Cầu Dinh Hạng	1,2
35	nt	Cầu Dinh Hạng	Cửa Hóc Năng (Hết ranh đất dự án CWPD)	1,1
4. Xã Viên An Đông				
36	Xã Viên An Đông	Ranh đất ông Phan Văn Thiết	Hết ranh đất ông Phan Văn Sậy	1,3

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
37	Xã Viên An Đông	Cầu Lão Nhược (Ranh đất ông Nguyễn Bé Em)	Hết ranh Trường trung học cơ sở	1,2
38	nt	Ranh đất ông Trần Quốc Khởi	Hết ranh đất ông Đoàn Tuấn	1,0
39	nt	Ranh đất ông Lê Văn Trong	Hết ranh đất ông Mạnh	1,3
40	nt	Cầu Lão Nhược	Hết ranh Trường Mẫu Giáo (Trường THCS cũ)	1,2
41	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Sơn	Vàm Đốc Neo	1,2
42	nt	Ranh đất cơ sở sản xuất nước đá Hiền Phúc	Vàm Nhung Miên	1,3
43	nt	Vàm Biện Nhận	Vàm Ông Miếu	1,3
44	nt	Vàm Xèo Lá (Từ trụ điện vượt sông)	Hết ranh Trạm viễn thông	1,2
45	nt	Cụm dân cư ngã ba Cạnh Đền từ ngã ba ra mỗi hướng + 300m		1,2
46	nt	Cụm ngã ba So Đũa		1,2
47	nt	Khu Trung tâm chợ xã Viên An Đông		1,3
5. Xã Viên An				
48	Xã Viên An	Vàm Ông Trang	Hết ranh đất ông Tám Chương (Khu phố A)	1,3
49	nt	Bốn khu phố A; B; C; D		1,3
50	nt	Ranh Nhà lồng chợ	Hết ranh Nhà Đền cũ	1,4
51	nt	Ranh đất Hăng nước đá Thùy Trang	Hết ranh Khu xăng dầu	1,2
52	nt	Khu kiốt	Hết ranh Nhà lồng chợ	1,2
53	nt	Hết ranh Nhà Đền cũ	Vàm Ông Đồi	1,3
54	nt	Ranh đất ông Tư Đen	Hết ranh Trạm y tế xã	1,3
55	nt	Hết ranh Trạm y tế xã	Hết ranh đất ông Ba Dũng	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
56	Xã Viên An	Ranh đất đền thờ Bác Hồ	Rạch Xèo Bè	1,3
57	nt	Chợ Tắc Gốc	Ngã ba ra tuyến sông	1,2
58	nt	Chợ So Đũa	Ngã ba ra tuyến sông	1,2
59	nt	Vàm Ông Linh (Sắc Cò)	Ngã ba ra tuyến sông	1,2
60	nt	Khu cán bộ		1,2
61	nt	Khu giáo viên		1,1
62	nt	Vàm Ông Thuộc	Vàm Ông Đồi	1,3
63	nt	Ranh đất vuông tôm Quốc Phòng	Kênh xáng nhà lồng cũ	1,2
64	nt	Vàm Ông Trang	Cầu Ông Đồi	1,3
65	nt	Trạm Nước	Hết ranh đất ông Lê Văn Lốp	1,2
6. Xã Đất Mũi				
66	Xã Đất Mũi	Khu quy hoạch Trung tâm chợ xã		2,1
67	nt	Ranh đất Đội thuế xã	Lộ Tè	2,1
68	nt	Giáp ranh khu quy hoạch Trung tâm chợ xã	Cầu Lạch Vàm	2,0
69	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chuyển	Kênh Năm	2,0
70	nt	Ranh Trụ sở Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	Hết ranh Đồn Biên Phòng 680	1,5
71	nt	Hết ranh Đồn Biên Phòng 680	Cửa Vàm Xoáy	1,4
72	nt	Ranh đất nhà bà Nho	Hết ranh đất nhà ông Hai Hòa	1,4
73	nt	UBND xã Đất Mũi	Kênh Năm (2 bên)	1,5
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2



PHỤ LỤC III: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP

	Tên loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 (K)
01	Đất trồng cây hàng năm (Đất trồng lúa, Đất trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, Đất trồng cây hàng năm còn lại, Đất nuôi trồng thủy sản, Đất nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng lúa)	1,0
02	Đất trồng cây lâu năm	1,0
03	Đất rừng sản xuất :	1,0
	+ Khu vực Rừng ngập lợ	
	+ Khu vực Rừng ngập mặn	
	+ Đất rừng sản xuất kết hợp nuôi trồng thủy sản	
04	Đất rừng phòng hộ (Rừng phòng hộ rất xung yếu và rừng phòng hộ xung yếu)	1,0
	+ Đất rừng phòng hộ xung yếu	
	+ Đất rừng phòng hộ kết hợp nuôi trồng thủy sản	
05	Đất rừng đặc dụng	1,0
06	Đất làm muối	1,0